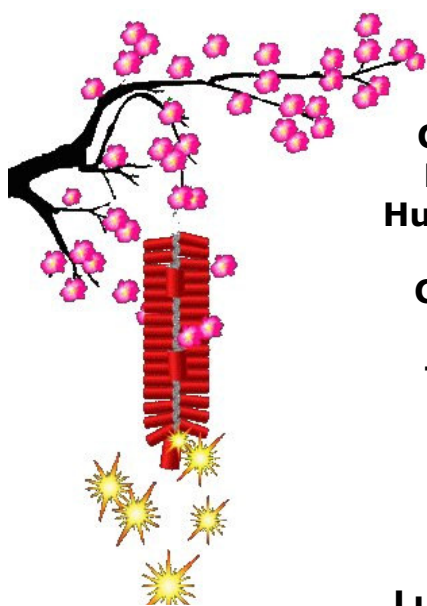
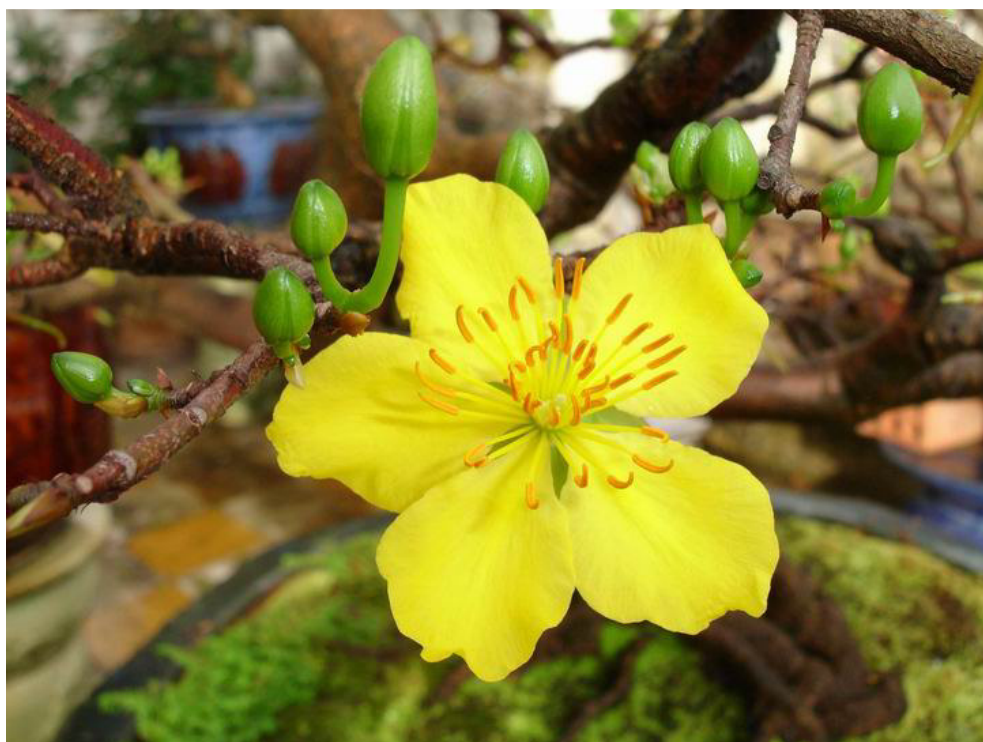


PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Chúc mừng năm mới/Bonne année 2014

Số/N: 47-01/2014



**Năm cũ sắp qua
Năm mới sắp đến
Kính chúc tất cả
Chư Tôn Thiên Đức.
Pháp thể an khang
Huệ đặng thường chiếu
Tu mau đắc đạo
Công viên quả mãn.
Phật tử xa gần
Đầu năm cuối năm
An lạc vui vẻ
Tu hành tinh tấn.
Phát bồ đề tâm
Làm mọi điều lành
Tu mọi điều thiện
Luôn được hạnh phúc!**





Lễ Vu Lan Báo Hiếu 2013

KINH HÒA NGHIÊM

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch: Thật Xoa Nan Đà

Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Tất cả quảng đại từ thế gian
Chẳng bằng một phần của
Nhu Lai

**Lòng từ của Phật như hư không
Diệu Âm Thiên Vương ngộ môn
này.**

“Tất cả quảng đại từ thế gian.” Tâm từ lớn nhất trong thế gian như cha mẹ đối với con cái, nhưng tâm từ rộng lớn này, không bằng tơ hào tâm từ của Đức Phật.

“Chẳng bằng một phần của Như Lai.” Một phần tâm từ của Phật ái hộ chúng sinh, lớn hơn nhiều so với tâm từ của cha mẹ thương con cái. Tâm đại từ của Phật là cứu chúng sinh ra khỏi biển khổ, dù có thể hy sinh tánh mạng của mình. Giống như Bồ tát Địa Tạng Vương, Ngài cứu chúng sinh ở trong địa ngục, Ngài phát đại nguyện rằng :

“Địa ngục chẳng trống không,
Thê không thành Phật
Chúng sinh độ hết
Mới chứng Bồ đề.”

Hạnh của Ngài là Bồ Tát đạo, nguyện của Ngài phát ra là cứu chúng sinh. Mười phương chư Phật trong quá khứ vô lượng kiếp đều phát đại nguyện này. Tâm từ của cha mẹ làm sao so sánh với tâm từ của Đức Phật ? Cha mẹ thương con cái chỉ một đời, còn Phật thì thương chúng sinh nhiều đời. Phật đối với chúng sinh đều có tâm từ bi rộng lớn, vì giáo hóa chúng sinh, mà xả bỏ thân thể của mình, bất cứ nguy hiểm thế nào cũng không từ, nhất định phải cứu chúng sinh, khiến cho họ đắc được an lạc.

“Lòng từ của Phật như hư không.” Tâm từ của Phật rộng lớn cỡ nào ? Lớn giống như hư không vô cùng tận, chẳng khi nào hết được.

“Diệu Âm Thiên Vương ngộ môn này.” Vị Diệu Âm Cú Thiên Vương hiểu được cảnh giới lòng đại từ của Phật đối với chúng sinh, đó là môn giải thoát của vị này đắc được.

**Chúng sinh ngã mạn cao như núi
Thập lực phá tan không còn sót
Đó là bi dụng của Như Lai
Diệu Quang Tràng Vương hành
đạo này.**

“Chúng sinh ngã mạn cao như núi.” Tại sao chúng sinh vẫn là chúng sinh ? Vì có tâm ngã mạn, tức cũng là cống cao ngã mạn. Tâm ngã mạn cao hơn núi Tu Di. Tu hành tức là tiêu diệt tâm ngã mạn, cho nên trong Lục độ có nhẫn nhục Ba La Mật. Bạn nhẫn nhục được thì chẳng có tâm tự kiêu.

“Thập lực phá tan không còn sót.” Phải dùng pháp môn thập lực thì, sẽ phá tan tâm ngã mạn của chúng sinh. Thập lực là mười trí huệ lực :

1. Xứ phi xứ trí lực.
2. Tam thế nghiệp báo trí lực.
3. Thiên định giải thoát tam muội trí lực.
4. Các căn thẳng liệt trí lực.
5. Chủng chủng giải trí lực.
6. Chủng chủng giới trí lực.
7. Nhất thiết chí xứ đạo trí lực.
8. Thiên nhãn vô ngại trí lực.
9. Túc mạng vô lậu trí lực.
10. Vĩnh đoạn tập khí trí lực.

“Đây là bi dụng của Như Lai.” Đây là tác dụng đại từ đại bi của Phật, đủ tiêu trừ chướng ngại sự tu đạo của chúng sinh. Chúng ta phải có ý chí kiên nhẫn, phá tan núi ngã mạn.

“Diệu Quang Tràng Vương hành đạo này.” Vị Diệu Quang Trang Thiên Vương tu hành pháp

môn này mới đắc được môn giải thoát này.

**Huệ quang thanh tịnh đầy thể gian
Nếu ai thấy được trừ si tối
Khiến họ thoát khỏi các đường ác
Tịch Tĩnh Thiên Vương ngộ pháp
này.**

“Huệ quang thanh tịnh đầy thể gian.” Trí huệ quang của Phật, là tận hư không khắp pháp giới, do đó: “Phật quang phổ chiếu.” Quang minh của Phật không những thanh tịnh mà còn trang nghiêm. Nếu chúng sinh nào bị quang minh của Phật chiếu đến, thì nhất định sẽ khai mở đại trí huệ. Muốn được quang minh của Phật chiếu, thì phải tinh tấn tu hành.

“Nếu ai thấy được trừ si ám.” Nếu như người có căn lành lớn, thấy được quang minh của Phật, thì nhất định sẽ tiêu trừ sự đen tối ngu si của họ. Tại sao chúng sinh phải ngu si ? Vì tâm cảnh không chánh đại quang minh, luôn luôn ích kỷ tư lợi, chỉ nghĩ lợi ích cho cá nhân mình, cho nên vô minh càng ngày càng đen tối, càng đen tối thì càng ngu si, càng ngu si thì càng đen tối. Trong sách Luận Ngữ có câu :

"Những gì mình không muốn,
Đừng bố thí cho người khác".

Nghĩa là, việc gì mình không muốn, thì đừng gây tổn hại đến người khác, khiến cho họ sinh phiền não, do đó : “Suy bụng ta ra bụng người ”, đó là đạo lý nhà Nho, cũng là nhân sinh quan tiêu cực. Phật giáo đề xướng từ bi, tức cũng là nhân sinh quan tích cực. Đáng tiếc một số Phật tử hiểu lầm ngã Phật chân thật nghĩa, chuyên vì chính mình mà không đếm xỉa gì đến kẻ khác, cách xa tư tưởng Bồ Tát mười vạn tám ngàn dặm, nếu không hồi đầu thì càng đi càng xa.

“Khiến họ thoát khỏi các đường ác.” Phật khiến tất cả chúng sinh đều thoát khỏi đường A tu la, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục. Tóm lại thoát khỏi sáu nẻo luân hồi, liễu sinh thoát tử, lìa khổ được vui, đạt đến Niết bàn.

Tịch Tĩnh Thiên Vương ngộ pháp này.” Vị Tịch Tĩnh Thiên Vương minh bạch pháp môn này.

**Lỗ lông phóng quang diễn diệu pháp
Số chúng sinh đồng danh hiệu Phật
Tùy theo sở thích đều được nghe**

Diệu Luân Tràng Vương được môn này.

“Lỗ lông phóng quang diễn diệu pháp.” Lỗ chân lông trên thân của Phật, đều phóng đại quang minh, không những phóng quang minh, mà mỗi chân lông đều diễn nói tất cả diệu pháp.

“Số chúng sinh đồng danh hiệu Phật.” Chúng sinh có bao nhiêu thì danh hiệu Phật có bấy nhiêu. Vì chúng sinh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Thành Phật thì có danh hiệu Phật.

“Tùy theo sở thích đều được nghe.” Tùy theo căn tánh chúng sinh đều nghe được diệu pháp của Phật nói.

“Diệu Luân Tràng Vương được môn này.” Đây là môn giải thoát của vị Diệu Luân Tràng Thiên Vương đắc được.

**Như Lai tự tại không thể lường
Hư không pháp giới đều đầy khắp
Tất cả chúng hội đều thấy rõ
Môn giải thoát này Hoa Huệ
chúng.**

“Như Lai tự tại không thể lường.” Sức đại thần thông của Phật diệu không thể nói, tức là không thể suy nghĩ, không thể luận bàn, không cách chi trắc lượng, chẳng có bờ mé.

“Hư không pháp giới đều đầy khắp.” Sức đại thần thông của Phật sung mãn pháp giới, sung mãn hư không, cho nên nói không thể lường.

“Tất cả chúng hội đều thấy rõ.” Sức đại thần thông của Phật ở trong mười phương thể giới, phạm là chỗ nào có pháp hội thì, tất cả chúng sinh nhìn thấy thần lực của Phật rõ ràng, trong suốt không có gì chướng ngại. Khi Phật thuyết pháp thì phóng quang, hoặc là địa chấn. Phóng quang là từ : giữa lông mày, miệng, đầu gối, chân .v.v... Địa chấn thì có : chấn, hồng, kích, động, dũng, khởi, sáu thứ, đó là thần thông lực.

“Môn giải thoát này Hoa Huệ chúng.” Cảnh giới môn giải thoát này vị Hoa Huệ Thiên Vương đắc được. (còn tiếp)

Tĩnh tâm giác ngộ người ơi
Đời là cõi tạm tranh giành mà chi
Chết rồi tay trắng ra đi
Của tiền để lại nghiệp duyên theo mình !

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch: Ngài Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Cho nên Xá Lợi Phất !
Ta vì bày phương tiện
Nói hết các khổ đạo

Mở bày đạo Niết bàn.

Tuy ta nói Niết bàn

Đó cũng chẳng thật diệt

Các pháp từ bốn lai

Tướng thường tự tịch diệt.

Phật tử hành đạo rồi

Đời sau được thành Phật

Ta có sức phương tiện

Mở bày pháp ba thừa.

Nay các đại chúng đây

Đều nên trừ nghi hoặc

Lời chư Phật không khác

Một chẳng có hai thừa.

Xá Lợi Phất ! Ta dùng pháp quyền xảo phương tiện, nói ba tạng giáo lý, muốn giải thoát mọi sự khổ, cho nên nói : biết khổ, dứt tập, mộ diệt, tu đạo, tức là pháp bốn Diệu đế. Ta đối với những người căn tánh tiểu thừa, thì vì họ mà nói Niết Bàn : Thường, lạc, ngã, tịnh, bốn đức. Tuy ta vì họ mà nói pháp tịch diệt, nhưng đó là pháp quyền xảo phương tiện, chẳng phải là pháp cứu kính tịch diệt. Tất cả pháp từ xưa đến nay, pháp tánh vốn tự thanh tịnh tịch diệt, gọi là thật tướng. Bốn thể của nó là tịch diệt, là như như; như như là tịch diệt; tịch diệt tức cũng là như như. "Phật tử hành đạo rồi" : Đệ tử của Phật nghe theo lời Phật dạy, trước hết tu tiểu thừa, sau đó hồi tiểu hướng đại, hành Bồ Tát đạo. Tu Bồ Tát đạo viên mãn, thì tương lai sẽ thành Phật. Ban đầu người nhị thừa chẳng hiểu pháp đại thừa viên đốn, cho nên Phật dùng đủ thứ pháp quyền xảo phương tiện, mở bày pháp ba thừa (Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thừa).

Tất cả các Thế Tôn đều nói một thừa đạo. Chư Phật trước nói ba thừa, sau đó đem ba quy về một, khai quyền hiển thật. Nay các đại chúng Bồ Tát, La Hán, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ,

quý, thân, trời, rồng, tám bộ chúng đây đều nên tin sâu giáo lý viên đốn, trừ nghi hoặc, đừng nên đa nghi không tin như hồ ly. Mùa đông, nước trên mặt sông đóng băng, hồ ly đi qua sông thì mỗi bước đều dùng tai lắng nghe, để biết chắc chắn là mặt sông đã đóng băng, nhưng nó vẫn chẳng tin, do đó lắng nghe rồi lắng nghe nữa, cho nên gọi là hồ nghi.

Người chẳng có căn lành, thì nửa tin nửa ngờ đối với Phật pháp, tức cũng tồn tâm hồ nghi. Tin chẳng chân thật tức là chẳng trừ lòng nghi, tức cũng là ngu si vô minh. Nếu người có trí huệ Bát nhã, thì chẳng hoài nghi. Vì chẳng có trí huệ Bát nhã, cho nên giảng pháp chân thật cho họ nghe, thì họ cho rằng là pháp giả, đó tức là chẳng có trạch pháp nhãn (mắt chọn pháp). Mười phương chư Phật nói pháp đều giống nhau, tức là chỉ có một thừa Phật đạo, trí huệ chân thật, ngoài pháp môn thật tướng chẳng có hai thừa, chẳng có đại thừa, tiểu thừa, hoặc Bồ Tát thừa.

Quá khứ vô số kiếp

Vô lượng Phật diệt độ

Trăm ngàn vạn ức Phật

Số đông không thể lường.

Các Thế Tôn như thế

Đủ thứ duyên thí dụ

Vô số sức phương tiện

Diễn nói tương các pháp.

Các Thế Tôn đó thấy

Đều nói pháp một thừa

Độ vô lượng chúng sinh

Khiến vào được Phật đạo.

Kiếp, dịch ra nghĩa là "thời phần". Thời phần vốn chẳng có định nghĩa, chỉ vì tâm niệm của chúng sinh phân biệt mới có quá khứ, hiện tại và vị lai.

"Các Thế Tôn đó thấy, đều nói pháp một thừa" : Thuở xưa chư Phật nói ba tạng giáo lý, đều là vì thật thí quyền, mục đích cứu kính là khai quyền hiển thật, tức cũng là nói pháp một thừa Kinh

Diệu Pháp Liên Hoa. "Độ vô lượng chúng sinh, khiến vào đờc Phật đạo" : Khiến cho tất cả chúng sinh đều đờc khoái lạc : thường lạc ngã tịnh, bốn đức Niết Bàn.

Các Đấng Đại Thánh Chúa

Biết tất cả thế gian

Trời người loại quần sinh

Trong thâm tâm ưa muốn.

Bèn dùng phương tiện khác

Giúp bày nghĩa đệ nhất

Nếu có loại chúng sinh

Gặp chư Phật quá khứ.

Nếu nghe pháp bố thí

Hoặc trì giới nhẫn nhục

Tinh tấn thiền trí thấy

Tu đủ thứ phước huệ.

Tất cả những người đó

Đều đã thành Phật đạo.

"Các Đấng Đại Thánh Chúa" : Tức là các Đức Phật. Đại Thánh Chúa là tên khác của Phật. "Biết tất cả thế gian" : Thế gian phân ra gồm có hữu tình thế gian và khí thế gian. Hữu tình thế gian còn gọi là chánh báo, khí thế gian còn gọi là y báo. Chánh, y, hai báo Phật đều biết đều thấy. "Trời người loại quần sinh" : Người trên trời và người nhân gian cùng tất cả loại chúng sinh. "Trong thâm tâm ưa muốn" : Đủ thứ sự ưa muốn trong thâm tâm của họ, chư Phật đều thấy biết rõ ràng. Do đó, "bèn dùng phương tiện khác, giúp bày nghĩa đệ nhất" : Vì chư Phật biết sự ưa muốn của chúng sinh, cho nên bày đủ thứ pháp môn quyền xảo phương tiện, để độ thoát chúng sinh. Phương tiện ở đây tức là đại thừa, tiểu thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát Thừa, đó gọi là phương tiện khác, đều vì hiển lộ Phật thừa nghĩa đệ nhất mà bày ra. "Nếu nghe pháp bố thí" : Bố thí gồm tài thí, pháp thí và vô úy thí. "Hoặc trì giới nhẫn nhục" : Hoặc tu trì giới độ, hoặc nhẫn nhục độ. Hành bố thí độ xan tham, trì giới độ hủy phạm, nhẫn nhục độ sân hận. "Tinh tấn thiền trí thấy" : Tinh tấn độ giải đãi, thiền định độ tán loạn, tán loạn tức là chẳng có định lực, trí huệ độ ngu si. "Tu đủ thứ phước huệ" : Tu sáu độ vạn hạnh, tức cũng là tu phước huệ. "Tất cả những người đó" : Hết thấy những người này. "Đều đã thành Phật đạo" : Họ đều đã thành Phật đạo. Vì những người này ban đầu tu chút chút việc thiện, ngày tháng tích lũy, từ chút chút mà biến

thành nhiều, từ một việc phước mà trở thành nhiều việc phước ; từ một việc huệ mà trở thành nhiều việc huệ ; khi nào phước huệ tròn đầy thì Phật đạo cũng thành tựu. Bây giờ chúng ta bắt đầu tu hành, không biết trong quá khứ bạn đã gieo trồng phước huệ chưa, thì đời này chúng ta gặp đờc Phật pháp vô thượng, nhất định phải bắt đầu dừng mãnh tinh tấn tu hành cho đến khi thành Phật.

Sau chư Phật diệt độ

Nếu người tâm tốt lành.

Những chúng sinh như thế

Đều đã thành Phật đạo

Chư Phật diệt độ rồi

Người cúng dường xá lợi.

Tạo vạn ức bảo tháp

Vàng bạc và pha lê

Xa cừ cùng mã nã

Châu mai khôi lưu ly.

Thanh tịnh rộng nghiêm sức

Trang trí nơi các tháp

Hoặc dùng đá làm chùa

Chiên đàn và trầm thủy.

Gỗ mật và gỗ khác

Gạch ngói bùn đất thấy

Nếu ở nơi đồng hoang

Chứa đất thành chùa Phật.

Cho đến trẻ con chơi

Vun cát làm tháp Phật

Tất cả những người đó

Đều đã thành Phật đạo.

"Sau chư Phật diệt độ" : Sau khi chư Phật vào Niết Bàn. "Nếu người tâm tốt lành" : Nếu người có tâm tốt lành hòa diệu, ban đầu xem ra tuy chỉ có chút chút căn lành, nhưng lâu dần tích lũy đờc rất nhiều công đức. "Các chúng sinh như thế, đều đã thành Phật đạo" : Như những chúng sinh đó cũng đều đã thành Phật. "Chư Phật diệt độ rồi" : Sau khi chư Phật diệt độ. "Người cúng dường xá lợi" : Tạo tháp cúng dường tất cả xá lợi của Phật. Tạo tháp thí có tầng cấp khác nhau, chỉ có tháp xá lợi của Phật là mười ba tầng, Bích Chi Phật thì năm tầng, tứ quả A La Hán thì bốn tầng, tam quả A Na Hàm là ba tầng, nhị quả Tư Đà Hàm là hai tầng, sơ quả Tu Đà Hoàn là một tầng.

"Tạo vạn ức bảo tháp" : Tạo dựng trăm ngàn vạn ức bảo tháp, dùng gì để tạo ? "Vàng bạc và pha lê" : Hoặc dùng vàng, bạc, hoặc pha lê để tạo tháp. "Xa cừ cùng mã não" : Hoặc dùng đá xa cừ để tạo, hoặc dùng đá mã não để tạo. "Châu mai khô lưu ly" : Hoặc dùng đá mai khô, hoặc dùng đá lưu ly, hoặc dùng châu châu để tạo tháp. "Thanh tịnh rộng nghiêm sức" : Dùng đồ thanh tịnh trang nghiêm, để nghiêm sức tháp xá lợi của Phật. "Trang trí nơi các tháp" : Lại dùng các thứ đồ vật để trang trí các tháp. "Hoặc dùng đá làm chùa, chiên đàn và trầm thủy" : Hoặc có người dùng đá làm chùa, hoặc dùng gỗ chiên đàn và gỗ thơm trầm thủy để làm chùa, làm tượng Phật. "Gỗ mật và gỗ khác, gạch ngói bùn đất thảy" : Gỗ mật tức là gỗ thơm, hoặc dùng gạch ngói, hoặc dùng bùn đất làm chùa. "Nếu ở nơi đồng hoang, chứa đất thành chùa Phật" : Hoặc ở nơi hoang dã, tích chứa đất thành ngôi chùa. "Cho đến trẻ con chơi, vun cát làm tháp Phật" : Nhân đến trẻ con chơi giỡn, vun một đồng cát làm tháp Phật. "Tất cả những người đó, đều đã thành Phật đạo" : Tất cả những người như thế, tích lũy công đức cũng đều đã thành Phật.

Nếu như người vì Phật Kiến tạo các hình tượng Điều khắc thành các tượng Đều đã thành Phật đạo.

"Nếu như người vì Phật, kiến tạo các hình tượng, điều khắc thành các tượng" : Dùng đủ thứ vật chất khác nhau để làm tượng Phật, những người này "đều đã thành Phật đạo".

Hoặc làm bằng bảy báu Vàng thau đồng trắng đỏ Nhôm chì và chất kẽm Sắt gỗ cùng với bùn. Hoặc dùng keo sơn vải Nghiêm sức làm tượng Phật Hết thảy những người đó Đều đã thành Phật đạo.

"Hoặc làm bằng bảy báu" : Hoặc dùng bảy báu : vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, để tạo tượng Phật. "Vàng thau đồng trắng đỏ" : Vàng thau giống như vàng thật, nhưng chẳng phải vàng thật, hoặc là đồng trắng, đồng đỏ. "Nhôm chì và chất kẽm" : Hoặc dùng chất nhôm, chì, kẽm để tạo tượng Phật. "Sắt gỗ cùng với bùn" : Hoặc dùng sắt, hoặc dùng gỗ, hoặc dùng bùn để tạo tượng

Phật. "Hoặc dùng keo sơn vải" : Hoặc dùng keo, sơn, vải để tạo tượng Phật. "Nghiêm sức làm tượng Phật" : Dùng để trang sức những tượng Phật, trông rất đẹp vô cùng.

Tạo tượng Phật có mười một thứ công đức :

1. Đòi đòi kiếp kiếp mắt sáng suốt thấy rõ. Tại sao có quả báo như thế ? Vì trong đời quá khứ đã tạo tượng Phật cho nên mắt thấy rõ sáng suốt.
 2. Sinh vào nơi chẳng có người ác, bất cứ chung quanh phải trái trước sau chỗ của mình ở, họ hàng bạn bè đều là người tốt, chẳng gặp người ác, thú dữ, hoặc các hiểm nạn.
 3. Sinh trưởng trong nhà giàu : sinh vào nhà giàu có, vừa có tiền vừa có địa vị.
 4. Thân thể màu hoàng kim. Tại sao thân thể của chúng ta chẳng phải màu hoàng kim ? Vì trong quá khứ chẳng tạo tượng Phật.
 5. Châu báu dôi dào. Nơi nào cũng đầy đủ châu báu.
 6. Sinh vào nhà hiền lành. Sinh vào nhà người hiền lành.
 7. Được sinh làm vua. Công đức tạo tượng Phật, đời sau được sinh làm vua. Bây giờ có những nước chẳng có vua, nhưng làm tổng thống và vua đều giống nhau.
 8. Được làm Chuyển luân vương. Làm chuyển luân vương càng trân quý hơn, Chuyển luân vương một khi mà tu thì thành Phật.
 9. Không những làm vua ở nhân gian mà còn có thể sinh về cõi trời, sinh về Phạm thiên, thọ mạng lâu dài.
 10. Chẳng đọa vào đường ác. Người đã từng làm tượng Phật thì sẽ không đọa vào ba đường ác.
 11. Đòi đòi kiếp kiếp kính trọng Tam Bảo, quy y Tam Bảo, chẳng đọa lạc. Đó là mười một thứ công đức tạo tượng Phật.
- Người tạo tượng Phật tướng mạo rất viên mãn. Tại sao tướng mạo của Phật viên mãn như thế ? Vì trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp, chẳng biết Ngài đã tạo bao nhiêu tượng Phật. Bạn thử tính xem, Ngài gặp bao nhiêu vị Phật ra đời ? A Tăng Kỳ kiếp thứ nhất gặp hơn bảy vạn năm ngàn vị Phật, A Tăng Kỳ kiếp thứ hai gặp hơn bảy vạn sáu ngàn vị Phật, A Tăng Kỳ kiếp thứ ba gặp hơn bảy vạn bảy ngàn vị Phật. Gặp nhiều vị Phật như vậy thì tất nhiên Ngài tạo tượng Phật càng nhiều hơn, nếu tính thì chẳng biết được số lượng, cho nên tướng mạo của Ngài viên mãn phi thường. Tạo tượng Phật không những tướng mạo viên mãn, mà còn khiến cho người sinh tâm ái kính tu phước tu huệ. "Hết thảy những người đó, đều đã thành Phật đạo" : Những người tạo tượng Phật cũng đều đã thành Phật. (còn tiếp)

Chú Lăng Nghiêm giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

133. Tát đất la.

Kệ :

Kiên trì địa thần hộ Ta Bà
Sơn băng thổ liệt tai nạn đa
Tăng tổn bệnh hoạn giai hoạch dữ
Tâm Chú gia bị trừ bách a.

Tạm dịch :

Kiên trì Địa Thần hộ Ta Bà
Núi lở đất nứt nhiều tai nạn
Bệnh hoạn tăng tổn đều lành hẳn
Tâm Chú gia bị trừ bách bệnh.

Giảng giải : Tát Đất La là tên của "Địa Thần". Trong Kinh Địa Tạng xưng vị đó là Kiên Lao Địa Thần. Ở đây dịch là "kiên trì". Kiên lao và kiên trì chẳng khác mấy. "Kiên trì Địa Thần hộ Ta Bà." Vị thần đó chuyên bảo hộ chúng sinh ở thế giới Ta Bà.

"Núi lở đất nứt nhiều tai nạn." Vì nghiệp cảm của chúng sinh, cho nên cảm ra núi lở, đất nứt, đủ thứ tai nạn.

"Bệnh hoạn tăng tổn đều lành hẳn." Trên đất bằng, hoặc ở đây tăng thêm một chút thì biến thành núi cao, bên kia lại giảm bớt một chút, thì thành biển cả, hoặc biển lại biến thành núi. Những bệnh hoạn tăng tổn như thế đều khỏi hẳn.

"Tâm Chú gia bị trừ bách bệnh." Niệm Chú gia trì đại địa, thì đại địa có bách bệnh cũng đều không. Con người có bệnh của con người, đất có bệnh của đất, trời có bệnh của trời. Bất quá chúng ta ở dưới đất, chẳng biết bệnh của trời. Thường tụng Chú Lăng Nghiêm cũng sẽ giúp đỡ trời đất, trị những hung khí và bệnh tật của trời đất. Bạn chỉ tụng trì trong vô hình thì đối với trời đất, đối với tất cả đều có trợ giúp và cảm ứng.

Bất cứ tu pháp môn gì, trước hết phải chú trọng đức hạnh. Nếu đức hạnh không đủ thì sẽ phát sinh ma chướng. Phải lập công lập đức. Lập công thì hộ trì đạo tràng, chịu khổ chịu cực. Lập đức thì dùng đồ kỵ chướng ngại người khác, khiến cho

người khác sinh phiền não. Bất cứ tu pháp môn gì, nếu nóng giận không sửa đổi, phiền não không dứt thì chẳng được ích lợi gì. Xuất gia rồi, trước phải lập công lập đức. Có công đức rồi sau đó tu pháp môn gì cũng đều dễ dàng. Cho nên :

“Thăng thì căng, chậm thì chùng,
Không thăng, không chùng, mới thành công.”

Tu hành dễ phát tâm dũng mãnh, nhưng khó giữ được bền lâu, phải phát tâm lâu bền, tâm không lùi.

Chú Lăng Nghiêm không thể chỉ niệm một câu, một đoạn, một đoạn. Tuy nhiên mỗi một câu đều có ý nghĩa của mỗi câu, nhưng trước sau đều liên kết quan hệ với nhau. Trong Chú Lăng Nghiêm có từng đoạn, từng đoạn, phải biết từng đoạn này bắt đầu và kết thúc. Tham thiền an nguy đều có đủ thứ nhân duyên, không phải chỉ có một thứ, có người muốn tu hành nhưng tâm ích kỷ quá nặng, thấy cái ta quá sâu, đều quên khôngặng cái ta, đều có tâm tự tư tự lợi, do đó rất dễ dàng vướng ma. Chân chánh hành Bồ Tát đạo, tu hành không có tâm vội tiến nhanh, không nghĩ dùng pháp gì để sớm được khai ngộ, sớm thành Phật, cứ thích mau, hoặc có sự háo kỳ, đều muốn phiêu dị hiện kỳ, hoặc hy vọng được thần thông, hoặc có cảnh giới gì chẳng giống người khác, do đó dễ dàng vướng vào ma chướng. Nếu bạn chỉ một lòng tham thiền, không khởi vọng tưởng gì khác, như vậy thì muốn vướng ma cũng chẳng có ma nào có thể vào được, vì bạn chẳng khởi vọng tưởng nhiều như thế, không có tâm tà tri tà kiến. Cho nên vướng ma đều do tà tri tà kiến. Nếu chỉ có tâm đại công vô tư, không muốn mau, không muốn siêu hơn người khác, chỉ chuyên nhất dụng công, thì ma gì cũng chẳng có, chứ chẳng phải tham thiền có nguy hiểm gì.

134. A cát ni.

Kệ :

Hoả thần phát nguyện diệt hoả độc
Nhất thiết nhiệt bệnh tận quyên trừ

Phiền não sân hận vô tông ảnh
Thanh lương cam liệt khánh hữu dư.

Tạm dịch :

Thần Lửa phát nguyện diệt lửa độc
Tất cả bệnh nhiệt trừ khử sạch
Phiền não sân hận không dấu vết
Cam lồ mát mẽ cứu sống lại.

Giải thích : A Cát Ni là tên của "Thần Lửa", đại khái tu lửa mà thành Thần. Vị đó phát nguyện diệt trừ tất cả lửa độc. Nếu người bị lửa thiêu cũng là một thứ lửa độc, trên thân nếu sinh bệnh nhiệt cũng có lửa độc.

“Tất cả bệnh nhiệt trừ khử sạch.” Bệnh nhiệt đều chẳng có.

“Phiền não sân hận không dấu vết.” Phiền não sân hận đều là lửa, bây giờ đều chẳng còn dấu vết, tông tích.

“Cam lồ mát mẽ cứu sống lại.” Mát mẽ như cam lồ, nhiệt não hóa thành mát mẽ. Nghĩa là bỏn lai đáng chết lại sống lại.

135. Ô đà ca la nhã xà.

Kệ :

Giải trừ thủy độc phong thấp chứng
Ung hoán hư nuy thận tràng anh
Bàn thũng bì phu giới lại tiên
Nhất thiết thống khổ hoá cát tường.

Tạm dịch :

Giải trừ nước độc chứng phong thấp
Tê liệt bại xuy thận ruột bứ
Phù thũng ghê lở và cùi hủi
Tất cả thống khổ hóa cát tường.

Giải thích : “Giải trừ nước độc chứng phong thấp.” Nước độc, phong thấp, gió độc đều có thể giải trừ được.

“Tê liệt bại xuy thận ruột bứ.” Tê liệt tức là bán thân bất toại, trúng gió không nói được .v.v. Bại xuy là người rất suy nhược, yếu đuối. Thận ruột bứ là tạng thận sinh bứ hoặc là ruột sinh bứ.

“Phù thũng ghê lở và cùi hủi.” Bị phù thũng, bị bệnh ghê và bệnh cùi hủi.

“Hết thảy thống khổ hóa cát tường.” Tất cả thống khổ đều chẳng còn nữa, đều hóa thành cát tường. Cho nên thành tâm niệm Chú Lăng Nghiêm thì bệnh gì cũng đều khỏi, so với Chú

Đại Bi trị bệnh diệu hơn nhiều.

136. A bát la thị đa câu la.

Kệ :

Từ Thị dũng kiện Vô Năng Thắng
Lượng đấng hư không tổng bao dung
Trang nghiêm Thánh chúng tề ủng hộ
Trữ vọng bồ đề nhật nhật tăng.

Tạm dịch :

Từ Thị dũng kiện Vô Năng Thắng
Lượng như hư không tận bao dung
Thánh chúng trang nghiêm đều ủng hộ
Hy vọng bồ đề ngày ngày tăng.

Giải thích : A Bát La Thị Đa Câu La dịch là "Vô Năng Thắng", lại dịch là "dũng kiện" là danh hiệu của Bồ Tát Di Lạc. Câu La dịch là "trầm hương", là Di Lạc Bồ Tát, cũng là Đại Thế Chí Bồ Tát, cũng là Hương Nghiêm Đồng Tử và các vị hộ pháp của các vị ấy. Cho nên nói : “Từ Thị Dũng Kiện Vô Năng Thắng.” Từ Thị tức là Di Lạc Bồ Tát. Sự dũng kiện chẳng có ai thắng hơn Ngài.

“Lượng như hư không tận bao dung.” Bụng của Ngài lượng đồng như hư không. Do đó có câu :

“Bụng lớn hay chứa,
Chứa việc thiên hạ khó chứa.
Mở miệng liền cười,
Cười những người thiên hạ đáng cười.”

Chẳng có gì mà Ngài không thể không bao dung. Tất cả cây cỏ cũng ở trong hư không, hư không cũng bao dung, tất cả cỏ độc cũng ở trong hư không, hư không cũng bao dung.

“Thánh chúng trang nghiêm đều ủng hộ.” Tất cả Thánh chúng trang nghiêm đều ủng hộ Di Lạc Bồ Tát.

“Hy vọng bồ đề ngày ngày tăng.” Ngài ở tại đó đợi chúng ta phát bồ đề tâm, ngày càng lớn lên. (còn tiếp)

Trước khi Nói - Hãy lắng Nghe.
Trước khi Viết - Hãy suy Nghĩ.
Trước khi Chê Bai người khác - Hãy Nhìn Lại chính mình.
Trước khi Từ Bỏ - Hãy thử một lần Cố Gắng.
Và trước khi Nhận Lại - Hãy học cách Cho Đi.

Chú Đại Bi giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định
Tiếp theo kỳ trước.

36. Y Hê Di Hê.

"**Y** Hê Di Hê" là "Độc Lâu Trọng Thủ", dịch ra là "thuận triệu, thuận giáo". Tức là bạn kêu họ thì họ sẽ nghe lời kêu của bạn, bạn dạy họ thì họ cũng y giáo phụng hành. Còn có một ý nghĩa nữa là "tâm đảo", tức là trong tâm bạn nghĩ đến cái gì thì sẽ thành tựu cái đó.

Trên họa đồ thì câu Chú này thuộc về Ma Hê Thủ La Thiên Vương. Ma Hê Thủ La Thiên Vương là ma vương của ngoại đạo, bôn lai y cho rằng y lớn nhất, chẳng ai lớn bằng y; song y nghe đến câu Chú này thì phải chấp tay lại y giáo phụng hành, nếu y chẳng y giáo phụng hành thì không được. Cho nên bạn niệm câu chú "Y Hê Di Hê" này thì Ma Hê Thủ La Thiên Vương sẽ đến, lúc này, trong tâm của bạn nghĩ làm việc gì, kêu y đi làm thì y có thể lập tức y giáo phụng hành.

"Độc Lâu Trọng" là gì ? Độc Lâu tức là cái đầu lâu của con người. Bồ Tát Quán Thế Âm tụng câu Chú này để gia trì tu luyện cái đầu lâu; tu luyện thành rồi thì gọi là Độc Lâu Trọng. Một khi cầm Độc Lâu Trọng lên thì tất cả quỷ thần đều phải nghe mệnh lệnh, nghe gọi đến; nếu không nghe mệnh lệnh thì phải bị phạt. Do đó sức lực câu Chú này không thể nghĩ bàn.

37. Thất Na Thất Na.

"Thất Na Thất Na" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "đại trí huệ", còn gọi là "hoàng thệ nguyện".

Đại trí huệ này là Bảo Kính Thủ Nhân ở trong 42 Thủ Nhân. Bảo Kính là gương báu, cũng là ví dụ 'đại viên cảnh trí' của Phật. Đại viên cảnh trí của Phật cũng giống như Bảo Kính Thủ. Do đó dịch ra ý nghĩa gọi là đại trí huệ. Còn gọi là hoàng thệ nguyện. Hoàng cũng là lớn.

Đại trí huệ là gì ? Chúng sinh thì khởi vọng tưởng, còn Phật thì không có vọng tưởng. Sự nghĩ của Phật là do trí huệ phát ra, là trí huệ Bát Nhã

chân chánh. Trí Bát Nhã là một thứ trí đại quang minh, một thứ đại quang minh. Vì sao có đại quang minh ? Vì có trí huệ chân chánh. Nếu chúng ta có trí huệ chân chánh thì có quang minh, nếu người ngu si thì họ sẽ đen tối. Quang minh tức là ánh sáng mặt trời, đen tối tức là âm khí. Vì sao bạn ngu si ? Vì bạn âm khí quá thịnh. Vì sao bạn thông minh ? Vì bạn thịnh ánh sáng mặt trời. Cho nên đại trí huệ này chẳng giống như tư tưởng của một số người; mà biện rõ được thị phi, chẳng cần hỏi ai, thấy thì biết ngay : "Như thế này thì không đúng, như thế kia thì đúng". Đường không đúng thì không đi, đường đúng thì tiến bước tu hành.

Tu hành trước hết phải có đại trí huệ, có đại trí huệ thì biện rõ được thị phi, biết "phải đạo thì tiến, trái đạo thì lùi". Bạn không thể biết rõ đây là việc không đúng mà bạn vẫn muốn làm. Bạn biết rõ là phạm giới mà bạn vẫn muốn thử xem có phạm hay không phạm, đó là ngu si nhất, chẳng có trí huệ. Bạn nói : "Chẳng phải ! tôi có trí huệ, song lúc đó lỡ làm sai". Lúc đó bạn làm sai thì lúc đó là ngu si, tức là chẳng có trí huệ; người có đại trí huệ thì chẳng nghĩ tưởng điên đảo. Cho nên Ngài A Nan mới nói : "Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tưởng, bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân." Nghĩa là : "Tiêu diệt nghĩ tưởng điên đảo của con trong ức kiếp, chẳng trải qua số kiếp A tăng kỳ mà đắc được pháp thân". Ưc kiếp ở đây chẳng phải là một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, năm kiếp hoặc là một trăm kiếp, một ngàn kiếp, một vạn kiếp mà nói không ra bao nhiêu đại kiếp.

Tại sao trong tâm của chúng ta có nhiều vọng tưởng? Vọng tưởng trước diệt thì vọng tưởng sau sinh ra, vọng tưởng sau diệt thì vọng tưởng sau nữa lại sinh ra, giống như sóng biển. Sóng ở trong biển tức là vọng tưởng của con người; vọng tưởng của chúng ta tức cũng là sóng ở trong biển. Bạn thấy biển thì cho rằng nó là vật chết, phải chăng? Biển không ra khỏi tâm của chúng ta, chúng sinh đều ở trong tâm của chúng sinh. Bạn thấy sóng trong biển không ngừng, vọng tưởng của chúng ta cũng giống như sóng, cái này diệt thì cái khác đến, cái khác nữa lại đến, vô cùng vô

tận, nối tiếp không ngừng, cái sau theo cái trước, ai cũng chẳng lạc về sau, đều nghĩ chạy về phía trước, đó là vọng tưởng.

Tại sao lại có vọng tưởng? Vì chẳng có trí huệ. Nếu bạn có trí huệ thì sóng cũng chẳng có, "sóng yên, gió lặng", trong biển chẳng có sóng cũng giống như người tu hành đắc được định lực. Một khi đắc được định lực thì nước trí huệ sẽ hiện tiền, chẳng có sóng, chẳng có vọng tưởng. Lúc đó mới thật là thanh tịnh, thật là chẳng nhiễm một bụi trần, vạn sự vạn vật đều không, đó là biểu hiện đại trí huệ hiện tiền. Người có đại trí huệ thì làm việc gì cũng đều thành công; còn người chẳng có trí huệ thì làm việc gì cũng đều thất bại, cho nên trí huệ là quan trọng nhất.

Ngu si là gì? Vô minh tức là ngu si, ngu si tức là vô minh. Khi vô minh sinh ra thì bạn chẳng minh bạch. Cho nên có những người làm việc sai lầm, hỏi ý rằng: "Tại sao bạn làm như thế?" Ý nói: "Tôi không biết". Đó là gì? Tức là ngu si, chẳng có trí huệ, là vô minh.

Song do vô minh làm ra việc sai mà mình còn không thừa nhận là vô minh, họ nói "I know! Tôi biết". Biết mà còn làm sai? Bạn thấy có kỳ quái chẳng? Đó tức là người ngu si! Chẳng có đại viên cảnh trí tức cũng chẳng tu Bảo Kính Thủ Nhân. Nếu bạn có Bảo Kính Thủ Nhân thì không ngu si. Bất cứ những gì đến, ma đến thì chém ma, Phật đến thì chém Phật, giống như bạn cầm một thanh kiếm bén, bất cứ việc gì đến thì thanh kiếm đều chặt đứt. Đại trí huệ cũng giống như thanh kiếm báu.

Có người nói thanh kiếm trí huệ rất nặng, chẳng dễ gì cầm lên. Bạn không cầm, chứ nếu bạn cầm thì chẳng phí sức; bạn không cầm thì nhẹ cũng là nặng; bạn cầm lên thì nặng cũng là nhẹ. Tại sao? Bạn cầm lên thì nặng cũng biến thành nhẹ. Nếu bạn cầm thanh kiếm trí huệ lên thì tất cả cảnh giới đến đều chém sạch, việc gì cũng chẳng có vấn đề. Cho nên tôi thường nói: "Everything's ok", tức cũng là đạo lý này. Nếu bạn không thể nào everything's ok thì bạn chẳng có thanh kiếm trí huệ, cho nên bạn không thể okay được. Nếu bạn có thanh kiếm trí huệ thì việc gì cũng chẳng có vấn đề. Bạn thấy bất cứ vấn đề gì mà gì cũng đều chẳng có vấn đề, đó là chỗ diệu.

Trên thế giới này, hết thầy tất cả sơn hà đại địa, nhà cửa, y báo, chánh báo đều không ra ngoài một tâm niệm hiện tiền của chúng ta. Y báo là gì

? Tức là sơn hà đại địa, nhà cửa phòng ốc. Chánh báo là gì? Tức là thân thể của chúng ta đang thọ quả báo ở đây. Nếu bạn minh bạch thì tức cũng chẳng có vô minh; chẳng có vô minh tức là có đại trí huệ. Cũng giống như tấm gương, "vật đến thì chiếu", cảnh vật gì đến đều hiện ra; "vật đi thì lặng", cảnh vật đi rồi thì chẳng còn nữa.

Cho nên người có trí huệ gặp cảnh giới gì đến thì thuận theo cảnh giới đó, xử lý xong thì trong tâm của họ chẳng tồn tại. Tuy là chẳng tồn tại, Song thường hiện; tuy thường hiện mà chẳng tồn tại. Chẳng phải giống như chúng ta, chẳng có trí huệ, có một việc gì đến thì dùng đến gân não, đặc biệt chú ý nhớ việc đó hoặc là đọc nhiều lần. Giống như hôm nay giảng về "Y Hê Di Hê, Thất Na Thất Na", đọc một lần thì chẳng nhớ, đọc hai lần, ba lần, đọc mấy trăm lần "Thất Na, Thất Na, Thất Na" mới nhớ, đó là miễn cưỡng. Không miễn cưỡng thì thấy một lần liền nhớ, không bao giờ quên, đây gọi là lọt qua mắt không quên. Vì sao lọt qua mắt không quên? Vì nó giống như tấm gương.

Người có trí huệ thì biết được tất cả mọi vật đều ở trong tâm của mình, cho nên cũng chẳng có tâm tham, chẳng có tâm sân, chẳng có tâm si, chẳng có tâm ngã mạn, chẳng có tâm hoài nghi. Tại sao? Đó đều là duy tâm sở hiện! Ở trong tâm vốn có mọi vật, bất cứ vật tốt cũng chẳng có vấn đề, vật xấu cũng chẳng có vấn đề, tất cả đều chẳng có vấn đề.

Song, cảnh giới này nói ra rất là dễ dàng, khi làm cũng phải dùng một chút công phu mới có thể đắc được. Cảnh giới này nếu người chẳng có công phu thì sẽ nói: "Đối với tất cả mọi việc tôi cũng chẳng có vấn đề gì". Bên ngoài chẳng có vấn đề, song bên trong phát sinh vấn đề, ở bên trong của bạn với bạn đánh nhau. Do đó người có trí huệ chân chánh rất là ít.

Hơn nữa, nếu người đó có đại trí huệ thì hãy xem là trí huệ thế gian hay là trí huệ xuất thế gian. Trí huệ thế gian tức là thế trí biện thông, họ rất khéo ăn khéo nói, chẳng có đạo lý, họ cũng nói rất có đạo lý. Người chẳng có trí huệ nghe thì cho rằng: "Họ nói rất có đạo lý, không sai! Lời họ nói rất hay". Kỳ thật, nếu người có trí huệ chân chánh thì chẳng nghe những lời của kẻ ngu nói. Họ nói đạo lý ngu si thì không thể ở trong ngu si của bạn, đây gọi là "trong dương có âm", trong trí huệ có ngu si, là "trong âm cũng có dương", trong ngu si cũng có trí huệ. Ví như người nào đó, bạn thấy

ông ta chẳng nói nhiều, cũng là một người rất bình thường, song ông ta làm việc gì cũng đều hợp đạo lý; thấy ông ta có vẻ rất ngu si, dốt nát song ông ta làm gì cũng rất chánh đáng. Có rất nhiều trường hợp như thế, cho nên bạn quán sát người thì hãy xem bạn có trí huệ chân chánh chăng ! Nếu bạn có trí huệ chân chánh thì không nghe lời kẻ ngu nói, còn nếu bạn chẳng có trí huệ chân chánh thì sẽ bị người làm cho ngu. Trí huệ là như thế, những thứ khác cũng như thế.

Trí huệ và ngu si có mối quan hệ với nhau. Bạn chẳng có ngu si tức là trí huệ, nếu không có trí huệ thì tức là ngu si. Ngu si tức là trí huệ, trí huệ tức là ngu si. Trí huệ và ngu si là một, bạn dùng được tức là trí huệ; không dùng được tức là ngu si. Giống như bạn vốn có kiếm trí huệ này, bạn cầm lên tức là trí huệ, buông xuống tức là ngu si, chẳng phải hai mà là một. Do đó bạn đừng nói rằng : "Đi tìm trí huệ, xua đuổi ngu si đi". Chẳng phải, mà là biến. Ví như lòng bàn tay là trí huệ, mặt trái bàn tay là ngu si. Nếu bạn dùng mặt trái bàn tay cầm đồ thì không cầm được; song bạn dùng lòng bàn tay cầm đồ thì cầm được. Cầm đồ lên không được là ngu si, cầm đồ lên được là trí huệ.

Ai ai cũng đều dùng bàn tay, trí huệ cũng giống như thế; nó là một, song là hai bên, xem bạn dùng bên nào. Bây giờ bạn đã hiểu chăng? Có người nói : "Tôi đã hiểu Phật pháp, trí huệ và ngu si tức là bàn tay". Sai rồi! Đó là tôi ví dụ bàn tay, bạn dùng cho rằng trí huệ và ngu si tức là bàn tay; cũng giống như ngón tay chỉ mặt trăng, bạn dùng cho rằng đầu ngón tay là mặt trăng.

Bây giờ giảng về đại trí và hoằng thệ. Hoằng cũng là đại (lớn). Thệ là thệ nguyện, tức là ta phát thệ nguyện, nghĩ muốn làm gì. Giống như Phật A Di Đà trước khi chưa thành Phật, làm Tỳ Kheo Pháp Tạng phát ra 48 lời thệ nguyện, đó là thệ nguyện của Phật A Di Đà.

Bồ Tát Phổ Hiền phát ra 'mười đại nguyện vương' rằng : "Một là lễ kính chư Phật, hai là khen ngợi Như Lai, ba là rộng tu cúng dường, bốn là sám hối nghiệp chướng, năm là tùy hỷ công đức, sáu là thỉnh Phật chuyên pháp luân, bảy là thỉnh Phật ở lại đời, tám là thường theo Phật tu học, chín là luôn luôn thuận theo chúng sinh, mười là hồi hướng công đức đến khắp hết tất cả chúng sinh.

Bồ Tát Quán Thế Âm cũng phát nhiều thệ nguyện. Các vị Tổ Sư khác cũng phát nhiều thệ nguyện. Chúng ta bây giờ học Phật pháp, mỗi người cũng nên phát nguyện của mình. Tôi nói với các bạn, bắt quá phát hay không là do các bạn, chẳng phải tôi ép các bạn phát nguyện, phải do các bạn tự phát nguyện. Vì các bạn chẳng hiểu nên tôi khuyên. Bạn phát nguyện càng lớn thì càng tốt, nguyện lực của bạn lớn thì thành Phật cũng rất lớn. Bạn thấy Phật A Di Đà phát 48 lời nguyện, nguyện nào cũng đều độ chúng sinh, nguyện nào cũng trang nghiêm cõi nước. Cho nên chúng ta tại nhân địa học Phật pháp đều nên phát nguyện. Mỗi người có thể biên lời nguyện của mình ra, bạn phát ra bao nhiêu lời nguyện thì biên ra rõ ràng, đừng cầu thả bừa bãi, nói như vậy : "Tôi phát nguyện độ chúng sinh". Độ như thế nào ? Bạn suốt ngày đến tôi cứ nghĩ muốn ăn ngon, mặc đẹp, ở nhà tốt, đi độ chúng sinh này chăng ? Kết quả là độ chúng sinh của chính mình, độ cái bụng chúng sinh của mình, độ chúng sinh thân thể của mình, như thế thì không được. Bạn phải nói rõ ràng lời nguyện của bạn phát ra, tương lai như thế nào ? Hiện tại ra sao ? Quá khứ, hoặc là có dụng công, chẳng dụng công, có tu hành, chẳng tu hành, đây chẳng thành vấn đề, chỉ hỏi bạn tương lai phải như thế nào ? Bạn phát nguyện càng lớn thì quả vị tương lai cũng lớn.

Ở trên giảng "Thất Na Thất Na", tức là đại trí hoằng thệ. Hoằng là lớn, thệ là thệ nguyện. Chúng ta là người học Phật pháp, phải phát thệ nguyện. Thệ nguyện rất là quan trọng. Chúng ta người tu đạo nếu chẳng có thệ nguyện thì giống như bạn chẳng biết có lỗi nào tu hành, cũng chẳng có hướng đạo, cho nên đường của bạn đi chẳng biết có đúng hay không đúng; nếu bạn có thệ nguyện cũng giống như có hướng đạo. Giống như chúng ta du lịch, có người đưa chúng ta đi khắp nơi, giới thiệu tình hình chỗ bạn đi qua, đó là hướng đạo, ví như lời nguyện của bạn.

Tại sao chư Phật Bồ Tát khi tu đạo đều phải phát nguyện? Tức cũng như bạn có phát nguyện, sau đó có hành vi. Cho nên Bồ Tát Địa Tạng tại nhân địa phát nguyện rằng : "Địa ngục bất không, thệ bất thành Phật, chúng sinh độ tận, phương chứng bồ đề". Bạn thấy đó lời nguyện của Ngài, rất là vĩ đại ! Do đó hiện nay chúng ta học Phật pháp cũng nên phát nguyện, ai muốn làm gì thì đừng ngại phát nguyện. (còn tiếp)

pháp ngữ của thiền sư Hư Vân

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

2. Ngày thứ hai, (3.1).

Đây là ngày thứ hai của thiền thất lần thứ hai. Trong thời gian ngắn ngủi, quý vị đến tham gia thiền thất ngày một tăng. Điều này chứng minh rằng người ở vùng Thượng Hải thiện tâm rất thuần thực, phước đức sâu dày. Lại nhận thấy rằng ai ai cũng chán phiền não, thích tịch tĩnh; muốn bỏ khổ đau, để cầu an lạc.

Xưa nay, thế gian khổ nhiều vui ít. Thời giờ trôi qua mau chóng. Vài thập niên vụt qua trong chớp mắt. Ngay cả Bành Tổ sống đến tám trăm tuổi mà theo nhãn quan Phật giáo thì rất ngắn. Lệ thường, con người sống đến bảy tám mươi tuổi là nhiều. Hôm nay, biết duyên đời mong manh như huyền như hóa không đáng lưu luyến, nên mới đến đây tu hành, thật là căn lành sâu dày. Song, pháp tu hành quý tại lâu dài. Tất cả chư Phật, chư Bồ Tát đã từng trải qua bao kiếp tu hành gian nan khổ sở, mới thành công được. Trong kinh Lăng Nghiêm, chương Quán Thế Âm Bồ Tát Viên Thông, Bồ Tát Quán Thế Âm bạch Phật:

- Nhớ khi xưa, hằng sa vô số kiếp, có Phật ra đời hiệu là Quán Thế Âm. Nơi Đức Phật đó, con phát tâm Bồ Đề, và được Ngài dạy pháp văn tư tu, mà nhập vào tam ma địa.

Điều này chứng minh rằng Quán Thế Âm Bồ Tát không phải chỉ tu trong một ngày, hai ngày mà thành tựu. Song song, Ngài cũng công khai chỉ dẫn phương pháp dụng công tu hành cho chúng ta. Trong pháp hội Thủ Lăng Nghiêm, giữa hai mươi lăm vị thánh, Ngài là vị tu hạnh viên thông bậc nhất. Pháp dụng công của Ngài là từ văn tư tu, đắc được nhĩ căn viên thông, nhập tam ma địa. Tam ma địa, tiếng Tàu gọi là chánh định. Ngài Quán Thế Âm lại nói thêm:

- Đầu tiên, nơi trong tánh nghe, vào được dòng liền quên tướng bị nghe (nhập lưu vong sở).

Phương pháp này dùng tai nghe lại tự tánh của mình, không cho sáu căn chạy theo sáu trần, phải nhiếp chúng vào pháp tánh. Lại bảo:

- Trần tướng đã vắng lặng vì hai tướng động và tịnh rõ thật không sanh. Như vậy dần dần tăng tiến thêm, các tướng năng văn, sở văn đều hết.

Tức là bảo chúng ta khi dụng công, phải nghe lại chính mình, đừng vướng mắc. Phải từng bước tăng tiến, rồi lại gia công tu hành, thì dần dần đắc được:

- Không dùng lại chỗ dứt hết năng văn, sở văn mà tiến lên nữa, thì năng giác, sở giác đều không. Sự Không-giác tột bậc viên mãn nên các tướng năng không, sở không đều diệt. Sanh và diệt đã diệt mất thì bản tánh tịch diệt hiện tiền.

Muốn đạt đến cảnh giới này, phải do công phu tu hành, nghe lại tự tánh của mình. Tất cả mọi sanh diệt đều diệt hết thì chân tâm thanh tịnh liền hiển hiện. Nghĩa là khi cuồng tâm dừng, thì tâm Bồ Đề liền hiện ra. Đạt đến cảnh giới đó, ngài Quán Thế Âm nói:

- Đột nhiên, vượt ngoài pháp thế gian và pháp xuất thế gian, mười phương đều tròn đầy trong sáng. Khi ấy đạt được hai việc thù thắng: Thứ nhất, trên hợp với bản tâm diệu giác của mười phương chư Phật, cùng đồng nhất lực từ bi. Thứ hai, dưới hợp với tất cả sáu loài chúng sanh, cùng đồng nhất bi ngưng.

Hôm nay, chúng ta tu hành học Phật pháp. Đầu tiên phải tự mình công phu cho thuần thực. Phải độ tận hết mọi chúng sanh tham sân si mạn nghi ác kiến, và chúng đạt đến bản lai chơn tâm diệu giác thanh tịnh, thì sau này mới thượng hành hạ hóa, cùng được thân lực như ba mươi hai ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, tức tùy theo chủng loại mà hóa độ. Bồ Tát Quán Âm hóa hiện nơi thế gian, hoặc làm đồng nam đồng nữ, hoặc làm cư sĩ tể quan, v.v... Người đời không biết Bồ Tát Quán Thế Âm, vốn đã thành Phật trong đời quá khứ, không còn tướng nhân ngã nam nữ. Ngài tùy theo căn cơ chúng sanh mà ứng hiện. Thế nên, mỗi khi nghe đến danh hiệu ngài Quán Thế Âm thì chúng ta liền khởi tâm ái kính. Đời quá khứ, chúng ta vốn đã từng niệm danh hiệu Ngài, nên trong ruộng thức thứ tám hạt giống lành vẫn luôn khởi mãi. Kinh nói: "Tai vừa nghe tiếng thì hạt giống đạo lưu giữ mãi mãi".

Ngày nay, chúng ta phải y theo pháp tối thượng thừa đã tu đã chứng của chư Phật và chư Bồ Tát. Pháp môn hiện tại là phải hiểu rõ bản tâm diệu giác, tức là thấy tánh thành Phật (kiến tánh thành Phật). Nếu chẳng rõ tâm địa tu hành như thế nào thì không thể thành Phật được. Nếu muốn hiểu rõ tâm địa thì đầu tiên phải hành theo thiện đạo, tức tu theo con đường lành. Từ sáng đến tối, các việc ác chớ làm, phải phụng hành các việc thiện, khiến phước đức được tăng trưởng.

Lại nữa, trong một khoảnh khắc, vừa đề khởi câu thoại đầu, nếu một niệm không sanh, thì lập tức thành Phật. Quý vị phải tận dụng thời gian. Chớ dụng tâm tán loạn. Cố gắng đề khởi thoại đầu cho hay.

3. Ngày thứ ba, (3.2).

Hôm nay là ngày thứ ba của thiền thất thứ hai. Người dụng công thuần thực, trong động và tịnh đều có phần đắc dụng. Sao lại để tâm phân biệt thiền thất thứ nhất thứ hai hoặc hai ngày, ba ngày!

Người sơ phát tâm phải cố gắng nỗ lực tinh tấn, chớ nên để tâm ngu mê ám độn, làm uổng phí thời giờ. Tôi sẽ thêm một ví dụ cho quý vị mới phát tâm Bồ Đề nghe. Hy vọng, quý vị hãy lắng lòng chú tâm.

Trong thiền đường ở các nơi, thường thờ một vị Bồ Tát Thánh Tăng, vốn là anh em họ với Phật Thích Ca, tức là tôn giả Kiều Trần Như. Khi đấng Thế Tôn vừa xuất gia, vua Tịnh Phạn phái ba vị thuộc hệ tộc bên cha và hai vị thuộc hệ tộc bên mẹ, đến núi Tuyết Sơn trợ giúp. Tôn giả Kiều Trần Như là một trong hai người thuộc hệ tộc bên mẹ của Phật. Sau khi thành đạo, đấng Thế Tôn bèn đến vườn Lộc Uyển, thuyết pháp Bốn Thánh Đế. Tôn Giả là vị ngộ đạo đầu tiên hết. Đồng thời, Tôn Giả cũng là vị đệ tử xuất gia đầu tiên trong các vị đại đệ tử của Phật. Do đó, chúng ta gọi Ngài là vị Thánh Tăng, hay Tăng Thủ tức vị tăng đầu tiên trong giáo đoàn. Phương pháp tu hành của Tôn Giả, kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ ràng. Trong kinh này, Phật bảo:

- Khi Ta vừa thành đạo, nơi vườn Lộc Uyển, vì năm ông A Nhã Kiều Trần Như, cùng bốn chúng, mà bảo rằng do khách trần phiền não làm mê mờ, nên chúng sanh không thể chứng được quả Bồ Đề hay quả vị A La Hán. Lúc ấy, các ông do nhân duyên gì mà được khai ngộ, chứng quả thánh?

Nơi đây, Phật nói rõ nguyên nhân chúng sanh chưa đắc được đạo Bồ Đề cùng quả A La Hán. Ngài lại hỏi các vị đại đệ tử trong pháp hội Lăng Nghiêm, nhờ dụng công, tu hành pháp môn gì mà chúng được quả vị Thánh? Đương thời, đơn độc chỉ có tôn giả Kiều Trần Như là đã liễu giải được pháp tu đó, nên Tôn Giả từ chỗ ngồi, đứng dậy bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Con nay là trưởng lão trong đại chúng, độc đắc giải danh, tức nhân liễu ngộ được hai chữ khách trần mà chứng quả.

Nói xong, Tôn Giả lại giải thích:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ví như hành khách vào lúc ghé ngang quán trọ, hoặc ăn hoặc ngủ nghỉ qua đêm. Ăn ngủ xong, liền mang hành lý đi tiếp, không màng dừng lại. Nếu thật là chủ nhân thì không muốn đi. Vì vậy, con suy nghĩ như vậy: "Không ở là hành khách, mà ở lại là chủ". Lại nữa, trên nền trời xanh, khi mặt trời hiện ra, ánh sáng chiếu tỏa vào các lỗ hồng trong nhà, thì thấy trong hư không có tướng của bụi trần. Bụi trần bản chất dao động, còn hư không thì an nhiên bất động. Con lại suy nghĩ: "Vắng lặng gọi là hư không. Dao động gọi là khách trần, bụi bặm, và cũng gọi là hành khách".

Tôn Giả giải thích rõ hai chữ khách và chủ. Đây là lấy ví dụ để dạy cho chúng ta phương pháp tu hành, tức bảo rằng chân tâm của chúng ta là chủ nhân, vốn không dao động. Vọng tưởng vốn dao động, tức là khách. Vọng tưởng ví như bụi bặm, rất vi tế nhỏ nhít. Bụi bặm bay trong hư không. Khi có ánh nắng mặt trời chiếu qua cửa sổ hay lỗ hồng thì mới thấy được chúng. Bình thường, khi tâm động dậy vọng tưởng khởi lên, chúng ta rất khó biết. Đến lúc ngồi tĩnh tọa tu hành dụng công thì mới thấy rõ mình có quá nhiều tạp niệm, khó mà hàng phục đoạn trừ được chúng. Trong lúc vọng tưởng dậy lên, nếu công phu của mình không đắc lực, thì không thể tự làm chủ, nên không thể ngộ đạo, cứ mãi lăn lộn trong biển sanh tử. Đời nay tên Trương. Đời sau tên Lý. Như hành khách ngủ tạm nơi quán trọ, chẳng thường dừng chân lâu dài. Song, chân tâm của chúng ta không phải như thế. Nó vốn không đến không đi, không sanh không diệt, thường trụ bất động, luôn làm chủ nhân. Ông chủ ví như hư không, chứa bao bụi bặm bay nhảy dao động. Tự chung, hư không là tịch nhiên bất động, cũng như chủ nhân của quán trọ, mãi mãi ở lại, không đi nơi khác.

Giảng về danh tướng, trần nghĩa là trần sa cát bụi, tức phiền não. Khi đạt đến quả vị thánh Bồ Tát, thì mới cắt đứt được. Vọng tức là vọng hoặc. Hoặc có tám mươi tám loại kiến hoặc. Tư hoặc có tám mươi một phẩm. Kiến hoặc do năm loại độn sử tạo ra. Người tu hành, đầu tiên phải cắt đứt kiến hoặc thì mới chứng sơ quả Tu Đà Hoàn. Song, bước đường công phu này rất là gian nan. Đoạn trừ kiến hoặc như lợi ngược dòng bốn mươi dặm. Vì vậy, chúng ta phải dụng công mạnh mẽ thâm sâu. Tư hoặc đoạn dứt thì mới chứng quả A La Hán. Cách dụng công này, thuộc về tiệm thứ, tức tu từ từ.

Hiện tại, chúng ta chỉ cần khởi câu thoại đầu linh linh bất muội (rõ ràng thường biết). Vừa vung đao lên, kiến hoặc hay tư hoặc liền bị chặt đứt. Lúc ấy, trời xanh không dính chút mây hồng. Vàng dương lơ lửng trên hư không. Ánh sáng chân tâm tự nhiên hiển lộ.

Tôn giả Kiều Trần Như đã ngộ được đạo lý, và nhận rõ ông chủ thật của mình.

Do đó, bước đầu tiên dụng công của chúng ta là phải nhận rõ ra khách trần. Khách trần là động. Chủ nhân thì bất động. Nếu không nhận ra khách chủ thì không thể biết chỗ dụng công, chỉ y theo thói quen xưa mà khởi tâm ngu si, khiến uổng phí thời giờ.

Hy vọng mọi người lưu tâm tham khán!(còn tiếp)

Hám Sơn

đại sư tự truyện

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Bị Lưu Đày Vào Nam

Năm 1596, vào tháng Giêng, Ngài vượt sông Văn Giang, đến thăm quân sư họ Châu. Cư sĩ Vương Tánh Hải ở Lô Long đến lễ bái và thỉnh Ngài viết chú giải về kinh Lăng Già, bên bờ sông. Tháng hai, Ngài leo lên đỉnh Độ Dữu, nơi Huệ Minh truy tầm Lục Tổ Huệ Năng để lấy y bát. Nhân xúc cảnh, Ngài làm kệ:

Báo Phât Pháp/Bouddhadharma 47-01/2014

"Nghĩ về hành trình vượt đê lũ lòng của người xưa

Nay đạt được tâm gì trên đỉnh núi!"

Vì thấy người bộ hành trên đường phải đi vất vả, nên Ngài bảo một thị giả, lập quán trà trên núi. Vì đường lộ quá gồ ghề khó đi, nên Ngài khuyên tán các Phật Tử trong vùng cùng nhau sửa sang lại. Qua vài năm, đường xá được bằng phẳng.

Đến Thiều Dương, Ngài vào núi lễ tháp Lục Tổ. Uống nước Tào Khê, Ngài làm kệ:

"Tào Khê trích nước từ nguồn Linh
Lưu nhập biển khơi sóng vỗ nền trời
Vài con cá rô biến thành rồng.
Nơi nguồn một làn gió lạnh thổi qua
Tiêu phu vừa bỏ đá đeo lưng
Hoàng Mai nửa đêm buồn tịch tĩnh
Từ lúc cầm bình bát vào Nam
Thằng bé khí khái ngày một kiêu."

Năm xưa, Ngài đã từng cùng với Thiền Sư Đạt Quán phát nguyện đến Tào Khê chấn chỉnh Thiền tông. Đại nguyện chưa thành thì Ngài bị nạn lưu đày, còn Thiền Sư Đạt Quán vì muốn cứu Ngài nên phải bị tù đày và chết trong ngục tối. Nay do bị lưu đày vào Nam mà Ngài mới đến được Tào Khê. Thật tình trong họa hoạn vẫn có phần phước.

Tiểu thay, tổ đình Tào Khê đã bị hư hoại quá lắm. Ngôi chánh điện bị hư mục. Tượng Phật Tổ nay làm hang động của trùng rắn. Cỏ lau cao ngất mọc đầy chùa. Tăng sĩ chẳng khác với người thế tục.

Vì lúc đó vốn là tội nhân của triều đình, không thể lưu lại Tào Khê được, nên Ngài rời lệ xót xa mà già từ, nhưng tâm nguyện khôi phục lại tổ đình Tào Khê vẫn mãi nung núc trong lòng. Đến Ngũ Dương ở Quảng Châu, Ngài trình giấy tờ cho tướng quân họ Vương. Ngài không ngờ được là ông ta đích thân ra ngoài cõi trời và mời Ngài vào dinh nghỉ ngơi.

Ngài từ chối, bảo: "Thân tôi đang mang tội, không dám làm phiền Ngài."

Tướng họ Vương bảo: "Việc của Ngài tôi đã biết rõ ràng. Ngài là vị thế ngoại cao nhân, vì việc cầu thái tử cho quốc gia mà phải bị tội vạ, và vì do người hãm hại nên mới bị hoạn nạn như vậy. Ngài chớ lo lắng thủ hạ của tôi sẽ không đối xử với Ngài như những tội nhân bình thường đâu!"

Nói xong, ông ta thiết buổi cơm chay mời Ngài dùng. Ngài cùng ông ta hàn huyên tâm sự thật rất tương đắc. Sau này, ông ta đưa Ngài về trú tại chùa Hải Châu. Chiếu theo lệ thường, nếu tăng sĩ bị bắt hoàn tục làm lính vùng biên cương thì không được mặc y ca sa và cũng không được coi là tăng sĩ. Trường hợp của Ngài thì lại khác hẳn. Tuy bị bắt hoàn tục và mặc y phục thế tục, nhưng tướng họ Vương vẫn đối đãi Ngài như một danh tăng. Ông thiết đãi cơm nước, mời trú tại tự viện, và cho Ngài quyền lợi mà kẻ tội nhân không bao giờ được hưởng, đó là đi đứng tự do.

Thật vậy, trong thời gian bị lưu đày tại Lôi Châu, Ngài được đi lại tự do trong vùng Quảng Châu. Đồng thời, Ngài cũng thường qua lại với các danh nhân nhĩ sĩ trong vùng. Các quan sử trong vùng đó cũng ưu đãi Ngài rất thâm hậu.

Khi quan triều Châu Nhữ Đãng đang dạy về Vương Dương Minh, nghe tin Ngài đến, bèn dẫn vài mươi bạn hữu và đồ đệ đến thăm Ngài. Khi tất cả đều ngồi xuống, Châu Nhữ Đãng hỏi câu: "Chỉ biết chân lý khi hiểu việc ngày đêm", nghĩa là gì?

Trong nhóm có một đạo trưởng đáp: "Tri giác của mọi người tại nơi việc làm hằng ngày. Tối đến, trong mộng cũng có cái tri giác đó. Vì thế bảo rằng chỉ hiểu rõ chân lý sau khi biết việc ngày đêm."

Mọi người trong nhóm lần lượt trình tri kiến của mình.

Châu Nhữ Đãng bảo: "Đại chúng đều trình bày ý kiến, nhưng tôi chưa hài lòng cho lắm."

Sau đó ông ta xoay qua hỏi Ngài: "Lão Thiển Sư! Thỉnh Ngài trình bày lời chỉ giáo và cho ý kiến."

Ngài hỏi: "Lời này xuất phát từ kinh sách nào?"

Châu Nhữ Đãng đáp: "Xuất phát từ Kinh Dịch."

Ngài đáp: "Đây là lời Thánh Nhân dạy bảo phạm phu là phải giác ngộ đạo lý sanh tử."

Châu Nhữ Đãng nói: "Lời của lão Thiển Sư thật rất có lý. Một lời chân đế vượt hơn sách vở để trong kệ cả chục năm!"

Vì các đệ tử Châu Nhữ Đãng không hiểu rõ, nên yêu cầu ông giải thích cặn kẽ thêm. Ông đáp:

"Sanh tử đồng như ngày đêm. Khi hiểu rõ lý này thì siêu vượt ngày đêm."

Đại chúng đồng tán thán.

Tên tuổi của Ngài vang lừng khắp vùng Lôi Châu. Quan lại trong vùng cũng rất chiều cố đến Ngài. Vì vậy, tuy mang tiếng là bị đi tù đày tại vùng biên cương, nhưng việc tu tập và hành Phật sự của Ngài tại vùng đó không khác gì với lúc trú tại núi Ngũ Đài hay Lao Sơn. Chế phủ đại tư mã Trần Đại Liệu sau này cũng đối đãi với Ngài rất thâm hậu.

(Ghi chú: Ngài bị đày ải và đặt dưới sự kiểm soát của quan quân. Bị bắt hoàn tục, Ngài được biết đến với tên tục là Thái Đức Thanh. Ngài phải mặc quân phục thay cho y ca sa. Râu tóc Ngài cũng để dài ra. Ngài được chính thức ân xá trở lại làm tăng vào năm 1607, khi Hoàng Tôn (cháu nội) của vua Vạn Lịch ra đời. Mãi cho đến lúc Lý thái hậu qua đời vào năm 1614, Ngài mới cạo râu tóc và mặc y ca sa trở lại. Trong khi bị tù đày, Ngài được hưởng quy chế tự do đi lại tối thượng vì quen biết các quan lại cao cấp trong triều. Ngài chỉ bị yêu cầu trình quan quân trong một thời điểm nhất định. Hầu hết trong mọi thời gian, Ngài ở tại chùa viện với các đệ tử. Lúc trùng hưng lại chùa Nam Hoa ở Tào Khê, vị trí Ngài vẫn là tù tội. Mặc dầu không mặc áo quần tù nhân, nhưng Ngài mặc y phục thường dân, cùng để râu tóc rất dài. Dẫu có hình tướng như dân thường, nhưng ý chí và lòng Ngài vẫn là tăng sĩ.

Trong mười tám năm, những chỗ chính mà Ngài thường tới lui là Lôi Châu, Tào Khê. Ngài thường phải hiện diện tại các doanh trại ở Lôi Châu trong thời gian đó).

Mồng một tháng tư, Ngài bắt đầu chú giải kinh Lăng Già. Năm ấy vùng này bị nạn hạn hán kéo dài cả một năm mà không mưa. Người chết nhiều không thể kể. Ngài cảm giác như đang ngồi trên nghĩa địa. Nhờ Phật pháp gia trì nên Ngài được yên ổn. Các giếng nước đều khô cạn. Mỗi ngày, thị giả Phước Thiện phải đợi đến nửa đêm mới múc được một thùng nước để dùng cho cả ngày. Đối với người khát nước, một giọt nước là một giọt cam lồ. Trong và ngoài thành, đâu đâu cũng có xác người chết. Mùa Thu, Ngài cùng hiệu liêm Khả Thời Phục kêu gọi dân chúng chôn những xác chết. Có hơn mười ngàn xác chết được chôn. Khi ấy, Ngài lập đàn tràng vừa cầu siêu độ vong linh vừa cầu mưa. Vào ngày đó, trời mưa tầm tã.

Nước đầy ngập cả ba tác. Từ đó, nạn hạn hán chấm dứt.

Vào triều Minh, vùng Quảng Châu vốn là nơi hoang dã. Lôi Châu lại nằm về phía Nam tỉnh Quảng Châu. Dân chúng lại rất ít biết đến Phật pháp. Song, sau sự linh ứng của việc cầu mưa, dân chúng tin tưởng Phật pháp ngày một đông đảo. Vào mùa Xuân năm kế, lại thêm một bệnh dịch lan tràn khắp vùng. Ngài lại kêu gọi dân chúng chôn cất hàng ngàn xác chết. Ngài cũng lại lập đàn tràng cầu siêu và cầu mưa trong bảy ngày bảy đêm.

Tháng tám, quan phủ ra lệnh Ngài phải đi Ngũ Dương. Ngài cư trú tại doanh trại huấn luyện quân sĩ. Nơi đó, Ngài viết hai mươi bài kệ kể việc tới lui trong doanh trại. Trên đường đến Ngũ Dương, Ngài đi qua Khố Đằng thuộc vùng Điện Bạch, là cửa ải của miền nam núi Lĩnh Nam. Nơi đây, Ngài cũng viết kệ kỷ niệm và bảo thị giả lập một quán trà để phục vụ khách qua đường. Quan Đinh Hữu Võ vì chủ trương lập Chu Thường Lạc làm thái tử nên bị vua Thần Tông bãi chức và đày xuống Lôi Châu. Ngài cùng ông ta bị lưu đày vì cùng một nguyên nhân. Thế nên, Ngài và ông ta kết tình bạn hữu rất thân mật.

Mùa Xuân năm 1597, trên đường phố ở trấn Ngũ Dương, có la liệt các xác chết vì nạn hạn hán. Ngài khuyên dân chúng hãy cùng nhau chôn người chết, khoảng vài ngàn người. Ngài cũng tổ chức pháp hội cầu siêu độ trong bảy ngày bảy đêm. Ông Đinh Hữu Võ cũng giúp Ngài. Từ đó, dân ở Quảng Đông bắt đầu tin tưởng Ngài. Mùa hè, tháng tư, Ngài chú giải xong bộ kinh Lăng Già. Do có những đệ tử quy y chưa thể nhập lý lẽ nhà Phật, Ngài trước tác bộ Trung Dung Trực Chỉ (Vì hầu hết đệ tử là nho sĩ, nên Ngài phải giải thích quyển Trung Dung, một trong bốn quyển Tứ Thư của Nho giáo, theo nhãn quan Phật giáo).

Quan đại tư mã Trần Đại Liệu hành pháp rất nghiêm minh, không thiên vị công hay tư. Dân thường không ai dám gặp mặt ông trực tiếp. Song, ông thường gọi người đến gặp và thăm hỏi Ngài. Tháng chín, Ngài cùng ông Đinh Hữu Võ, đến yết kiến ông ta. Quân giữ cổng báo tin Ngài và ông Đinh Hữu Võ đến thăm, nhưng không ai ra đón tiếp, nên phải trở về. Tối đó, quan đại tư mã Trần Đại Liệu gọi người đến mời Ngài lên một chiếc thuyền để tiếp đãi trà nước. Họ đàm luận cho đến khuya canh ba. Việc này khiến cho

mọi người kinh ngạc, vì trước kia thấy Ngài là vị tăng bị phạm tội, họ rất khinh thường. Sau cuộc thăm viếng, quan đại tư mã Trần Đại Liệu, ca ngợi Ngài trước mặt các quan triều: "Ngài Hám Sơn là bậc lân phượng giữa các tăng sĩ."

Quan đại tư mã Trần Đại Liệu cũng ra lệnh cho quan triều thuộc ba bộ (bộ hình, bộ văn, bộ võ) ở Quảng Châu đến bái kiến Ngài. Từ đó, dân chúng vùng Lĩnh Nam đều kính phục tăng sĩ.

* Lời bàn của Phước Chung *:

Ngài Hám Sơn thuật lại như sau: "Khi đến thăm doanh trại của quan đại tư mã Trần Đại Liệu, tôi phải đứng ngoài sân nhưng không được cho phép trở về. Tôi nghĩ rằng phải hô to tên của mình (như trong những trường hợp tội phạm bị chât vắn). Không còn cách nào khác, nên tôi phải cố gắng hô to lên là yêu cầu được gặp mặt quan đại tư mã. Tôi không được tiếp đãi, nhưng lại được cho phép trở về chùa. Hôm sau, tôi đến lần thứ hai, nhưng cũng bị đối xử tệ hại như lần đầu. Sau này mới biết được hảo ý của ông ta là vì tôi thường có những liên hệ mật thiết với các quan lại, nên đi đến đâu đều được tiếp đãi trọng hậu. Nếu ông ta cứ đối đãi tôi như thế thì sớm muộn gì hoàng đế cũng biết việc này và chắc gì tôi sẽ tránh tội chết. Lại nữa, ông ta tự bảo: "Quan võ làm sao biết cách đối đãi vị tăng trí thức!"

Cuối cùng, quan đại tư mã Trần Đại Liệu hẹn gặp tôi trên một chiếc thuyền. Nơi đó, ông ta sắp đặt buổi cơm chay để tiếp đãi tôi. Lúc đến đó, tôi được mời ngồi vào hàng ghế danh dự. Quan đại tư mã cười bảo: "Tại hạ biết Đại Sư có tánh tự cao. Thế nên, hai ngày trước tại hạ cố tình làm như thế để giúp Ngài thành công trên đường đạo. Xin Đại Sư miễn chấp".

Chúng tôi ngồi trò chuyện thân mật. Tôi rất ngưỡng mộ ông ta và rất ngạc nhiên khi biết được rằng giữa các đại quan, vẫn có người tâm lượng rộng rãi, nhân từ hiền hậu như ông ta. Song, đối với người phạm nhân như tôi, thủ hạ của ông ta rất khinh rẻ. Biết được việc này, ông ta trách phạt và bảo họ phải xin lỗi tôi. Từ đó, họ không còn dám khinh khi tôi nữa. Sau khi đến Lôi Châu, tuy bị bổ nhập vào quân binh, nhưng tôi thường trú tại một ngôi cổ tự ở Tây Thành, và được tự do đi lại cùng chú giải bộ kinh Lăng Già. Lúc đó, tôi cũng viết rất nhiều bài thơ hoài niệm".

(còn tiếp)

Giáo huấn của các vị Tổ tịnh độ

ĐẠI SƯ LIÊN TRÌ

Tổ Liên tông thứ tám - đời Minh

“**X**ét người học Phật, không cần phải hình thức trang nghiêm, mà chỉ quý ở chỗ tu hành chơn chất. Người cư sĩ tại gia niệm Phật, không nhất định phải mặc y phục như tu sĩ, mà chỉ cần búi tóc gọn gàng, mặc thường phục là được. Người niệm Phật không nhất định phải gõ mõ hay đánh trống, nếu ưa thích sự tĩnh lặng thì có thể tự niệm Phật trong sự yên tịnh. Người niệm Phật không nhất định phải tạo thành hội đoàn đông đảo, nếu ngại việc ấy thì có thể tự đóng cửa niệm Phật. Người niệm Phật không nhất thiết phải vào chùa nghe kinh, nếu biết chữ thì có thể tự y theo giáo pháp mà niệm Phật. Người ngàn năm đốt hương cúng Phật, không bằng người ngồi an tịnh trong nhà niệm Phật. Người cung phụng tà sư không bằng người hiếu dưỡng cha mẹ mà niệm Phật. Người kết giao bè bạn ác không bằng người ở một mình nơi thanh tịnh niệm Phật. Người gởi tiền ngân hàng để lo cho cuộc sống tương lai, không bằng người hiện tại làm phước, niệm Phật. Người ôm giữ trong lòng những tâm nguyện như bản, không bằng người sám hối, niệm Phật. Người học tập thơ văn ngoại đạo, chẳng bằng người không biết một chữ mà niệm Phật. Kẻ vô tri vọng luận thiên lý, chẳng bằng người hết lòng trì giới, niệm Phật. Kẻ mong cầu thần thông yêu qui, chẳng bằng người chánh tín nhân quả mà niệm Phật.

Nói tóm lại, người niệm Phật với tâm ngay thẳng, không làm các điều ác, đó gọi là người thiện. Nhiếp tâm trừ tán loạn, người niệm Phật như vậy gọi là người hiền. Giác ngộ bản tâm, đoạn trừ mê hoặc, người niệm Phật như vậy gọi là bậc Thánh.

Trì danh niệm Phật có nhiều cách: trì mặc niệm, trì lớn tiếng, trì kim cang ... Nhưng trì niệm lớn tiếng thì e tổn khí lực, trì mặc niệm thì dễ bị hôn trầm, chỉ có niệm thầm thầm mặc mặc, tiếng phát ra giữa răng và lưỡi đó gọi là trì kim cang. Cũng không nhất định là phải trì theo lối kim cang, nếu ngại tổn khí lực thì cứ trì mặc niệm, nếu sợ hôn trầm quá nhiều thì cứ niệm lớn tiếng.

Tạp niệm là bệnh, niệm Phật là thuốc hay chơn chánh chữa sạch tạp niệm, mà không có thuốc nào có thể trị hết. Nhờ niệm Phật nên không gần gũi bạn ác. Khi tạp niệm khởi liền dụng tâm gia công niệm, từng câu từng chữ rõ ràng, tạp niệm tự dứt trừ vậy!”

ĐẠI SƯ NGÃU ÍCH

Tổ Liên tông thứ chín - đời Minh

Sáu pháp Ba la mật là con đường mà người con Phật phải đi qua, được sư khai thị như sau:

- Chơn thật niệm Phật, buông xả thân tâm thế giới, tức là đại bố thí.
- Chơn thật niệm Phật, không sanh khởi tham sân si, tức là đại trì giới.
- Chơn thật niệm Phật, không chấp nhen ngã thị phi, tức là đại nhẫn nhục.
- Chơn thật niệm Phật, liên tục không để gián đoạn, tức là đại tinh tấn.
- Chơn thật niệm Phật, không tán loạn vọng tưởng, tức là đại thiền định.
- Chơn thật niệm Phật, rõ biết, không bị các duyên làm mê hoặc, tức là đại trí tuệ.

Chúng ta thử tự kiểm điểm, nếu đối với thế giới thân tâm mà chưa buông xả, niệm tham sân si còn hiện khởi, tâm còn đeo mang nhân ngã thị phi, vọng tưởng lăng xăng chưa trừ diệt, tâm chí mê hoặc rẽ theo pháp khác thì không thể gọi là người chơn thật niệm Phật.

Sư lại dạy: Người tín nguyện trì danh, nếu nghiệp chướng tiêu trừ, mang nghiệp vãng sanh thì liền sanh cõi Phạm thánh đồng cư tịnh độ. Người tín nguyện trì danh, nếu đoạn tận kiến hoặc, tư hoặc mà vãng sanh thì liền sanh cõi Phương tiện hữu dư tịnh độ. Người tín nguyện trì danh, nếu phá trừ một phần vô minh mà vãng sanh thì liền sanh cõi Thật báo trang nghiêm tịnh độ. Người tín nguyện trì danh, nếu trì đến chỗ cứu cánh, đoạn tận vô minh mà vãng sanh thì liền sanh cõi Thường tịch quang tịnh độ. Cho nên trì danh niệm Phật có khả năng sanh lên bốn cõi, thật chính xác không sai.

Ngài lại dạy: Pháp môn Tịnh độ không có gì kì lạ, chủ yếu chỉ là tin sâu, nguyện tha thiết và nỗ lực hành trì. Chỉ e rằng, người mới có được chút ít niềm tin cao quý và sự an ổn, rồi thủ đắc mà buông bỏ niệm. Nếu ngày đêm quyết định lấy mười vạn, hoặc ba vạn hay năm vạn niệm làm tiêu chuẩn, niệm không thiếu, thì nguyện suốt đời không thay đổi mà khi lâm chung không được

vãng sanh thì ba đời chư Phật thành vọng ngữ. Một khi đã vãng sanh thì vĩnh viễn không thối chuyển, thấu rõ được tất cả các pháp. Phải tránh lối tu theo kiểu hôm nay Trương tam, ngày mai Lý tứ (người tu lúc này lúc nọ)... Tu hành như thế làm sao biết được trì danh hiệu A di đà Phật đến chỗ cứu cánh thì ba tạng, mười hai bộ loại kinh, tất cả giáo lý đều ở trong này. Một ngàn bảy trăm công án thiền cũng nằm trong này. Ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, ba tụ tịnh giới cũng ở trong đây.

ĐẠI SƯ TIỆT LƯU

Tổ Liên tông thứ mười - đời Thanh

Trong tập Pháp ngữ này, sư đã dạy: Ngày nay, những người tu học Tịnh nghiệp, suốt ngày niệm Phật, sám hối, phát nguyện mà Tây phương đối với họ vẫn còn xa, không bảo đảm là mình được vãng sanh. Vì sao? Vì gốc ái chưa nhỏ, còn bị dây tình buộc ràng. Nếu xem sự ái ân của thế giới Ta bà này đồng như nhai sáp, thì dù trong lúc bận rộn hay rảnh rang, động hay tịnh, khổ hay vui... đều nương vào câu Phật hiệu vững như núi Tu di, tất cả cảnh duyên không thể làm lay động; hoặc khi cảm thấy mệt mỏi biến khác, tập khí hiện khởi, liền dùng kiếm tuệ thiên trường chém đứt ngay trong một niệm, khiến cho tất cả quân ma phiền não tan tác trốn chạy, không còn chỗ dung thân, như ngọn lửa dữ thiêu sạch hết thủy tình thức vô thi, thì người như vậy, tuy ở trong cõi ác năm trước, nhưng đã vận thân ngồi trong đài Liên Hoa của cõi Tịnh độ, đâu cần phải đợi Phật A di đà đưa tay, Quan Âm dẫn dắt mới tin là mình vãng sanh?

ĐẠI SƯ TỈNH AM

Tổ Liên tông thứ mười một - đời Thanh

Huân thị chính yếu của sư là bản văn Phát Bồ đề tâm, với lời dạy rất chí thiết: “Niệm Phật mà không phát đại tâm Bồ đề thì không tương ưng với đại nguyện của đức A di đà, do đó rốt cùng không thể vãng sanh. Nhưng nếu phát tâm Bồ đề mà không chuyên tâm niệm Phật thì cũng không thể vãng sanh. Do vậy, lấy việc phát tâm Bồ đề làm chánh nhân, niệm Phật làm trợ duyên thì sau này mới có thể vãng sanh. Người tu Tịnh nghiệp không thể không biết điều này”. Ngài lại dạy: “Người niệm Phật phải nên tinh cần chuyên tâm”. (còn tiếp)

khuyết danh

CUỘC ĐỜI CỦA H. T TUYÊN HOÁ

Tiếp theo kỳ trước

47. Quả báo của kẹp.

Mùa hè năm 1953, cư sĩ Đồng Quả Kỳ và Pháp chủ Chí Liên Tịnh Uyển tại Toàn Thạch Sơn, Cửu Long là Sư cô Khoan Huệ thỉnh Ngài đến giảng Kinh Địa Tạng. Các cư sĩ đã không quản đi xe, chuyên tàu để đến nghe Ngài thuyết giảng.

Sư cô Khoan Huệ vốn là đệ tử của Lão Hòa Thượng Hư Vân. Lúc chưa xuất gia, Sư cô làm thuê, giúp người nấu cơm, quét dọn; thế nên khó tránh việc sát sanh giết gà giết vịt... Lần nọ, cô mua một số cua sống về định luộc cho chủ ăn, nhưng vì sơ ý nên bị cua kẹp ngón tay giữa nhứt định không nhả, khiến cô đau thấu tâm can nên cô đành cầm dao chém mạnh xuống một nhát, thân và cẳng cua đứt đoạn. Cuối cùng cua là món ăn chính của buổi cơm chiều đó.

Chẳng bao lâu sau, ngón tay bị cua kẹp của cô chọt sanh ra một miếng thịt dư (giống như miếng thịt cua) khiến cô đau nhức suốt ngày đêm. Mặc dù cô đã dùng biết bao thuốc men nhưng cũng không trị được. Sau đó Cô theo người lên núi Phù Dung dự Lễ Thủy Sám, qua bảy ngày lễ bái miếng thịt dư chọt biến nhỏ lại, mà ngón tay cũng bớt đau nhiều.

Trong khóa giảng Kinh Địa Tạng kỳ này, Sư cô bạch Ngài đầu đuôi câu chuyện, khẩn cầu Ngài giúp Sư giải mối oan kiết. Nghe qua Ngài liền Quy y cho cua, sau khi truyền Tam Quy, miếng thịt dư trên ngón tay của Sư Cô Khoan Huệ bỗng tiêu mất, ngón tay linh hoạt như thường và tuyệt nhiên không thấy đau nhức chi. Nhân quả báo ứng, thật không sai chạy mây may, chỉ có khác là đến sớm hay muộn mà thôi!

Đây là một trong những câu chuyện về nhân quả hiện tiền mà chính Ngài đã chứng kiến tường tận. Rõ ràng là như vậy chúng ta không thể không tin được. Nên hãy cố gắng thận trọng giữ giới sát

sanh, nếu không thì “oan oan tương báo đến bao giờ mới dứt được?” Nếu chúng ta đọc được tác phẩm “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” do Ngài Tuyên Hóa diễn giảng thì sẽ rõ thế nào là “Thiện ác đáo đầu chung hữu báo” tức chuyện lành, dữ đầu đuôi chi rồi cũng có quả báo.

48. Ung nhọt tự lành.

Cư sĩ Cam Quả Ngạn có một cháu gái gọi bằng bà, tên là Hoàng Tuyết Mai, vừa mới chào đời được trăm ngày thì trên đầu bé nổi lên những mụn ghê lở và vào mùa hè nóng bức những mụn này bị bẻ chảy mủ máu ra nên rất tanh hôi, người nào đến gần bé đều cũng phải bịt mũi lại. Bệnh ghê càng ngày càng lan ra trầm trọng, chung quanh những mụn nhọt, tóc đều bị rụng hết nên để lộ ra những mảng sồi thật khó coi. Trong những năm đó, dù gia đình bé đã bỏ công chạy tìm bác sĩ Đông, Tây gì cũng đều không trị được bệnh của bé. Cuối cùng họ đành dùng những cách chữa bệnh theo pháp gia truyền hy vọng sẽ làm lành được các mụn nhọt nhưng rồi cũng chẳng có công hiệu gì.

Khi đứa bé được ba tuổi cha bé qua đời, còn mẹ phải đi làm thuê để nuôi con. Tiền lương mỗi tháng bà đều đổ dồn vào việc chữa trị cho bé. Nhưng rồi bệnh trạng bé cũng vẫn thế. Mỗi lần nhìn thấy con như vậy thì bà mẹ lại đấm ngực, dậm chân than thân trách phận.

Đến lúc lên mười tuổi, mụn nhọt trên đầu bé vẫn không bớt. Một ngày nọ, nhờ duyên lành bé gặp Ngài và được Ngài truyền Quy y Tam-bảo. Sau khi quy y, những mụn ghê bắt đầu khô mặt rồi tóc cũng dần mọc ra. Hơn mười năm mang bệnh nay bỗng chốc được lành. Sau này ai nhìn đầu bé mọc tóc đầy đủ cũng đều không thể tưởng tượng ra cái tướng mạo khó coi của bé lúc trước.

49. Tùy cơ thuyết pháp.

Mùng 10 tháng 8 năm 1954, cư sĩ Trần Thụy Xương cùng người bạn họ Kỉ đến Tây Lạc Viên bái kiến Ngài. Ông Kỉ là bác sĩ chuyên trị bệnh trật xương, gân, lại có thể sắp nối lại những chỗ xương bị gãy. Vì Ngài thường tùy thuận căn duyên của từng chúng sanh mà ban giáo pháp. Thế nên Ngài hỏi ông Kỉ:

-Xương người bị gãy ông nối lại được vậy mạng người đứt đoạn ông có thể nối cho sống lại không?

- Không thể được.

- Sao lại không được? Xưa kia trong thời Tam Quốc, Quan Công bị tên độc bắn trúng tay, mạng sống rất là mỏng manh, không thể sống qua được đến một ngày nếu Huê Đà đã không giúp Quan Công nạo xương trị liệu, khiến Quan Công sống lại. Vậy đây có phải là sanh mạng đã được nối lại hay sao? Nhưng phương pháp nối mạng này cũng không phải là cách cứu cánh hay nhất. Cho nên bây giờ tôi sẽ dạy ông một phương pháp nối mạng khác rất ráo và hay hơn nhiều. Phương pháp nối mạng là cần phải minh tâm kiến tánh, mà kết quả căn bản là sẽ chấm dứt sanh tử thoát khỏi sáu nẻo luân hồi, khôi phục lại bản lai diện mục đồng Phật không khác. Nhưng muốn minh tâm kiến tánh thì phải tham thiền chứng ngộ. Phương pháp tham thiền thật chứng ví như gà ấp trứng; mèo rình chuột. Nghĩa là phải miên miên, mật mật tập trung tâm ý, đến khi thoát nhiên khai ngộ thì liền chứng đắc được pháp Vô Sanh. Phương pháp tham thiền cùng niệm Phật vốn không đồng. Tham thiền tức tham thoại đầu, tham cho đến biến cạn non mòn, thì nhất định sẽ “liễu ám hoa minh” tức tâm mê bừng sáng.

Hành giả đã leo lên đến cùng tột của một cây cột cao ngất trời, nhưng còn có thể bước thêm một bước nữa để vào khoảng không vô tận. Rồi trong khoảnh khắc hành giả bước vào sự sống mới, tự trong lòng bàn tay mình sẽ cầm giữ được sự sanh tử và thoát ra khỏi vòng cai quản của Diêm Vương. Đó là phương pháp kéo dài kiếp sống của tôi. Trong thế hệ này đã có người đang áp dụng được như thế, đó là Đại lão Hòa Thượng Hư Vân nay đã ngoài một trăm mười tuổi; hiện vẫn còn tại thế, Ngài chính là vị cao Tăng am tường phương thức nối mạng này.

Nghe Ngài giảng, Bác sĩ Kỉ cảm thấy thú vị vô cùng vì đã thấu rõ tận tường chân lý. Từ đó, ông thường lui đến Tây Lạc Viên để thân cận học hỏi với Ngài.

50. Đồng kết thiện duyên.

Đệ tử Quy y Ngài, Trương Quả Thăng làm chủ một công ty chế tạo dược phẩm nổi tiếng ở Hồng Kông nhưng mắc phải chứng bệnh ung thư. Ngài quán sát thấy hội đủ nhân duyên nên khuyên ông cúng dường Tăng Ni y vài cùng dược phẩm để kết duyên với Tam-bảo cầu tiêu trừ nghiệp chướng.

Nghe Ngài dạy ông Trương quyết định y lời. Sau đó Ngài bèn thông báo đến các Tông lâm, Tự

viện và Tịnh thất tại Hương Cảng, Cửu Long cho biết số mục Tu sĩ để tiện bề chuẩn bị vải, cùng thuốc men như dầu Vạn kim, Thập linh đơn, v.v... Nhưng vì nghe lời người dèm pha nên ông Trương đã giảm bớt số lượng cúng dường như ông đã hứa. Thay vì cúng hai mươi đồng Hồng Kông và một cây vải tốt cho mỗi vị. Nay ông chỉ cúng năm đồng và một cây vải thuộc hạng xấu. (Lúc bấy giờ ở Đại Lục vấn đề tôn giáo bị nghiêm cấm nên có một số đồng Tăng Ni di tản qua Hương Cảng, nên họ rất cần giúp đỡ về mọi phương diện.) Vì vậy Ngài giúp ông bỏ tấc vào những phần thiếu ấy.

Mồng 9 tháng 6, các phẩm vật đã được chuyển đến và phân phát tại khu Toàn Loan, gồm các Chùa Đông Phổ Đà, Trúc Lâm Thiên Viện, Lộc Dã Uyển. Hôm sau lại đến Nam Thiên Trúc, Niệm Phật Đường Đông Lâm và Hoàng Pháp Tịnh xá. Ngày 11 thì đến Thanh Sơn Hải Triều Viện. Riêng vùng Nguyên Lăng, Tự viện thì ít mà Tịnh thất lại nhiều nên Ngài thông báo cho quý Tăng Ni tập trung lại một địa điểm để dễ bề phân phát và cũng tiết kiệm thời giờ. Lần cứu trợ này đã khiến nhiều người khâm phục về cách làm việc của Ngài là rất minh bạch. Hầu như tất cả Tu sĩ ở đây đều nhận được phần cúng dường.

51. Tín tâm khó tìm.

Sau khi Chùa Tây Lạc Viên được thành lập, Bà cư sĩ họ La thường đến Chùa lễ Phật, Bà có một người con trai kết hôn đã lâu mà vẫn chưa có con, nên bà than thở với Ngài: “Su phụ! Xin Ngài từ bi thương giúp mà khẩn cầu cùng chư Phật, Bồ Tát ban cho con một đứa cháu nội!” Nghe xong Ngài chỉ mỉm cười.

Một hôm Ngài vừa từ ngoài làng trở về Chùa và đang rửa chân trong một thau nước. Ngay lúc ấy, có tiếng tiếng leng keng của phong linh (chuông gió) ngoài cửa vườn, thì ra là bà La vừa mới đến. Khi lễ Phật xong, bà chạy đến quỳ lạy dưới chân Ngài, thút thít khóc, van lơn:

- Su Phụ, Xin Ngài từ bi ban cho con một đứa cháu trai ạ! Gia đình con thật hiếm hoi nên con chỉ cầu có một cháu trai để nối dõi tông đường, nếu không thì con còn mặt mũi nào để nhìn thấy tổ tiên họ La! Nay con thành tâm quỳ trước Su Phụ, chỉ cần Su Phụ ban dạy, dù bất cứ chuyện gì con nguyện đều sẽ y theo. (bà thầm nghĩ chắc Ngài sẽ dạy bà phát tâm đúc tượng Phật, in kinh hay tu sửa chùa chiền... thì bà sẽ rất hoan hỷ làm theo.)

- Tín tâm của Bà lớn như vậy à? Thuở xưa, người đệ tử nhất nhất tuân lời Su phụ, dù phải hy sinh tánh mạng; vì họ xả bỏ được tất cả nên tín tâm mới kiên cố như thế, việc này thật không dễ làm đâu.

- Su phụ! Chỉ cần có được một cháu trai, thì việc gì con cũng nghe Su phụ cả.

- Thế thì tôi sẽ giúp bà mãn nguyện. Vậy bà có dám uống nước rửa chân trong thau này không?

- Há???

Đầu có nằm mơ đi chẳng nữa bà La cũng không thể ngờ là Ngài lại bảo bà như thế, bà há miệng trừng mắt đứng chết trân. Ngoài trừ người có trí huệ, không bị dính mắc bởi sáu trần như: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chớ ai mà lại dám uống nước dơ trong thau như vậy?

Sau một hồi lâu, biết bà không thể nào làm nổi, nên Ngài tự bung thau nước lên, vừa uống vừa nói:

- Đây là nước cam lồ đấy!

Thấy vậy bà hốt hoảng, hối hận thưa:

- Su phụ, để con uống.

- Nếu bà sớm uống nước này thì không chừng bà sẽ có được một cháu trai trọn lòng ước mong rồi nhưng bây giờ thì đã quá muộn!

Thật là chua xót, bà La không cầm được nước mắt khóc tức tưởi nói:

- Su phụ, con có còn cơ hội nào nữa không vậy?

- Sau này ở nhà bà nên ngày ngày, thành tâm thành ý niệm Phật. Vì Phật và Bồ Tát rất linh cảm, nên có cầu tất sẽ có ứng.

Vài năm sau đó, bà La thật đã được một cháu trai đúng như ý, bà rất đổi vui mừng.

Chúng ta muốn thành công trong việc gì, điều cốt yếu là cần phải có tín tâm kiên cố và ý chí cương quyết không gì lay chuyển được, nhẫn những việc khó nhằn, làm những việc khó làm, có như vậy thì mới “sự bán công bội” tức chỉ cần dụng một ít công mà đạt quả gấp bội. (còn tiếp)

RỘNG KHUYẾN PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Ờ, đời cái quý tội chỉ là vàng ngọc mà thôi. Nhưng xét kỹ chỗ quý tiếc ấy, chẳng bằng thân mạng. Ví như có người giàu sang được phong làm đại tướng, dùng vàng ròng làm giáp để che chở cho thân. Đến khi lâm chiến binh đao bị thua, hoặc cởi giáp ném gươm mà chạy, mong

được thân mạng an toàn mà thôi, giáp vàng ròng chẳng bằng cái quý thân mạng, đây là thực vậy. Ngày nay không thể, trái lại quý vật kia mà khinh thân này. Chẳng biết thân này khó được có ba. Thế nào là ba?

1. Trong lục đạo chỉ có người là quý, đến khi nhắm mắt đi rồi, mờ mờ mịt mịt chẳng biết chỗ đến. Hoặc vào đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la chẳng được làm người. Đây là cái khó được thứ nhất.

2. Đã được làm người, lại sanh nơi mọi rợ, tăm thì đồng sông, ngủ thì chung giường, trật tự tôn ty không có, nam nữ lẫn lộn, chẳng được phong tục nhân thuận, chẳng nghe chư thánh giáo hóa. Đây là cái khó được thứ hai.

3. Đã được sanh nơi phồn thịnh mà sáu căn không đủ, thân thể tật nguyên, mù, điếc, câm, ngọng, què, thọt, còng, gù; miệng mũi hôi tanh, thân hình như nhóp. Thầy chẳng được gần, chúng chẳng được thân. Tuy ở nơi phồn thịnh dường thế ở ngoài quê vắng. Đây là cái khó được thứ ba.

Nay đã làm người, được sanh nơi phồn thịnh lại đây đủ sáu căn, đâu chẳng là quý sao? Người đời luôn luôn đuổi theo con đường danh lợi, luống nhọc xác tổn thân, đem thân mạng rất quý báu này làm tô tở cho tiền của đáng khinh. Sánh với người ăn bánh quên vợ, ngâm cơm quên môi nào có khác gì. Tuy thân mạng thực là quý trọng, vẫn chưa quý trọng bằng đạo tối cao. Cho nên Khổng Tử nói: "Sớm nghe đạo, chiều chết cũng vui". Lão Tử nói: "Tôi sở dĩ có họa lớn, vì tôi có thân". Thế Tôn thuở xưa cầu đạo xả thân cứu cộp đời. Đâu chẳng phải ba bậc thánh nhân đều khinh thân mà trọng đạo đó sao? Than ôi! Thân mạng thật là quý trọng còn phải xả để cầu vô thượng Bồ đề, huống là vàng ngọc, tiền của đáng khinh mà lại tiếc sao? Ở trong ấp mười nhà vẫn có người trung tín, huống là cả thế gian há không có người thông minh sáng suốt sao? Đã nghe lời này, cần phải gắng học, chớ nên nghi ngờ chậm trễ. Kinh nói: "Một phen mất thân người, muôn kiếp chẳng được lại", thật là thống thiết. Cho nên Khổng Tử nói: "Người không chịu làm, tôi chẳng làm gì, cam đành thôi vậy".

Rõ ràng thời gian trăm năm, toàn ở trong sát na, thân huyền tứ đại đâu thể lâu dài. Mỗi ngày chìm đắm trong trần lao, mỗi lúc nghiệp thức càng menh mông vô tận. Chẳng biết một tánh viên minh, luống theo sáu căn tham dục. Công danh cái thế cũng chỉ là một trường đại mộng, phú quý

kinh nhân khó khỏi vô thường hai chữ. Tranh nhân tranh ngã rốt cuộc thành không, khoe giỏi khoe hay cứu cánh chẳng thật.

 Gió lửa khi tan không già trẻ,
 Núi sông bại hoại mấy anh hùng.

Đầu xanh chưa mấy lúc, tóc bạc đã sớm điểm sương, ngày vui vừa đến thì ngày điếu cũng đi theo. Một bao máu mủ nhiều năm khổ luyện ân tình, bảy thước hình hài buồng lòng tham mê tài bảo. Thở ra khó mong được hít vào, ngày nay không bảo đảm ngày mai.

 Sông yêu chìm nổi lúc nào thôi,
 Nhà lửa đốt thiêu bao giờ tắt.

Chẳng nguyện vượt ra lối nghiệp, chỉ vì có công phu. Vua Diêm La chợt truy tìm, Thôi tướng công há cho triển hạn. Ngoái đầu nhìn người thân chẳng thấy, đến đây rồi nghiệp báo tự mang. Quỷ vương, ngục tốt mặc sức khảo tra, cây kiếm núi đao khôn chống đỡ. Hoặc nhốt dưới ngọn núi lửa, hoặc giam trong núi Thiết vi. Vào vạt dầu sôi muôn kiếp ngàn đời, bị chặt chém một đao thành hai khúc. Đói nuốt hoàn sắt nóng, khát uống nước đồng sôi. Suốt ngày luôn chịu khổ đau, năm trăm kiếp chẳng thấy hình bóng. Trả xong tội nghiệp trở vào luân hồi. Bỗng mất thân người khi trước, trở lại mang lấy đầy da. Đội lông mang sừng, hàm sắt dây yên, lấy thịt nuôi người dùng mạng trả nợ. Sanh bị khổ đao bằm chày nện, sống bị nạn nước sôi lửa bỏng. Hằng chứa oán thù, thay nhau ăn nuốt. Khi đó mới hối hận, học đạo không nhân. Chi bằng ngày nay tu tập, chớ để đời này trôi qua.

Đức Phật Thích Ca trước bỏ hoàng cung đi thẳng vào núi Tuyết. Cư sĩ Bàn Long Uẩn đem gia tài đổ xuống biển sâu. Chân Vũ chẳng tiếc ngôi vua chỉ cầu tu hành. Lữ Công đã làm thần tiên vẫn còn tham vấn. Tô Đông Pha thường gần Phật Ấn, Hàn Văn Công lại lễ Đại Diên, Bùi Công bị đoạt hốt nơi Thạch Sương, Phòng Tương hỏi pháp ở Quốc Nhất. Diệu Thiện không nhận phò mã, thành Phật không ngờ, Lục Tổ mới gặp khách nghe kinh liền tỉnh ngộ. Đạo Thiên nếu không thú vị, hiền thánh sao chịu quy y, Hoa Lâm cảm hóa hai cộp theo luôn, Đầu Tử có ba con chim báo sáng. Lý Trường giả giải kinh mà thiên tru dâng cơm. Tu Bồ Đề ngồi yên mà Đế Thích tán hoa. Đạt Ma một chiếc dép về Tây, Phổ Hóa rung chuông bay đi. La hán đến tham vấn với Hòa thượng Ngưỡng Sơn, Nhạc Đế quy y với Thiên sư Tư Đại, Cảnh Sơn đến nay vẫn được Long vương

thỉnh cúng. Tuyệt Phong ngày xưa hay sai người gõ phá non. Đây là những nguyên do để nghiệm biết, chớ tự khinh mà lui sụt.

Chồn hoang còn nghe Bá Trọng nói pháp. Loài ốc sò vẫn biết hộ kinh Kim Cang. Mười ngàn con cá nghe danh hiệu Phật được hóa làm con trời. Năm trăm chim quạ nghe tiếng pháp thấy được làm hiền thánh. Mãng xà nghe sám hối được sanh thiên. Rồng nghe kinh mà ngộ đạo. Chúng là loài vật còn hay lãnh ngộ, huống là người sao chẳng hồi tâm.

Hoặc có người vùi đầu trong ăn uống, qua mất một đời. Hoặc có người trên đường tu hành lầm lẫn mà không thức tỉnh. Đâu biết tánh giác Bồ đề mỗi mỗi viên thành, nào hay căn lành Bát nhã người người đầy đủ. Chớ luận đại ấn tiểu ấn, thôi phân tại gia xuất gia. Chẳng cuộc người tăng kẻ tục, chỉ cốt nhận được bản tâm. Vốn không có nam nữ, đâu cần chấp tướng. Người chưa rõ dôi chia tam giáo, liễu được rồi đồng ngộ nhất tâm. Nếu hay phản chiếu hồi quang, đều được kiến tánh thành Phật.

Huống là thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Nếu muốn vượt khỏi vòng quanh lục đạo, chỉ có con đường tắt nhất thừa. Cần tìm chánh kiến, chớ tin tà sư. Ngộ rồi mới là vào cửa, hành được mới hay thoát tục. Bước bước đạp trên đất thật, đầu đầu đều đội hư không. Khi dùng thì muôn tánh toàn bày, buông đi thì mây bụi chẳng lập. Vượt đến chỗ không còn tương quan sanh tử, cơ liễu ngộ quý thần nhìn chẳng ra.

Là phàm là thánh đồng vào đường này, hoặc oán hoặc thân cùng chung một lỗ. Thật ngộ như thế, còn kẹt giữa đường. Thôi nói tam huyền hướng thượng, cốt rõ một câu rốt sau. Hãy nói hiện nay cái gì là "một câu rốt sau?"

Non xanh chốn ấy nhìn trời rộng,
Sen đỏ nở rồi nghe mùi thơm.

HT. Thích Thanh Từ dịch

7 bài học đời người

1. Thứ nhất “học nhận lỗi” : Con người thường không chịu nhận lỗi làm về mình, tất cả mọi lỗi làm đều đổ cho người khác, cho rằng bản thân mình mới đúng, thật ra không biết nhận lỗi chính là một lỗi làm lớn.

2. Thứ hai “học nhu hòa” : Răng người ta rất cứng, lưỡi người ta rất mềm, đi hết cuộc đời răng người ta lại rụng hết, nhưng lưỡi thì vẫn còn nguyên, cho nên cần phải học mềm mỏng, nhu hòa thì đời con người ta mới có thể tồn tại lâu dài được. Tâm nhu hòa là một tiền bộ lớn trong việc tu tập.

3. Thứ ba « học nhẫn nhục” : Thế gian này nếu nhẫn được một chút thì sống yên bề lạng, lùi một bước biển rộng trời cao. Nhẫn, vạn sự được tiêu trừ. Nhẫn chính là biết xử sự, biết hóa giải, dùng trí tuệ và năng lực làm cho chuyện lớn hóa thành nhỏ, chuyện nhỏ hóa thành không.

4. Thứ tư “học thấu hiểu” : Thiếu thấu hiểu nhau sẽ nảy sinh những thị phi, tranh chấp, hiểu lầm. Mọi người nên thấu hiểu thông cảm lẫn nhau, để giúp đỡ lẫn nhau. Không thông cảm lẫn nhau làm sao có thể hòa bình được?

5. Thứ năm “học buông bỏ” : Cuộc đời như một chiếc vali, lúc cần thì xách lên, không cần dùng nữa thì đặt nó xuống, lúc cần đặt xuống thì lại không đặt xuống, giống như kéo một túi hành lý nặng nề không tự tại chút nào cả. Năm tháng cuộc đời có hạn, nhận lỗi, tôn trọng, bao dung, mới làm cho người ta chấp nhận mình, biết buông bỏ thì mới tự tại được!

6. Thứ sáu “học cảm động” : Nhìn thấy ưu điểm của người khác chúng ta nên hoan hỷ, nhìn thấy điều không may của người khác nên cảm động. Cảm động là tâm thương yêu, tâm Bồ tát, tâm Bồ đề; trong cuộc đời mấy mươi năm của tôi, có rất nhiều câu chuyện, nhiều lời nói làm tôi cảm động, cho nên tôi cũng rất nỗ lực tìm cách làm cho người khác cảm động.

7. Thứ bảy “học sinh tồn” : Để sinh tồn, chúng ta phải duy trì bảo vệ thân thể khỏe mạnh; thân thể khỏe mạnh không những có lợi cho bản thân, mà còn làm cho gia đình, bạn bè yên tâm, cho nên đó cũng là hành vi hiếu đễ với người thân.

vấn đạo ĐẠT MA

Đầu thế kỷ 20 một số bản văn cổ đã được khai phá ra ở Trung Quốc (động Đôn Hoàng), trong đó có một số tài liệu được cho là của đệ tử Tổ Bồ Đề Đạt Ma đã ghi chép lại.

Sau đây là một vài góp nhặt từ những bản ghi

chép của đệ tử ngài Đạt Ma.

- Hỏi: Thế nào là tâm Phật?

- Đáp: Tâm người chính là tâm Phật. Khi người thấy cái bản chất nhất thể của tâm, thì đó gọi là Như Như. Khi người thấy tánh thường hằng không thay đổi của tâm, thì đó gọi là Tam thân Phật (pháp thân, báo thân, hóa thân). Nó chẳng thuộc về gì cả, nên được gọi là Giải thoát. Nó vận dụng dễ dàng và tự do, không bị nhiễu loạn bởi ngoại duyên, nên gọi là Chân Đạo. Nó chưa bao giờ sinh, nên cũng không bao giờ diệt, đó gọi là Niết Bàn.

- Hỏi: Thế nào là Như Lai?

- Đáp: Đó là người nhận ra được mình không đến từ đâu, và cũng chẳng đi về đâu.

- Hỏi: Thế nào là Phật?

- Đáp: Đó là người ngộ được chân lý, mà thấy chẳng có gì để ngộ cả.

- Hỏi: Thế nào là Pháp?

- Đáp: Cái chưa từng được đặt ra, và cũng chẳng bao giờ bị giảm đi, đó gọi là Pháp, là cái thường của Vũ Trụ.

- Hỏi: Thế nào là Tăng?

- Đáp: Gọi như vậy là vì do cái đẹp của sự hòa đồng mà ra.

- Hỏi: Thế nào là quán Không?

- Đáp: Quán sát mọi sự nơi thế giới hiện tượng nhưng luôn luôn không rời gốc Không của chúng. Đó là quán Không.

- Hỏi: Làm sao một người nam sống mà thấy như không nam, và một người nữ sống mà thấy như không nữ?

- Đáp: Phật tánh không có khác biệt giữa người nam và người nữ; chẳng có một thực thể nào được chỉ định sẵn như là một người nam hay người nữ. Những yếu tố vật chất duyên hợp đã phát sinh ra cỏ và cây, cũng như con người sinh ra vậy. Để so sánh phân biệt người ta gọi đó là “cỏ” hay là “cây”. Con người ta đặt ra đủ loại tên cho những thứ huyền ảo thấy trên đời. Phật nói, “Nếu có người thấy được rằng tất cả mọi hiện tượng đều là hư vọng, người đó có thể sống trên một cõi giới cao hơn một con người bình thường.”

Tất cả chư Phật đều nói đến tánh Không. Tại sao? Bởi vì các ngài muốn phá vỡ những kiến chấp

nơi các đệ tử của họ. Nhưng nếu một đệ tử nào lại chấp vào ý niệm Không, thì như vậy là đã phản lại Phật. Có người chấp vào Sinh mặc dù chẳng có gì để gọi là Sinh; có người chấp vào Tử mặc dù chẳng có gì để gọi là Tử. Thực ra là không có gì để mà sinh, nên cũng không có gì để mà diệt.

Qua sự chấp thủ bám víu người ta nhận diện một sự vật hay một ý niệm. Chân lý không có trong, không có ngoài, cũng chẳng ở giữa. Người mê tạo nên những mê vọng và đau khổ vì những ý niệm phân biệt của mình. Chân lý hiện thực không có phải và trái. Người mê tạo ra chúng, nhận diện chúng, cho chúng là ở xa hay ở gần, ở ngoài hay ở trong. Sự phân biệt đối đãi đó là gốc của phiền não. Trong thế giới hiện tượng điều này thường hay xảy ra.

Những điều Phật dạy chúng ta khiến có thể khai mở được trí tuệ vô thượng giác. Không ai có thể dùng ngôn từ mà diễn tả lại điều ấy được, chỉ có thể tự mình kinh nghiệm lấy thôi.

- Hỏi: Đạt đạo có những cách nhanh và chậm chẳng?

- Đáp: Nếu thấy tâm đồng với thời gian vô tận vô thủy vô chung, thì người ấy sẽ chóng đạt đạo, còn nếu đặt ra một thời điểm trong tâm và nhắm vào một điểm đến nào đó, người ấy sẽ chậm đạt đạo. Người trí biết tâm mình là đạo, kẻ ngu thấy đạo ở ngoài tâm. Hắn không biết đạo ở đâu, mà cũng chẳng biết tâm mình chính là Đạo.

- Hỏi: Thế nào là một đệ tử thông tuệ, và thế nào là một đệ tử tầm thường?

- Đáp: Một đệ tử thông tuệ không bám vào những lời thầy giảng, mà tự mình thể nghiệm chân lý. Một đệ tử tầm thường nương tựa vào những lời của thầy để dần dần tìm hiểu ra.

Một vị thầy có thể có hai loại đệ tử; người nào nghe thầy giảng mà không chấp trước những gì hữu vi hay không hữu vi, hình tướng hay không hình tướng, cũng chẳng có một niệm gì về động hay tịnh... đó là người đệ tử thông tuệ; còn người nào ham muốn hiểu biết nhiều, tích tụ những điều diễn giải, và lẫn lộn cái tốt với cái xấu là người đệ tử tầm thường.

Người đệ tử thông tuệ hội được lý ngay tức thì; người ấy không cho là tâm mình nâng cao khi ì nghe lời thầy giảng, cũng chẳng tìm cầu theo tâm của những bậc trí giả; người ấy đã vượt qua sự đối đãi của trí huệ và si mê.

Còn người nghe giảng pháp và không còn bám

vào những dự vọng thế gian, không yêu Phật hay yêu Pháp, nhưng nếu được bảo phải chọn một trong hai, mà người ấy chọn sự an tĩnh hơn vọng động, chọn trí tuệ hơn là si mê, chọn tịnh hơn là động và cố chấp thủ vào một thứ, người ấy là một đệ tử tâm thường.

Người nào có thể vượt qua được sự phân biệt giữa trí huệ và vô minh, không tham trước vào những lời pháp, không sống trong sự luôn luôn phán xét thế nào là đúng là phải, cũng chẳng mong cầu sẽ trở thành Phật hay Bồ Tát, người ấy là một đệ tử thông tuệ.

Chân Thường dịch
(Trích dịch từ Daily Zen Journal)

Phước huệ song tu

Có người chỉ thích làm phước, gieo nhân giàu sang sung túc chứ không thích gieo nhân trí tuệ. Bởi họ nghĩ rằng gieo nhân giàu sang thì dễ làm hơn.

Chỉ cần bỏ tiền của ra bố thí, làm các việc từ thiện thì sẽ được phước báo. Còn muốn có trí tuệ thì phải học, phải tu, phải trau dồi kiến thức, siêng thực hành Văn, Tư, Tu, khó hơn.

Do nhận thức như thế mà chỉ lo gieo trồng ruộng phước để trong hiện tại và tương lai có được tài sản của cải, đời sống vật chất sung mãn. Quan niệm như thế, theo Chánh pháp thì chưa được trọn vẹn.

Có thể trong những đời trước, người đó đã gieo những nhân tạo phước báo to lớn mà đời này được giàu sang dù người đó không thông minh, không giỏi giang, không có tài năng, bản lĩnh gì cả; người ấy nhờ gặp cơ hội, dịp may (do nhân duyên phước báo mà có), hoặc nhờ thừa hưởng tài sản của ông bà cha mẹ để lại, hoặc nhờ người khác giúp đỡ mà được giàu sang (cũng do nhân duyên phước báo mà có). Tuy nhiên, muốn giữ được cơ ngơi, sự nghiệp, muốn giữ được tài sản đó lâu bền thì cần phải có trí tuệ.

Không có trí tuệ mà có được phước báo lớn, trường hợp này không nhiều. Phần lớn người có trí tuệ mới có phước báo, bởi vì có trí tuệ mới biết cần nên gieo nhân nào, cần có những duyên gì hỗ trợ mới có được phước báo như mình mong muốn, và làm cách nào để giữ được phước báo đó lâu bền. Người giàu sang lâu bền không phải chỉ nhờ phước báo đời trước hay phước báo trong quá khứ đời này, mà chủ yếu do người ấy có trí tuệ, biết tiếp tục gieo nhân, gieo duyên để ruộng phước ngày càng sinh sôi nảy nở.

Chẳng hạn như họ biết cúng dường, bố thí đúng pháp để tạo phước, biết chăm chỉ học tập cầu tiến, cần mẫn siêng năng làm việc, biết giữ gìn tiền của, chi tiêu hợp lý, không tiêu xài hoang phí, khéo tính toán làm ăn để cho dòng tiền sinh lợi, và làm ăn hợp pháp để sự nghiệp vững bền v.v...

Nếu như không có trí tuệ làm sao biết cách tạo ra tiền một cách hiệu quả và hợp pháp, biết cách làm giàu và duy trì sự giàu sang đó.

Không có trí tuệ họ sẽ không biết những nhân nào, duyên nào nên gieo và những nhân nào, duyên nào không nên gieo. Nếu người đó gieo nhân phá sản, ví dụ như tiêu tiền hoang phí, làm ăn thất bại, thua lỗ do thiếu kinh nghiệm và hiểu biết, không có trình độ chuyên môn, không có kế hoạch, sách lược, không nắm bắt tình hình thời cuộc, không nâng cao trình độ, tay nghề để đáp ứng nhu cầu công việc trong tình hình mới; hoặc họ gieo nhân gây ảnh hưởng, trở ngại cho sự giàu sang, chẳng hạn như cờ bạc, rượu chè, hút xách, ăn chơi trác táng, nghiện ngập khiến cho hao tán tiền của, cơ thể bệnh tật vừa không thể làm việc lại phải mất nhiều tiền cho chi phí thuốc men; chơi với bạn bè xấu nên bị lừa gạt, chiếm đoạt của cải, bị xúi giục làm bậy... sẽ khiến cho lâm vào cảnh tổn tài, phá sản, tù tội.

Người có phước báo mà không có trí tuệ đôi khi tự làm hại chính bản thân mình, họ làm cho cái phước báo mà họ có được trở thành tai họa mà họ không ngờ. Ví dụ có nhiều tiền của không cần phải lo nghĩ nhiều thường sinh tâm thụ hưởng, tiêu xài phung phí vì không phải làm lụng cực khổ tạo ra tiền, dễ dàng có được tiền của nên không biết quý trọng. Có lắm của nhiều tiền dễ sinh những thói hư tật xấu nếu như không biết kiềm chế bản thân, không thường kiểm điểm mình, không quan tâm trau dồi phẩm chất đạo đức và thường dễ sinh tâm ý lại, ý chí, nghị lực cùn mòn.

Nếu có phước báo mà không có trí tuệ sẽ bị giới hạn nhiều mặt. Lúc gặp những khó khăn trong đời sống như những khó khăn trong công việc, trong giao tiếp ứng xử, trong quan hệ tình cảm giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa bạn bè, đồng nghiệp với nhau, những khó khăn đòi hỏi phải có kiến thức hiểu biết, đòi hỏi phải có kỹ năng làm việc, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng sống v.v... thì dù cho có tiền của nhiều cũng không giải quyết được, vì không phải chuyện gì cũng có thể giải quyết bằng tiền bạc.

Như thế thì phước báo không quan trọng? Người kém phước báo nhưng có trí tuệ vẫn có được an vui hạnh phúc nếu khéo sống, khéo tu tập, nếu có quan niệm sống và lối sống tích cực. Tuy nhiên, muốn có một đời sống lý tưởng, có nhiều cơ hội để tu tập và tạo thêm nhiều công đức, phước báo cho mình, muốn phát huy bản thân và làm lợi ích cho nhiều người, lợi ích cho nhân quần xã hội, cho chúng sinh thì cần phải có cả trí tuệ và phước báo. Nếu chỉ có một trong hai thì khả năng bị giới hạn, đời sống mất đi nhiều giá trị, ý nghĩa.

Ví dụ như khi gặp một người đang đói khát trên đường đi mà chúng ta không có tiền trong túi, cũng không có thức ăn mang theo bên mình, thì chúng ta không thể giúp người đó vượt qua cái khổ đói khát. Chúng ta có thể dùng lời nói khéo léo để thuyết phục người khác giúp người đó, hoặc tự mình kiếm ra tiền hay thức ăn để giúp người đó, nhưng phải mất một thời gian. Nhưng nếu trong túi chúng ta có sẵn tiền thì ta có thể mua thức ăn giúp người đó no bụng tức thì. Trong lúc họ đang đói khát, đang cần thức ăn thức uống, chúng ta không thể khuyên họ học tập, tu hành, không thể khuyên họ làm phước, bố thí để gieo nhân giàu sang, để trong tương lai được an lạc hạnh phúc. Phải giúp họ no trước đã, sau đó mới khuyên họ học tập, làm việc, khuyên họ tu hành, làm các việc thiện.

Nếu không có điều kiện về vật chất, chúng ta sẽ bị hạn chế khi hành các thiện pháp, chúng ta khó thực hành đầy đủ, trọn vẹn các pháp bố thí gồm có tài thí, pháp thí và vô úy thí; chúng ta không thể cúng dường, ấn tống kinh sách, dựng chùa, tạo tượng, xây dựng các đạo tràng tu học, ủng hộ tứ sự cho Tăng Ni tu hành, trợ duyên cho Tăng Ni hoằng pháp; chúng ta không thể tạo dựng hoặc đóng góp về vật chất cho các chương trình từ thiện, các công trình công ích, an sinh xã hội.

Trong đạo Phật thường khuyên chúng ta nên trang bị cho mình đầy đủ trí tuệ và phước báo, đó

là tư lương, là hành lý cần thiết. Các vị Phật và Bồ-tát đều có đầy đủ trí tuệ và phước báo, chính vì thế mà các vị ấy có khả năng rộng độ chúng sinh.

Đức Phật không chỉ khuyên các đệ tử chăm lo tu huệ (trí tuệ), mà còn khuyên các đệ tử chăm lo tu phước, đó là phước huệ song tu. Mỗi ngày Đức Phật và các vị đệ tử đi trì bình khát thực chính là muốn tạo nhân duyên lành với chúng sinh, muốn tạo cơ hội cho chúng sinh gieo trồng ruộng phước, đồng thời tùy duyên thuyết pháp hóa độ. Chúng sinh phát tâm cúng dường cho Đức Phật và các vị Tỳ-kheo là tạo phước báo cho chính mình, nghe giáo pháp để phát triển trí tuệ, áp dụng vào đời sống làm tăng trưởng thêm phước báo và có được an lạc hạnh phúc trong hiện tại và tương lai.

Đức Phật dạy ba môn học Giới, Định, Tuệ dạy Văn, Tư, Tu để trau dồi trí tuệ, dạy hàng đệ tử xuất gia cũng như tại gia lấy trí tuệ làm sự nghiệp. Bên cạnh đó Đức Phật cũng dạy nhiều bài kinh giúp hàng đệ tử tu phước.

Trong Tăng chi bộ kinh I (chương V, phẩm Sumanà) có ghi lại cuộc vấn đáp giữa Đức Phật và một vị công chúa như sau:

Vị công chúa tên Sumanà bạch hỏi Phật rằng, nếu có hai đệ tử của Phật có niềm tin (tín) chơn chánh, thanh tịnh, có giới đức (giới) và trí tuệ ngang bằng nhau, nhưng một người có hành hạnh bố thí, một người không có hành hạnh bố thí. Sau khi thân hoại mạng chung, cả hai vị ấy được sinh lên cõi trời hoặc sinh trở lại cõi người, thì giữa hai vị ấy có sự khác biệt gì không? Đức Phật đã trả lời rằng: Có sự khác biệt. Đó là, dù sinh lên cõi trời hay sinh trở lại cõi người, thì người có tu hạnh bố thí vẫn vượt trội hơn người không có tu hạnh bố thí về thọ mạng, nhan sắc, an lạc hạnh phúc, danh xưng và tăng thượng (tăng lên, thêm hơn những điều tốt lành, để thành tựu các thiện pháp).

Lời dạy của Đức Phật cũng chính là lời giải thích tại sao có hiện tượng hai người cùng làm một công việc giống nhau mà người này thành công còn người kia thất bại, bởi vì họ chênh lệch nhau về phước báo và trí tuệ. Có trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp như nhau, nhưng người này làm việc gì cũng có người ủng hộ, trợ duyên, còn người kia có kêu gọi, vận động, nhờ vả thế nào cũng không được sự nhiệt tình hưởng ứng.

Tóm lại, phước huệ song tu là biện pháp trang nghiêm tự thân để đời sống hiện tại và tương lai

được nhiều an lạc hạnh phúc, mọi việc làm gặp nhiều thuận duyên, thắng duyên. Không nên có quan niệm chỉ cần tu phước hoặc chỉ cần tu huệ, vì như thế là tự mình đánh mất cơ hội làm cho đời sống có đầy đủ ý nghĩa và hữu ích, đánh mất cơ hội tạo nguồn hạnh phúc vững bền cho hiện tại và tương lai.

Thuyết luân hồi

Đức Phật thấy được những nẻo đường của chúng sanh đến và đi nên Ngài mới nói “Thuyết luân hồi”.

Tất cả chúng ta hiện giờ có mặt ở đây không phải chỉ một lần, mà là vô số lần rồi. Con người bỏ thân này chưa phải là hết, mà còn lang thang không biết đến bao giờ. Vì vậy nhà Phật thường dùng từ “lang thang trong kiếp luân hồi”, cứ đi mãi không biết dừng nơi đâu? Đức Phật thấy được những nẻo đường của chúng sanh đến và đi nên Ngài mới nói “Thuyết luân hồi”.

Luân hồi là gì? Luân là bánh xe, hồi là lăn tròn. Luân hồi đi đâu? Không ngoài ba đường ác và ba đường lành, cứ lên xuống quay tròn như vậy hoài, gọi là luân hồi. Nếu người làm điều tốt khi chết sẽ đi các đường trên. Hưởng hết phước rồi thì tuột xuống trở lại, còn kẻ làm xấu thì đọa vào các đường dưới, đền trả hết nghiệp mới được trôi lên. Lên xuống, lên xuống không ra khỏi vòng lục đạo nên gọi là bánh xe luân hồi. Đó là nói luân hồi trong các đường.

Khi chúng ta đã biết thuyết luân hồi trong ba đường lành, ba đường dữ rồi, bây giờ phải làm sao? Phải chọn ba đường lành mà đi, tối thiểu cũng phải đi lại đường cũ của mình, là làm người. Ai khá hơn thì vươn lên trên cõi trời. Muốn trở lại cõi người, Phật dạy phải thọ Tam quy, giữ năm giới. Năm điều kiện đó là Nhân thừa Phật giáo, tức tu để được làm người. Đó là điều căn bản mà chúng ta phải nhớ.

Nghiệp là một luật rất công bằng cho tất cả mọi loài, mình tạo thì mình hưởng. Làm phước được phước, làm tội chịu tội. Nếu làm trọn mười điều ác thì đi thẳng xuống địa ngục, không nghi ngờ. Khá khá hơn không tới mười điều, nhưng nặng về tham thì sanh vào loài quỷ đói. Ngạ quỷ sống lang thang trong cõi thế gian, tuổi thọ rất lâu phải chịu đói khát ghê lắm, nên kiếp ngạ quỷ cũng hết sức khổ. Kế đến súc sanh, trong mười điều ác làm chừng năm điều là đủ làm súc sanh rồi. Súc sanh

nặng về si nên không biết phân biệt gì hết, không có tư cách như con người.

Ai bắt mình đi trong sáu đường? Nghiệp bắt. Nghiệp do ai tạo? Không ai có quyền áp đặt ta, tự ta quyết định, tự ta chọn lựa mà thôi. Không phải ta có tội Phật đầy xuống dưới địa ngục hay có phước Phật đưa lên cõi trời. Như hiện giờ chúng ta có mặt trên thế gian này, có người khá giả có kẻ nghèo nàn, cơ cực là do ai? Đổ thừa trời khiến được không. Sự thực tại người không có phước nên tính đâu trật đấy, làm gì cũng thất bại nên nghèo. Còn người có phước tính đâu trúng đó nên giàu. Đó là do phước nghiệp riêng của mỗi người tạo ra, chớ không phải ai đem đến cho mình.

Đời hiện tại của chúng ta có hai điều quan trọng. Thứ nhất là trả nợ hoặc hưởng phước của quá khứ. Nhiều người sanh ra là con ông lớn hoặc nhà giàu, đó là hưởng phước. Nhiều người sanh đã mồ côi hoặc cha mẹ nghèo khổ bần cùng, hung dữ, độc ác... đó là trả nợ. Thứ hai là chuẩn bị cho đời sau. Thành ra ta có chuyển nghiệp là chuyển ngay đời hiện tại, cho nên đời hiện tại rất quan trọng. Nếu cuộc sống này mình được nhiều thuận lợi thì nên chuẩn bị cho mai kia, đừng để tuột xuống. Nếu cuộc sống này bất như ý mình cũng cười, vì biết tại hồi xưa mình ngu nên bây giờ phải chịu thôi. Bây giờ đền lại cái ngu hồi xưa nên cam chịu không giận ai, không kêu trời trách đất. Cố gắng làm sao tạo duyên tốt để hiện đời an vui phần nào và mai sau được tốt đẹp hơn.

Người hiểu được thuyết luân hồi của Phật dạy thì cuộc sống nội tâm vững vàng, nghèo không trách, giàu không tự cao. Bởi biết bây giờ ta hưởng mà không làm tốt nữa thì mai kia tuột xuống sẽ khổ. Hoặc hiện giờ mình bị những đày đọa thì vui vẻ chấp nhận, sửa lại đừng để tuột xuống nữa mà phải nâng lên. Như vậy là tu. Biết rõ lý luân hồi tự nhiên ta tạo cho mình con đường đi lên, không có tâm oán hận thù ghét ai hết.

Thế gian thường có bệnh, mình nghèo mà ai giàu thì thấy ghét người ta. Mình học dở thấy người học giỏi thì ganh tỵ. Đó là tật xấu, tự mình chuốc nghiệp mà thôi. Trong kinh Phật nói, từ khi phát tâm tu cho tới thành Phật, trải qua ba vô số kiếp làm tất cả các việc công đức mới thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Như vậy sự tích lũy rõ ràng không mất, tích lũy tốt thì quả nổi tiếp tốt, tích lũy xấu thì quả nổi tiếp xấu.

Người thế gian không biết nên oán trách cha mẹ không có phước nên sanh mình ra khổ. Hoặc cha

mẹ không có tài nên mình bây giờ phải thua sút người ta. Mà không biết chính mình thọ nhận quả báo đời trước đã tạo nên mới sanh vào gia đình tương ứng như thế. Cha mẹ chỉ là phần phụ thôi, gốc là bản thân mình. Như vậy thuyết luân hồi nói lên lẽ thực của kiếp người. Đức Phật đã thấy, đã nhớ rõ ràng nên nói ra cho chúng ta biết, chớ không phải do Ngài tự tưởng tượng. Ngày nay mình nghe hơi khó tin. Bởi vì chúng ta nhìn nông cạn quá nên không tin được.

Khi biết rõ kiếp luân hồi như vậy, ai can đảm tạo thêm những nghiệp ác để chịu khổ hơn? Cho nên chúng ta phải tinh tấn làm những điều lành. Nếu không làm cho ai, ít ra ta cũng giữ được phần mình, đừng phạm những giới đưa ta đi xuống. Đó là tu. Đức Phật thấy rõ sự nguy hiểm của luật nhân quả luân hồi nên chỉ cho mình đường lối tu, chớ không phải áp đặt mình làm gì. Khi quy y thọ năm giới, quý thầy hỏi Phật tử “giữ được không?”, quý vị giữ được thì nói “ạ được”, còn nếu giữ chưa được thì làm thỉnh, chớ Phật đâu có ép. Vì giữ giới là giữ cho mình, không phải giữ cho Phật.

Đi sâu vào tâm lý mỗi người, chúng ta sẽ thấy mình đã từng quen thuộc, ưa thích với những việc làm của thuở quá khứ. Ví dụ như bản thân tôi, tại sao lại thích tu? Người đời lớn lên lo chuyện làm ăn hoặc gì gì đó, tại sao mình không thích những chuyện ấy mà lại thích đi tu? Như vậy là từ đời quá khứ ta đã tích lũy hạt giống đó rồi, nên bây giờ có mặt đây luôn nhớ việc ấy. Rõ ràng chúng ta không quên hết nhân quá khứ, nhân nào chứa sâu đậm sẽ trở thành sở thích, việc làm của mình trong đời này.

Có người ra đời thích làm lành, có người ra đời lại hung dữ. Mỗi người thích mỗi cách, đó là do sự tích lũy của quá khứ khác nhau. Quý Phật tử kiểm lại xem, nếu do gien cha mẹ sanh ra là yếu tố duy nhất tạo thành những đứa con sau này, thì cha mẹ bệnh tật gì con cũng phải bệnh tật y hệt như thế. Rồi tâm hồn của con do cái gì tạo?

Có nhiều cha mẹ rất hiền nhưng con không hiền. Hoặc ngược lại cha mẹ dữ mà con lại hiền. Những sự khác biệt đó, nhà Phật gọi là nghiệp tích lũy của quá khứ, chúng ta mang theo khi thọ sanh. Những gì mình đã chứa chấp đời trước, bây giờ nó hiện ra rõ ràng. Như hai anh em ruột, thể xác giống chút chút mà tâm hồn không giống nhau. Như vậy mới thấy mỗi người sanh ra mang một nghiệp khác nhau, từ đó có những sai biệt khác nhau.

Thế thì muốn trên đường luân hồi mình đi đường tốt, không đi đường xấu phải làm sao? Thấy người đáng ghét ta nên xử sự thế nào? Nên nghĩ rằng họ có làm gì hại mình mà ghét. Ghét người như vậy là ta đã có ý nghĩ xấu rồi. Nếu tiếp tục nuôi dưỡng ý nghĩ này, sanh chuyện nói này nói kia với người ta là cái cớ để tạo thêm nghiệp. Nếu mọi người đều biết tu như vậy thì gia đình, xã hội đẹp biết bao nhiêu.

Muốn biết có luân hồi hay không, chúng ta cứ nghiệm trong tâm niệm của mình sẽ rõ. Cha mẹ sanh thân được mà không thể sanh tâm niệm của mình. Có tâm niệm rất lành, có tâm niệm rất dữ. Như vậy tâm niệm đó từ đâu ra? Chính do sự tích lũy của đời trước, không nghi ngờ gì hết. Tích lũy tức là những gì đời trước mình đã từng làm từng huân tập. Đời này trở lại những thứ tích lũy đó không mất. Trong kiếp luân hồi chúng ta theo nghiệp mình đã tích lũy, chất chứa mà hiện ra thành tâm hồn cá biệt của mỗi người.

Nên nói đến luân hồi chúng ta đừng thêm suy ngẫm gì hết, cứ nhìn lại nội tâm mình thì biết ngay. Tại sao người đó chưa quen thuộc gì hết mà mình thấy dễ thương, hoặc kẻ kia cũng chẳng quen thuộc gì hết mà mình thấy phát ghét. Đâu có trả lời được. Tại vì chúng ta không nhớ nổi, nên nói không biết tại sao kỳ vậy. Thật ra do nghiệp tích lũy của quá khứ chiêu cảm nên.

Trên đời này ai không có những người thân, những kẻ thù. Có thân, có thù gặp lại nhau là khổ. Người thân thì mình thương, người thù thì mình ghét. Nhiều người nói tại sao anh chị có duyên quá, xin cái gì cũng được. Còn tôi vô duyên xin cái gì cũng không ai cho. Chẳng qua hồi trước mình hắt hủi thiên hạ quá, bây giờ tới phiên người ta hắt hủi lại mình. Bình đẳng thôi.

Như vậy mình tạo nghiệp lành, nghiệp dữ không đợi đời sau mới trả quả mà ngay hiện tại cũng ứng hiện quả báo phần nào. Người Phật tử cần phải nắm vững thuyết luân hồi để chọn con đường lành mà đi, không khéo rơi vào các đường dữ, chịu khổ nhiều kiếp, không biết bao giờ mới ra khỏi. Lẽ thực này, chúng ta không thể không biết.

Ai làm cho ta khổ?

Không thấy được duyên sinh, vô ngã, nên sinh khởi các phiền não dẫn đến những tạo tác mê lầm.

Khi khổ, người ta thường đổ lỗi cho các nhân tố bên ngoài, đổ lỗi cho hoàn cảnh: tại người này làm cho tôi khổ, tại người kia làm cho tôi khổ, tại hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh xã hội v.v... Thế nhưng tại sao có người sống trong hoàn cảnh tốt mà tâm vẫn khổ, có người sống trong hoàn cảnh xấu mà tâm vẫn an vui? Cùng một hoàn cảnh giống nhau mà người vui ít khổ nhiều, ngược lại người khổ nhiều vui ít. Từ ngàn xưa cho đến nay, con người luôn tìm cách tác động vào thế giới, thay đổi hoàn cảnh, nhưng chưa ai hoàn toàn hạnh phúc, hoàn toàn mãn nguyện trên cuộc đời này.

Đức Phật dạy, vì vô minh, phiền não mà con người phải khổ. Do không sáng suốt, nhận thức sai lầm, không đúng sự thật về các pháp, bản chất các sự vật hiện tượng trong đời sống, không hiểu duyên sinh nhân quả, từ đó sinh khởi các phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến..., dẫn đến khổ đau.

Câu chuyện cười dân gian sau đây rất đáng cho ta suy gẫm: “Có một ông nhà giàu đi ăn giỗ. Sau khi ăn uống no say, thấy bánh ít nhà đám ngon quá, ông muốn mang về nhà ăn nữa, nhưng sợ bị gia chủ cho là mình tham ăn. Ông bèn lấy mấy cái bánh đưa cho người hầu rồi nháy mắt ra hiệu, ý bảo người hầu bỏ vào giỏ mang về cho ông. Người hầu không hiểu ý, cứ ngỡ là ông cho mình bèn ăn hết sạch.

Trên đường về nhà, ông nhà giàu đi trước, người hầu lẻo đẻo theo sau. Ông nhà giàu gõ đầu người hầu mắng:

- Tao đâu phải là tù binh mà mày đi sau áp giải. Người hầu nghe chủ quở bèn tiến lên đi song song với ông. Ông lại quát:

- Tao với mày là bạn bè ngang vai ngang vế hay sao mà mày đi ngang hàng với tao?

Người đầy tớ sợ quá bèn đi vụt tới trước. Ông nhà giàu lại đá vào mông cậu ta và mắng:

- Mày là cha tao hay sao mà đi trước mặt tao?

Người hầu bối rối chẳng biết phải đi làm sao cho đúng, bèn vòng tay thưa:

- Xin ông dạy con phải đi như thế nào ạ?

Lúc này lửa sân trong ông nhà giàu cháy bùng lên:

- Bánh của tao đâu?”.

Ông nhà giàu có thái độ cư xử như thế là do người hầu đi không đúng phép hay do người hầu ăn bánh của ông? Ai cũng thấy rõ, ông nhà giàu

tham lam rồi sinh ra sân si nên mới có hành vi như thế.

Câu chuyện vui nhưng rất đáng suy gẫm. Đôi khi mình không thấy được nguồn gốc của những phiền não khổ đau trong tâm mình (giận hờn, bất mãn, oán hận, lo lắng, buồn phiền...). Mình cứ đổ lỗi cho người này người kia, đổ lỗi cho điều này điều nọ, ít khi mình nhìn thấy trách nhiệm của mình. Vì tham, sân, si, vì lòng tự tôn hoặc tự ti, tự ái, vì lòng ích kỷ v.v... mà mình có thái độ, cách hành xử, có lối sống không hay không đẹp, hoặc tự mình làm mình khổ, nhưng mình lại không thấy điều đó.

Nếu mình nhìn sự vật, sự việc, hay nhìn người khác với cái tâm kỳ thị, ganh ghét, đố kỵ, với cái tâm đầy thành kiến, giận hờn thì mình không thấy được sự thật, không biết rõ, hiểu rõ những gì mình đang thấy, đang nghe, đang tiếp xúc. Nếu nhìn người khác với cái tâm vẫn đục phiền não cấu uế như thế, thì mình thấy ai cũng xấu xa, đáng ghét cả, thấy ai cũng lầm lỗi, ai cũng ngu dốt dù thực tế họ rất dễ thương, họ có nhiều điểm đáng yêu đáng quý, họ có nhiều điều hay đáng cho mình học hỏi. Nếu nhìn người khác với cái tâm tham sắc (thấy người ta đẹp nên mình mê), tham tài (thấy người ta giàu nên mình thích), với cái tâm vị kỷ vị thân (vì là bà con quyến thuộc, vì là bạn bè với mình nên mình thương, mình quý trọng), thì mình sẽ không thấy được cái xấu, cái dở của họ.

Do không thấy rõ bản chất của con người, sự vật, sự việc mà mình có những suy nghĩ, hành động sai lầm. Vì không biết rõ con người mình, không biết rõ cái tâm của mình nên có những suy nghĩ và hành động sai lầm, gây ra nỗi khổ cho mình và người khác.

Có nhiều người than vì nghèo nên khổ, nhưng khi có cơ hội vươn lên (nhờ sự giúp đỡ của người khác) trở nên giàu có khá giả, họ cũng chẳng có niềm vui và hạnh phúc, thậm chí họ còn khổ hơn. Do ông trời chẳng? Do thần linh chẳng? Do định mệnh chẳng? Tất cả đều không phải.

Do không hiểu tâm mình, không thấy nguồn gốc cái khổ của mình nên người ta đổ thừa cho người khác, đổ thừa cho thần linh, đổ thừa cho số phận, định mệnh. Khi còn những tập khí (thói quen, nghiệp) như ham vui, lười biếng, thích hưởng thụ, cờ bạc rượu chè, hút xách, sắc dục, thì dù đi đến đâu họ vẫn nghèo vẫn khổ; chẳng chóng thì chầy cũng rơi vào chỗ bế tắc, phá sản. Khi ấy, để

“chạy tội”, tự bào chữa, biện hộ, hoặc do không hiểu mà họ cho rằng tại ông trời, tại thần linh, tại năm tuổi, vận hạn, tại gặp thời vận không may, tại cái này cái nọ...

Ở các nước có nền văn minh tân tiến, kinh tế, văn hóa, pháp luật, đời sống xã hội phát triển nhưng vẫn có chiến tranh, bạo động, trộm cướp, mại dâm, lừa đảo, tham ô, tham nhũng. Bởi vì còn nhận thức sai lầm về bản chất con người và thế giới (không thấy duyên sinh vô ngã), bởi vì còn vô minh, phiền não (tham, sân, si...) thì vẫn còn những hiện tượng tiêu cực, con người không có sự bình an và hạnh phúc trọn vẹn.

Thế giới ngày nay phát triển, tiến bộ, so với thời xa xưa như trời với vực, có nhiều thành tựu mà trước đây không ai tưởng tượng ra, tuy nhiên thái bình, an lạc của nhân loại vẫn chỉ là mơ ước, con người vẫn phải đối mặt với nhiều hiểm họa: bạo động, khủng bố, chiến tranh, nguy cơ bị hủy diệt toàn cầu do vũ khí nguyên tử hạt nhân, thiên tai do môi trường bị tàn phá v.v...

Tóm lại, do vô minh, phiền não mà con người khổ chứ không phải do những điều kiện, hoàn cảnh bên ngoài. Vô minh phiền não chính là cái gốc, cội nguồn của muôn sự khổ. Nếu tâm thanh tịnh, sáng suốt, không còn vô minh, phiền não, có chánh tri kiến, trí tuệ (thấy biết đúng sự thật), tâm không điên đảo mộng tưởng thì khổ đau vắng bóng và an lạc hạnh phúc có mặt.

Có người thắc mắc, dường như Đức Phật không thực tế lắm. Rõ ràng là do người này người kia, do việc này việc nọ làm mình khổ; do gia đình, do tổ chức, do đoàn thể, do xã hội làm mình khổ v.v... Sao lại quy trách nhiệm về mình, cho rằng vì mình có phiền não tham, sân, si... nên mới khổ; nhận thức như thế e rằng mơ hồ, không xác thực. Tuy nhiên ít ai đặt câu hỏi cho mình: Tại sao mọi người ai ai cũng có những nỗi khổ riêng và những nỗi khổ chung do ảnh hưởng cộng đồng, xã hội? Tại sao mình lại sinh trong gia đình này mà không phải là một gia đình khác? Tại sao mình thương người này, ghét người nọ, không thích người kia? Tại sao mình có thiện cảm với người nào đó ở ngay lần gặp gỡ đầu tiên trong khi chẳng có cảm tình với người hàng ngày gặp mặt? Tại sao người này cứ theo làm khổ người kia như đòi một món nợ đã cho vay từ kiếp nào? Có khả năng thoát khỏi hoàn cảnh khổ, nhưng tại sao có người vẫn cam tâm chấp nhận chịu đựng? Ân, oán, tình, thù cứ xoay vần và đôi khi như có sự an bài sắp đặt. Tại sao con người cứ lẩn quẩn mãi

trong vòng khổ, vui mà không ra thoát được? Tại sao và tại sao? Có trăm ngàn câu hỏi tại sao mà con người không thể giải đáp nếu không hiểu lý duyên sinh-nhân quả.

Đức Phật đã thấy rõ nhân quả mà con người đã tạo và thọ lãnh từ vô thủy kiếp cho đến nay trùng trùng lớp lớp, chẳng chịt và xuyên suốt trong ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai chứ không phải chỉ trong một đời này. Nhân đưa đến quả, quả lại làm nhân, vừa là nhân của cái này lại vừa làm duyên cho cái khác, vô số nhân, duyên, quả hình thành nên đời sống con người và thế giới.

Vì vô minh, không thấy được duyên sinh nhân quả, không thấy vạn pháp vô ngã nên sinh khởi các phiền não, tham ái, chấp thủ; thân, khẩu, ý hành động sai lầm, điên đảo. Không thấy được duyên sinh, vô ngã nên thấy thật có ta, có người, thật có những thứ sở hữu của ta, của người, thật có các sự vật, hiện tượng (trong khi thực chất tất cả chỉ là do nhân duyên sinh khởi, không đối tượng nào có thật thể và thường hằng bất biến, mỗi sự vật hiện tượng đều do muôn ngàn sự vật hiện tượng khác cấu thành, luôn ở trong tình trạng biến đổi), từ đó sinh khởi các phiền não dẫn đến những tạo tác mê lầm, rơi vào mạng lưới nhân quả trùng trùng lớp lớp.

Nếu không thấy được bản chất của hiện tượng vạn hữu, không hiểu được quy luật của đời sống, tức là không có nhận thức đúng thì không thể nào có được những tư duy, hành động tích cực mang lại an lạc hạnh phúc cho mình và mọi người, không thể nào xây dựng, cải thiện thế giới ngày một tiến bộ hơn.

Khi hiểu được bản chất và những quy luật của đời sống, khi có sự rèn luyện tâm lý, ý chí, sự tu tập tâm thì con người sẽ bớt khổ hơn. Mục đích của đạo Phật là chuyển hóa những phiền não khổ đau và có được an lạc hạnh phúc ngay trên cuộc đời này. Dù sống trong cõi đời ngũ trược, đời sống đầy những khó khăn nhưng tâm vẫn bình an và hạnh phúc là mục đích phấn đấu của người tu học Phật.

Phật dạy về sự kỳ diệu của biết hổ thẹn

Thế Tôn đã khẳng định nếu không có hổ thẹn với chính mình và mọi người thì con người chẳng khác nào cảm thú, thế giới sẽ đi đến hỗn loạn.

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), gọi các Tỷ Kheo: Này các Tỷ kheo, hai pháp này là pháp đen. Thế nào là hai ? Không tầm và không quý. Và này các Tỷ kheo, hai pháp này gọi là pháp trắng. Thế nào là hai ? Tầm và Quý.

Hai pháp trắng này, này các Tỷ kheo, che chở cho thế giới. Nếu không có hai pháp trắng này che chở cho thế giới thì không thể chỉ ra được đây là mẹ, hay là em, hoặc chị của mẹ, đây là vợ của anh, hay em, đây là vợ của thầy, hay vợ các tôn trưởng. Và thế giới sẽ đi đến hỗn loạn như giữa các loài dê, heo, chó, gà, vịt.

Này các Tỷ kheo, vì có hai pháp trắng này che chở, nên mới có thể chỉ được đây là mẹ, hay là em, hoặc chị của mẹ, đây là vợ của anh, hay em, đây là vợ của thầy, hay vợ các vị tôn trưởng.

(ĐTKVN, Tăng Chi Bộ I, chương 2, phẩm Hình phạt, phần Hai loại tội [trích], VNCPHVN ấn hành 1996, tr.100)

Lời bàn:

Biết hổ thẹn là một nhân tố quan trọng trong việc hoàn thiện nhân cách của con người. Tầm là biết hổ thẹn với chính mình và quý là biết hổ thẹn, sợ hãi với người khác. Nhờ biết hổ thẹn nên chúng ta có thể vượt thắng, làm chủ được bản thân trước những thôi thúc của tham lam, sân hận và si mê.

Trong mỗi chúng ta đều tồn tại hai thế lực đen và trắng này. Giữa thanh thiên bạch nhật, hầu hết chúng ta đều thể hiện sự ý tứ, sợ người khác chê cười, phê phán, chỉ trích hoặc lên án (quý). Người mà vô cảm trước dư luận, bỏ ngoài tai sự chê cười, mai mỉa của người đời (vô quý) thì xem như....cùn, sống bên lề xã hội, hoặc bị tâm thần. Có thể nói, khi có ý thức về mình và xã hội thì sự xấu hổ, biết thẹn với người còn cơ may hiện hữu. Cái khó là khi đối diện với chính mình, ta có tự vấn lương tâm, xấu hổ và thẹn thùng với điều chỉ mình biết hay không ? Lẽ thường ở đời là khi vụ việc chưa để bề ra thì xem như con người ta vô cùng trong sáng, chân chính và thánh thiện. Thậm chí tồn tại khá phổ biến quan niệm những việc làm tội lỗi nhưng qua mặt được phát luật thì xem như không có tội tình gì.

Phải can đảm và trí dũng lắm người ta mới sống với lương tri, nhận ra những sai trái của chính mình để từ bỏ dù chưa ai biết hoặc không hề biết. Đức tính quý báu ấy gọi là tầm, phải tỉnh thức thật nhiều mới nhận ra và thực hành được điều ấy trong đời sống hàng ngày. Biết xấu hổ với mình trước những tội lỗi là nền tảng đạo đức căn bản của cá nhân và xã hội.

Thế Tôn đã khẳng định nếu không có hổ thẹn với chính mình và mọi người thì con người chẳng khác nào cầm thú, thế giới sẽ đi đến hỗn loạn. Do đó, thực tập nội quán, phản tỉnh, nhìn lại mình, tự vấn lương tâm nhằm chặn đứng những điều xấu ác chính là nội dung thiền quán về tuệ học của Phật giáo mà mọi người trong xã hội cần ứng dụng để tự kiên toàn nhân cách.

Gieo hạt mỗi ngày

Đời là một chuyến đi không biết điểm đến. Rất ít AI đến được điểm mình dự định. Thông thường ta bắt đầu cuộc hành trình với một ý niệm đích điểm trong đầu, chỉ để nhận Ra rất sớm là cuộc đời có rất nhiều chỗ rẽ bất ngờ, và sau một lúc thì ta chẳng chắc là đời ta rồi sẽ về đâu. Nhưng như vậy thì đời mới vui.

Nếu quan sát trẻ em và người già thì ta thấy rất giống nhau – cả hai cùng rất yếu về thể xác và cùng nhiều tình cảm hơn lý luận. Và ta bắt đầu từ bụi đất, sẽ trở về cùng bụi đất. Điểm cuối cũng là điểm khởi hành.

Khái niệm đường vòng này rất ích lợi trong kế hoạch sống của chúng ta. Nếu ta biết đời không phải là đường thẳng và ta có thể vòng lại điểm đã qua, thì tốt hơn là trên mỗi bước đi, ta nên ném Ra vài hạt trái cây ngũ cốc bên đường, hy vọng là dọc đường sẽ mọc nhiều cây trái, để lúc nào đó ta vòng lại thì có thể đã có sẵn trái ngon chờ đợi! Đi đến đâu gieo hạt giống đến đó, tức là sống hôm nay mà trông cho ngày mai đó, các bạn ạ.

Dĩ nhiên là không phải hạt nào cũng lên cây tốt. Nhiều hạt sẽ bị chim ăn, nhiều hạt sẽ chết đi, nhưng sẽ có một ít hạt nảy mầm sinh cây. Và những cây này, biết đâu lại sinh hoa trái và chim chóc sẽ mang hạt của chúng gieo rắc hàng bao nhiêu dặm xa khắp nơi. Cuộc đời biến hoá vô lường, làm Sao ta có thể đoán hết hậu quả của chỉ một hạt nảy mầm, huống chi là khi ta gieo nhiều hạt mỗi ngày.

Chọn hạt tốt để gieo

Nếu sống khôn ngoan, thì ta gieo hạt trên mỗi bước đi.

Nhưng các hạt đó là những gì?

Thưa, chúng ta có thể chia các hạt ta có sẵn trong túi Ra thành vài nhóm.

1. Những nụ cười, những lời cảm ơn, và những lời nói hiền dịu.

2. Tiền tài: nếu có thể cho AI một ít tiền, thì cho. Nếu có thể cho AI mượn ít tiền, thì cho mượn. Nếu có thể giúp AI đỡ đói một ngày, thì giúp.

3. Công việc: nếu có thể mách bảo AI một cơ hội làm ăn thì mách bảo. Nếu có thể chỉ AI có được một công việc thì chỉ. Nếu có thể dạy AI một cách kiếm tiền thì dạy.

4. Kiến thức: nếu có thể dạy AI đó biết đọc, biết làm toán, thì dạy. Nếu có tài năng gì đó có thể chia sẻ lại với mọi người thì chia sẻ. Nếu có kỹ năng sống nào đó có thể dạy lại cho mọi người thì dạy.

5. Đạo đức và triết lý sống: nếu ta đã có kinh nghiệm sống biết thế nào là đạo đức, thế nào là thiếu đạo đức, thế nào là tốt cho cuộc sống, thế nào là có hại, con đường nào sẽ đưa đến khổ đau, con đường nào sẽ đưa đến an lạc, thì hãy chia sẻ lại với anh chị em, nhất là những người ít kinh nghiệm sống hơn.

6. Cách tự sống vững trên hai chân: có lẽ điều tốt nhất ta có thể trao tặng một người là kiến thức và kinh nghiệm giúp cho người đó có thể tự sống, tự xoay xở, dù là họ có lọt vào bất kỳ tình huống khó khăn nào. Đây là cách giúp cho họ kỹ năng sống cũng như tự tin để sống mọi nơi, trong mọi hoàn cảnh. Phần cốt cán của nó là tư duy tích cực. Tất cả những điều này mỗi chúng ta đều đã có sẵn trong túi không ít thì nhiều. Chẳng tốn kém tiền bạc hay công Lao chỉ để lấy Ra vài hạt trong túi ném Ra bên lề đường mình đang đi.

Và tất cả các hạt này đều chỉ nằm trong một gia đình thực vật lớn, gọi là “tình yêu”.

Nếu mỗi người chúng ta đều gieo hạt dọc đường thì sẽ có hai chuyện xảy Ra. Thứ nhất, riêng cá nhân ta, một lúc nào đó ta sẽ hưởng được trái ngọt của hạt giống ta gieo hôm nay. Bất buộc là như vậy. Càng gieo nhiều và càng sống lâu, xác suất được hưởng của ta càng tăng rất cao. Thứ hai, khi nhiều người gieo dọc đường, thì AI đi đâu, dọc đường nào, cũng đều có trái ngon chờ mình trên cây. (khuyết danh)

Âm Thực

Làm người ai lại không ăn
Nhưng ăn để sống khác ăn thụ nhiều.
Cao lương mỹ vị bao nhiêu
Thân phì béo bở muôn điều khổ thân.
Bệnh do ăn uống là nhân
Máu cao mỡ đóng lên cân vù vù.
Ham chi mỹ vị trần tu
Uống ăn đạm bạc nhàn du qua ngày.
Thức ăn độc tố nạn tai
Chứa nhiều hóa chất ngày nay bệnh nhiều.
Mỡ dầu thịt cá khó tiêu
Chỉ cần rau cải là điều dưỡng sinh.
Ai ơi ! xin nhớ giữ gìn
Kiêng ăn điều độ an bình tâm thân.
Mỗi ngày thể dục một lần
Siêng năng đi bộ ân cần chớ quên.
Giảm cân thì tốt cho thân
Giữ gìn sức khỏe chuyên cần lo tu.
Vì ăn khổ lụy ngục tù
Lao tâm mệt sức khổ ngu tại mình.
Thân này tạm bợ phù sinh
Chớ nên nô lệ khổ mình về sau.
Ngày nay nham loại bệnh đau
Muôn ngàn thứ bệnh kể sao cho cùng.
Bởi do cọng nghiệp khổ chung
Gây bao chất độc khắp cùng không gian.
Môi sinh ô nhiễm tai nản
Uống ăn hít thở bệnh toàn nan y.
Ung thư chứng bệnh nan trị
Một khi phát hiện “nhị tỳ” sắp ra.
Kíp mau niệm Phật Di Đà.
Vãng sanh Cực lạc Ta bà yểm ly.
Đòi người ai cũng ra đi
Lâm chung dự bị chia ly khỏi sầu.
Vô thường nháy mắt bể dâu
Xuân xanh mới đó bạc đầu rồi đây.
Sống lo ăn uống loay hoay
Quên tu niệm Phật khổ dài về sau.
Chi bằng thức tỉnh hồi đầu
Tương rau đạm bạc nhớ câu Di Đà.
Mấy lời nhắc nhở gần xa
Uống ăn cẩn thận mới là người khôn.

Khuyết danh

Tích chuyện trưởng lão Sâm Mạc Gia

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Sâm-mạc-gia.

Thuở ấy có tỳ-kheo Sâm-mạc-gia cả ngày chỉ lo việc quét tước quanh chùa Kỳ-viên. Cùng tu-tập chung trong chùa có Trưởng-lão Lê-va-ta, trái lại, cả ngày chỉ ngồi Thiền nhập định. Tỳ-kheo Sâm thấy thái-độ của Trưởng-lão Lê, cả ngày chỉ ngồi yên, im-lặng, cho rằng Trưởng-lão đã lãng-phí thời-giờ. Một hôm, tỳ-kheo Sâm đến nói với Trưởng-lão: "Này ông Lê, cả ngày tôi thấy ông chỉ ngồi yên, chẳng làm gì cả. Như thế là lười-biếng, chỉ biết sống nhờ vào sự tín-thí của các đàn-việt mà thôi." Trưởng-lão Lê đáp: "Này đạo-hữu, một vị tỳ-kheo chẳng nên để trọn hết thì-giờ của mình mà quét-tước cả ngày. Vị ấy nên quét dọn vào sáng sớm, xong lên đường đi khát-thực. Trở về, thọ-trai xong, vị ấy hoặc quán-tưởng về thân-tâm năm uẩn này, để biết rõ bản-thể của các uẩn ấy, hoặc đọc-tụng kinh-điển cho đến chiều tối. Bây giờ, nếu muốn, có thể ra quét sân thêm." Tỳ-kheo Sâm nghe kỹ lời dạy đó, chuyên-cần thực-hành theo đúng, nên chẳng bao lâu chứng-đắc được quả-vị A-la-hán.

Các vị tỳ-kheo khác nhận thấy đạo này, các đồng-rác quanh chùa chẳng thấy được quét dọn, mới hỏi tỳ-kheo Sâm-mạc-gia, sao bây giờ chẳng còn chăm quét-tước như trước nữa. Tỳ-kheo Sâm đáp: "Ngày trước, tâm tôi còn nhiều phiền-não và vọng-trưởng, thiếu sự tỉnh-giác, nên tôi phải quét cho sạch. Đến ngày nay, tâm tôi thanh-tịnh, lúc nào cũng tỉnh-giác, nên chẳng cần quét nữa." Các vị đồng-tu cho rằng tỳ-kheo chẳng nói đúng sự-thật, tự cho mình đã chứng A-la-hán, mới đến bạch cùng Phật. Đức Phật bảo: "Tỳ-kheo Sâm-mạc-gia đã nói đúng sự-thật, vì đã chứng-đắc được quả-vị A-la-hán."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người trước kia buông-lung, phóng-dật
Về sau, biết tỉnh-giác chuyên-cần
Ánh quang-minh soi khắp thế-gian
Như trăng sáng thoát mây che lấp.

(Kệ số 172.)

CÔNG ĐỨC PHÓNG SANH

Hỏi: Xin giảng giải thêm về ý nghĩa sâu xa hơn nữa của việc phóng sinh trong trường hợp những con vật thả ra bị chết?

- **Đáp:** Chúng ta có thể xem trong phẩm Lưu Thủy Trưởng Giả Tử thứ 16 trong Kinh Kim Quang Minh. Tiên thân của Đức Phật có lần là con nhà trưởng giả, vì không nở nhãn tâm thấy hàng vạn con cá đang dần dần bị chết khô trong vũng cạn, nên gấp rút dùng hai mươi con voi lớn chở nước đến đổ vào để cứu sống sinh mạng đàn cá, lại vì một vạn con cá ấy mà thuyết pháp, niệm Phật. Trong ngày mạng chung, số thi thể cá này tích tụ trên bờ ao, thần thức của chúng được vãng sinh lên cõi trời Đao Lợi, hưởng phước không cùng. Nay xin trích dẫn nguyên văn trong kinh làm chứng: "Bấy giờ, cõi đất nơi ấy chấn động dữ dội, mười ngàn con cá cùng chết đi trong một ngày. Vừa chết rồi liền được sinh về cõi trời Đao Lợi ».

Sự thật, phước báu lớn lao của việc phóng sinh còn là ở chỗ thực hiện nghi thức phóng sinh, bao gồm việc quy y, niệm Phật. Loài súc sinh trong lúc sắp chết, thử hỏi có mấy con may mắn được quy y Phật, Pháp, Tăng? Lại còn được các vị Pháp sư và cư sĩ đều vì chúng mà niệm Phật cầu nguyện cho được siêu độ. Nhờ đó mà nghiệp báo mau dứt, sớm được ra khỏi ba đường ác, há chẳng phải phước duyên sâu dày lắm sao? Nhờ đó mà nghiệp báo súc sinh sớm dứt, được chuyển sinh kiếp người, biết niệm Phật tu hành, nhanh chóng được vãng sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc, há chẳng phải là nhân duyên thù thắng hay sao? Cho nên khi cư sĩ khi phóng sinh, phải luôn phát tâm từ bi mà cứu chuộc sinh mạng. Thử đặt mình vào vị trí nguy kịch ấy, vì cứu lấy mạng sống đang nguy ngập mà làm việc phóng sinh. Nếu vạn nhất con vật ấy có chết đi, thì chúng ta cũng không có gì phải hổ thẹn với lương tâm, đồng thời cũng đã dành cho chúng sự cầu nguyện chân thành vô hạn. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy rằng: "Tâm Phật chính là tâm đại từ bi, dùng tâm từ không vương mắc mà hóa độ khắp cả chúng sinh ».

- **Hỏi:** Muôn loài cầm thú có đến hàng ngàn, hàng vạn, chúng ta phóng sinh làm sao thả cho hết được?

- **Đáp:** Đức lớn của trời đất là sự sống, đạo lớn của Như Lai là từ bi. Thuận theo đạo trời thì yêu thích sự sống mà chán ghét sự giết hại. Nay ta cố gắng thực hiện việc phóng sinh, nuôi dưỡng tâm từ bi là hợp với lòng trời mà chư Phật lại hoan hỷ. Nếu như cứu được một mạng sống, công đức đã là vô lượng vô biên, huống chi là cứu được nhiều mạng sống? Đến như muôn vạn loài súc sinh, dù hết lòng cứu vớt cũng không hết, đó là do từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay cộng nghiệp tạo thành, chẳng phải trong một lúc có thể dứt hết. Chúng ta chỉ cần đem hết khả năng mình, tùy duyên mà thực hiện việc phóng sinh. Không thể vì muôn loài súc sinh quá nhiều không giải cứu hết mà lại không ra tay cứu lấy những sinh mạng trong muôn một.

Kinh Đại Bát Niết-bàn dạy rằng: “Lòng đại từ đại bi gọi là tánh Phật.”. Lại cũng dạy rằng: “Lòng từ bi chính là Như Lai, Như Lai chính là lòng từ bi.”

- **Hỏi:** Tôi nghĩ, thà đem số tiền làm việc phóng sinh để cứu tế cho những người nghèo khó đói thiếu, xem ra có hiệu quả thực tế hơn.

- **Đáp:** Già cả cô độc, bản cùng khổ nạn, tuy thật đáng thương xót, nhưng mạng sống chưa đến nỗi phải mất đi trong chốc lát. Còn loài vật đang nguy ngập kia, nếu chẳng kịp cứu giúp phóng sinh, thì tức khắc sẽ bị giết để nấu nướng, phải bỏ mạng trong miệng con người. Một bên là cảnh ngộ đáng thương, nhưng vẫn còn giữ được tính mạng. Một bên là chỉ mảnh treo chuông, mạng sống bị đe dọa. So ra bên nào gấp rút hơn đã có thể thấy ngay.

Nên biết, chúng sinh muôn loài so với chúng ta thì tánh Phật cũng đồng nhất, không sai khác. Chỉ vì vô minh che lấp, nghiệp báo nặng nề mà phải trầm luân trong cảnh giới súc sinh. Đối với tất cả chúng sinh, đức Phật đều thương yêu như đứa con duy nhất. Cứu được một mạng sống tức là cứu được một người con Phật, nên chư Phật đều hoan hỷ. Lại nữa, cứu một chúng sinh cũng như cứu được một vị Phật tương lai, vì tất cả chúng sinh đều có tánh Phật, đều có khả năng thành Phật.

Luận Trí độ dạy rằng: “Trong tất cả các tội ác, tội giết hại là nặng nhất. Trong tất cả các công đức, không giết hại là công đức lớn nhất.”. Trong kinh

Phật cũng dạy rằng: “Tâm từ chính là nhân duyên đem đến mọi sự an lạc.”

- **Hỏi:** Nếu ai ai cũng làm việc phóng sinh mà không giết hại, các loài súc sinh sẽ sinh sản càng nhiều, tương lai thế giới này há chẳng phải sẽ trở thành thế giới cầm thú hay sao?

- **Đáp:** Như các loài kiến, mối, côn trùng .v.v... loài người không ăn chúng nó, để mặc tình chúng tự nhiên sinh sản, nhưng thế giới ngày nay có phải là thế giới của loài kiến chăng? Hay là thế giới của loài mối, của côn trùng chăng? Thật ra, những loài vật mà ta phóng sinh, khi được tự do sinh sản, được nuôi dưỡng trong thế giới tự nhiên, thì tự chúng có sự điều tiết phù hợp trong sinh thái và sinh sản cân bằng. Nghiệp ác của chúng ta hiện nay vẫn chưa được giải trừ, nếu lại cứ một mực lo lắng rằng các loài súc sinh trên thế giới sẽ quá nhiều, như vậy có khác nào người nông dân chưa xuống ruộng gieo giống mà lại cứ ngày ngày lo lắng mai sau lúa thóc chín đầy cả ruộng đồng, không sử dụng hết. Lo lắng vô cớ như thế há chẳng phải là buồn cười lắm sao?

Nên biết rằng, nhân quả báo ứng như bóng theo hình, mây may không sai chạy. Hiện nay, trên thế giới sở dĩ cầm thú rất nhiều chính là vì trước kia những người giết cầm thú quá nhiều, nay phải hóa sinh làm cầm thú. Như người ăn dê, dê chết rồi thành người, người chết lại thành dê, sinh sinh tử tử trở thành báo oán lẫn nhau, đời đời không dứt. Vì sự oan oan tương báo như thế, cùng làm súc sinh, cho nên có thế giới cầm thú. Nếu như người người đều có thể bỏ việc giết hại, làm việc phóng sinh, thì oan nghiệp hận thù giữa súc sinh và con người sẽ dần dần tiêu mất. Cầm thú súc sinh do đó dần dần giảm thiểu, cõi người, cõi trời ngày càng thêm đông. Như nước Sở chẳng ăn ếch mà ếch lại ít dần. Nước Thục chẳng ăn cua mà cua tự nhiên ngày càng hiếm. Thời xưa đã có tấm gương sáng, chúng ta nên tự phản tỉnh, xét soi. Kinh Đại Nhật có dạy rằng: “Phật pháp lấy tâm Bồ đề làm chánh nhân, lấy lòng đại bi làm căn bản.”

- **Hỏi:** Khuyến những người làm nghề sát sinh thay đổi nghề nghiệp, đó là làm hại sinh kế của người ta. Như thế là thương loài súc sinh mà không thương người, có vẻ như không được hợp tình hợp lý chăng?

- **Đáp:** Xã hội có đủ các giới sĩ, nông, công, thương, đủ các ngành nghề. Mỗi ngành nghề đều

có thể kiếm ra tiền, đều có thể nuôi sống gia đình, lẽ nào cứ phải lấy việc sát sinh hại mạng để làm phương tiện mưu sinh cho mình hay sao? Nên biết rằng, nhân quả báo ứng mảy may không sai lệch. Đã tạo nghiệp giết hại ắt phải gặp quả báo bị giết hại. Ngày nay tuy có tạm thời được ăn sung mặc sướng, nhưng tương lai đến lúc thọ nhận quả báo e rằng chẳng có lúc được ngừng nghỉ, vả lại còn để họa lây đến con cháu đời sau. Quả là điều lợi chẳng bằng điều hại! Kinh Phạm Võng dạy rằng: “Bồ Tát nên sinh khởi tánh Phật, hiểu thuận từ bi, thường giúp đỡ cho hết thảy mọi người đều được an vui hạnh phúc.

- **Hỏi:** Việc phóng sinh có hạn chế đối tượng hay không?

- **Đáp:** Không có hạn chế! Phàm là các loài chim bay trên trời như bồ câu, se sẻ..., các loài sống trong nước như tôm, cua, cá, ốc..., các loài sống trên mặt đất như hươu, nai, dê, thỏ..., các loài chui sâu trong đất như giun, trùng, kiến, mối... Chỉ cần có mạng sống thì đều có thể phóng sinh được. Luận Đại trí độ dạy: “Tâm đại từ là ban vui cho tất cả chúng sinh, tâm đại bi là cứu vớt khổ nạn cho tất cả chúng sinh.”

Hỏi: Tại sao khi thực hiện việc phóng sinh thường có nghi thức thọ Tam quy y và niệm Phật cho loài súc sinh?

Đáp: Chánh pháp ngàn năm khó gặp. Chúng ta cùng với loài súc sinh ấy có nhân duyên, nên phát tâm cứu được mạng sống cho chúng, nhưng không thể cứu giúp chúng thoát khỏi luân hồi nghiệp báo. Vì vậy rất nên phát tâm đại từ bi, vì chúng mà truyền thọ Tam quy y, để giúp chúng kết duyên lành với Phật pháp. Chúng sinh nào có duyên lành được quy y Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng) thì không còn phải đọa vào ba đường ác, nên có thể giúp cho những súc sinh ấy khi nghiệp

báo dứt hết sẽ vĩnh viễn không rơi vào các đường ác nữa. Ngoài ra, khi thực hành nghi thức như vậy, vị pháp sư cùng tất cả cư sĩ tham gia đều vì chúng mà trì niệm danh hiệu Phật: “Nam-mô A-di-đà Phật”. Được nghe sáu chữ hồng danh ấy tức là đã gieo nhân lành vào tạng thức, nhờ đó mà kiếp sau chuyển thế làm người ắt sẽ gặp được Phật pháp, biết niệm Phật tu hành, được vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, vĩnh viễn thoát ly cái khổ của sáu đường luân hồi. Đây mới chính là ý nghĩa sâu xa mẫu nhiệm nhất của việc phóng sinh.

Kinh Phước Đức

Đây là những điều tôi được nghe hồi đức Thế Tôn còn cư trú gần thành Xá Vệ, tại tu viện Cấp Cô Độc, trong vườn Kỳ Đà. Hôm đó, trời đã vào khuya, có một thiên giả hiện xuống thăm Người, hào quang và vẻ đẹp của thiên giả làm sáng cả vườn cây. Sau khi đánh lễ đức Thế Tôn, vị thiên giả xin tham vấn Người bằng một bài kệ:

"Thiên và nhân thao thức
Muốn biết về phước đức
Để sống đời an lành
Xin Thế Tôn chỉ dạy."
Và sau đây là lời đức Thế Tôn:

"Lánh xa kẻ xấu ác
Được thân cận người hiền
Tôn kính bậc đáng kính
Là phước đức lớn nhất.
"Sống trong môi trường tốt

Được tạo tác nhân lành
Được đi trên đường chánh
Là phước đức lớn nhất.
"Có học, có nghề hay
Biết hành trì giới luật
Biết nói lời ái ngữ
Là phước đức lớn nhất.

"Được cung phụng mẹ cha
Yêu thương gia đình mình
Được hành nghề thích hợp

Là phước đức lớn nhất.

"Sống ngay thẳng, bố thí,
Giúp quyên thuộc, thân bằng
Hành xử không tỳ vết
Là phước đức lớn nhất.

"Tránh không làm điều ác
Không say sưa nghiện ngập

Thỉnh Kinh và đĩa CD MP3

- Kinh Hoa Nghiêm do H.T Tuyên Hoá giảng giải đã in xong **tập 15, tập 16, tập 17, tập 18, tập 19, và tập 20**. Quý vị nào thỉnh Kinh, xin liên lạc về Chùa. (Ngoài ra Chú Lăng Nghiêm tập 1 và Chú Đại Bi còn sót lại vài chục quyển, quý vị nào cần xin liên lạc. Những Kinh in đợt trước còn lại để cho thỉnh : **Kinh Hoa Nghiêm giảng giải từ tập 1 đến tập 14. Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 1 đến tập 5** (trọn bộ). **Chú Lăng Nghiêm giảng giải tập 1 đến tập 3. Chú Đại Bi giảng giải**. (Tất cả đã thu âm sang đĩa CD MP3)

- Kinh Hoa Nghiêm do H.T Tuyên Hoá giảng đã được Trung Tâm Diệu Pháp Âm thu âm dạng MP3, đã sang ra đĩa CD mp3, ai muốn thỉnh thì xin liên lạc về Chùa, hoặc cũng có thể nghe trên trang web : dieuphapham.net hoặc là : chuakimquang.com.

Tinh cần làm việc lành
Là phước đức lớn nhất.
"Biết khiêm cung lễ độ
Tri túc và biết ơn
Không bỏ dịp học đạo
Là phước đức lớn nhất.
"Biết kiên trì, phục thiện
Thân cận giới xuất gia
Dự pháp đàm học hỏi
Là phước đức lớn nhất.
"Sống tinh cần, tỉnh thức
Học chân lý nhiệm mầu
Thực chứng được Niết Bàn
Là phước đức lớn nhất.
"Chung dụng trong nhân gian
Tâm không hề lay chuyển
Phiền não hết, an nhiên,
Là phước đức lớn nhất.
"Ai sống được như thế
Đi đâu cũng an toàn
Tới đâu cũng vững mạnh
Phước đức của tự thân." (CCC)

Thích Nhất Hạnh dịch, Mahamangala sutta, Sutta Nipata II.

Tôi chỉ là một ông Thầy tu

Tôi chỉ là một ông Thầy tu !
Với tiếng chuông tiếng mõ thâm u
Tránh khỏi những mây mù thấp cao danh lợi
Chức vụ, địa vị, quyền uy không màng tới.
Bát phong phe phẩy tựa gió thoảng mây bay
Tương chao dựa muối cối theo tháng với ngày
Vẫn tự tại đơn sơ như từ ngày tôi có mặt
Tôi chỉ là một ông Thầy tu, quê mùa cạn cợt.
Phủ lớp nâu sồng áo vải xa xưa
Tránh những tranh chấp, xảo thuật hơn thua
Thong dong rảo bước giữa bốn mùa
Chân đạp đất, đầu nhìn cao giữa trời xanh mây trắng.
Lột xác trình nguyên, gọi mình mưa nắng
Góp nhặt ba rừng giáo lý, trắng tay
Đức Phật ngồi yên, bất động, không lay !
Thánh Tổ bật hình, không vang, không tiếng !
Vũ trụ cần khôn, không cùng không ngại

Nghe, biết, thấy, làm, vô tác, vô tâm
Bước chân đi giữa gió mát trăng rằm
Đếm lại được mấy đời xanh ngọn cỏ ?
Tôi chỉ là một ông Thầy tu, nhỏ nhoi kham khổ
Góp nhặt lá vàng trên những con đường sỏi đá
quanh co
Đói ăn, khát uống, mệt nghỉ, ngáy khò khò
Kinh luân trống rỗng, lúa thóc thùng bỏ.
Đưa không nhận, đẩy không cho
Đường không đến, néo không đi, không thêm
không bớt
Chim hót, bướm bay, ếch nhái ọt ẹt, chạt ních
đồng gò.
Chưa làm loang lỗ trên hành tinh xanh rách nát
Tôi chỉ là một ông Thầy tu, lạnh co nóng quạt
Dọ giẫm, lằn mò lối cũ tích xưa
Nhìn những thềm hoang rêu phủ dư thừa.
Nhòa bóng thời gian trải dài thế kỷ
Đâu là những vàng son uy nghi tuyệt mỹ !
Đâu là những cơ ngơi đồ sộ huy hoàng !
Còn không loang lỗ còn không ?
Còn không loang lỗ chất chông phong sương ?
Ô kìa Phật Giáo - Quê Hương
Biển dâu mấy độ, tang thương mấy lần ?
Đưa tay vá lại phù vân
Đan tâm vá lại phong trần biển dâu
Tôi chỉ là một ông Thầy tu, tóc bạc mái đầu
Những sợi đen nhiều xen kẽ điểm sương, nên
trắng
Tôi đi trên những con đường quê trống vắng
Nghe tâm tư trĩu nặng
Giang sơn gấm vóc năm ngàn năm
Gia tài Phật Giáo hai ngàn năm
Bóng tối thủng dân, đôi mắt chăm chăm
Màn đêm chợt tắt, hừng đông ló dạng
Tôi chỉ là một ông Thầy tu, đôi tay chống nạn
Đỡ vòm trời oan nghiệt phủ quê hương
Đẩy vô minh dày xéo làng quê, thành thị, phố
phường
Cho Phật Giáo với Quê Hương
Đầy sức sống trong tình thương dịu ngọt
Tôi chỉ là một ông Thầy tu, cà thò cà thọt
Trông thật khù khờ, hiền giả quá ngu
Lặng tìm từ cõi thâm u
Lòa lên ánh chớp mây mù trần gian
Lặng tìm từ cõi mơ màng
Về lên dấu ngọc leo thang trở về
Lặng tìm từ cõi u mê
Rung chuông đánh thức, đã về hay chưa ?
Gật gù tôi dạ tôi thưa
Đời tôi ư hử ! Thầy Chùa thế thôi !

Khuyết danh

Vie et œuvre prédicante du Vénérable Maître Hsuan Hua

La suite

20. Quã-Nãng se convertit

Avant sa conversion, Quã-Nãng s'appelait Lo, était son premier disciple extramondain qui LE suivait. Il était couturier. Avec son métier, il gagnait bien sa vie, mais cela ne suffisait pas pour subvenir aux besoins de sa compagne qui se droguait à l'opium. Un beau jour, son esprit s'ouvrit, réalisant son erreur, il décida de la quitter et de se convertir.

N'ayant plus beaucoup d'argent, il se rendait dans plusieurs pagodes, mais personne ne voulait l'héberger. Sans domicile fixe, il venait vivre provisoirement dans une auberge, où on était en train de fêter l'ouverture d'un restaurant végétarien. La propriétaire du restaurant lui demandait :

- « Mon Maître se trouve actuellement ici. Vous voulez LE saluer ? »

Il accepta, mais en se présentant devant LUI, il se sentait troublé et couvert de honte. Intentionnellement, Maître Đô-Luân lui posait la question :

- « Pourquoi es-tu si malheureux ? »

- « Je n'ai pas d'argent ... Pour quelle raison êtes-vous venu ici, Maître ? »

- « C'est pour toi que je suis venu. »

- « Comment ? Pourquoi êtes-vous venu pour moi ? »

- « Parce que je veux t'aider à te convertir. »

Quã-Nãng fut extrêmement surpris, car il n'avait jamais confié à personne sa décision de se convertir auparavant.

- « Ça suffit, dépêche-toi de partir, sinon, ta compagne viendra t'en empêcher et te ramener. »

- « Mais je n'ai même pas de soutane. »

Tout de suite, Maître Đô-Luân enleva sa soutane extérieure et la lui donna. Ensuite, Maître et disciple s'en allèrent, piétinant la neige, en direction de la pagode Tam-Duyên. A la pagode, Quã-Nãng se chargeait de tous les lourds travaux comme : puiser de l'eau, cuisiner, faire la lessive etc. ... Un jour, il s'est fabriqué un lit assez confortable. Voyant cela, son Maître lui demanda :

- « Qui t'a autorisé à fabriquer ce lit ? »

N'osant relever la tête, Quã-Nãng répondit :

- « Maître, personne ne m'a autorisé. Je m'en suis permis. »

- « Tu n'es pas le maître de cette pagode pour te permettre de faire ce qui te plaît. Dépêche-toi de ranger tout cela, et de monter dans la Grande Salle de Cultes, brûler trois baguettes d'encens et t'agenouiller pour te racheter et te repentir. »

Un moment plus tard, ne voyant pas Quã-Nãng exécuter son ordre, mais en train de raccommode ses vêtements, Maître Đô-Luân lui demanda :

- « Pourquoi tu n'as pas exécuté mon ordre ? »

- « Vous voulez vraiment que je m'agenouille ? (je croyais que vous plaisantiez) »

- « J'ai vraiment honte. En réalité, c'est de ma faute, si tu ne m'obéis pas, car si j'étais un bon Maître vertueux, digne de respect, mon disciple ne me désobéirait pas. C'est de ma faute, donc c'est moi qui dois m'agenouiller. »

Sitôt dit, sitôt fait, IL se mit à s'agenouiller devant l'autel du Bouddha. Pris de panique, Quã-Nãng se jeta à genoux aussi, et répondit respectueusement :

- « Non ! Non ! Maître ! Relevez-vous, je vous en prie ! C'est de ma faute ! C'est moi qui dois m'agenouiller. Je vous supplie respectueusement de vous relever. »

Ne se souciant nullement de sa sollicitude, Maître Đô-Luân restait toujours à genoux ; finalement, Maître et élève s'agenouillaient ensemble devant l'autel du Bouddha.

A partir de ce jour, tous ses disciples LUI obéissaient à la lettre, car Maître Đô-Luân ne plaisantait jamais.

21. Quã-Tá, jeune sadi aux pouvoirs surnaturels

Durant son séjour à la pagode Tam-Duyên, un matin, Maître Đô-Luân disait à Quã-Nãng :

- « Aujourd'hui, il y aura un petit garçon qui viendra demander à se convertir, tu me préviendras quand il sera là. »

Vers midi, Quã-Nãng se précipita dans sa chambre, et tout essoufflé, LUI dit respectueusement :

- « Maître, le petit garçon dont vous avez parlé ce matin, est arrivé. »

Maître ĐỘ-Luân sortit, se présentait devant LUI, un petit garçon d'environ onze ou douze ans ; à travers un visage révoltant, entêté, et des vêtements sales se dégageaient pourtant l'aspect d'un honnête-homme et la silhouette d'un Bhiksu.

L'ayant à peine vu, le petit garçon fut transporté de joie comme s'il venait de retrouver un être cher, à tel point qu'il fondit en larmes. Maître ĐỘ-Luân, dans l'intention de le tester, lui posa cette question :

- « Petit, pourquoi tu viens ici ? »

D'un air pleinement confiant, le petit garçon répondit sans hésitation :

- « Je veux me convertir. »

- « Quoi ? C'est parce que tu n'as pas de quoi manger, ni de quoi t'habiller, ni d'endroit où t'habiter que tu viens te réfugier à la pagode ? »

- « Non, Maître ! Je suis atteint d'une maladie extrêmement étrange. Que ce soit assis ou debout, je ne me sens jamais en forme, jamais bien, je souffre, je me fais tellement de soucis, je sais que, de toute évidence, je suis possédé par un esprit. »

- « Comment le sais-tu ? »

- « Lorsque j'avais cinq ans, j'étais capable de guérir n'importe quelle maladie ; il me suffisait de dire : « Guérissez ! » le malade guérit immédiatement. Il y a environ un mois, durant trois jours de suite, j'ai fait le même rêve. Dans mon rêve, j'ai vu un Moine, identique à Celui-ci (il montrait la statue du Bouddha Maîtreyā). Ce Moine au ventre gros me disait : « Va à la pagode Tam-Duyên chercher Maître An-Từ, demande LUI de te convertir, et tu seras guéri ». Pour pouvoir arriver ici, j'ai dû marcher plus de mille trois cents miles durant trois longs mois. La nuit, j'ai dormi dans des champs incultes, abandonnés. Une nuit, j'ai été entouré par une meute de loups, je leur criai : « Voulez-vous goûter « la grenade » ? Immédiatement, ils partirent. Maître, croyez-moi, je viens ici uniquement et réellement pour me convertir ! »

A cette époque, les soldats japonais venaient de perdre la guerre dans le Nord-Est, les transports n'étaient pas encore rétablis ; sur le chemin, il avait ramassé cette grenade avec quoi il a menacé les loups. C'était sûrement une preuve de protection du petit garçon de la part des Bouddhas et Bodhisattvas.

- « Ecoute bien, petit ! Se convertir n'est pas aussi facile qu'on le pense : faire des actes que personne

ne peut faire, accepter des choses que personne ne peut accepter. »

Saisissant une brioche sur l'autel du Bouddha à portée de sa main, Maître ĐỘ-Luân la mit dans sa bouche, la mâcha puis la cracha par terre et dit :

- « Si tu peux la ramasser et la manger. On verra par la suite. »

Sans la moindre répulsion, le moindre dégoût, le petit garçon la ramassa et la mangea immédiatement. Après cette épreuve, Maître An-Từ l'accepta officiellement comme jeune Sadi lui donna le nom bouddhiste : Quả-Tá. Après sa conversion, Quả-Tá était complètement guéri de sa maladie de possession démoniaque. Déployant tous ses efforts, il s'investissait corps et âme, dans la pratique de la Voie ; en moins d'un an, il obtint la vue surnaturelle, et le pouvoir surnaturel de lire dans la pensée et connaître le passé des autres. C'est pourquoi, on l'a surnommé : « jeune Sadi aux pouvoirs surnaturels ». Un jour, quelqu'un lui demandait :

- « Vous possédez des pouvoirs surnaturels, est-ce que votre Maître en possède aussi ? »

Poussé par la fierté devant cette question, Quả-Tá répondit :

- « J'ignore si mon Maître en possède ou non. »

Dès qu'il a prononcé ces propos ingrats, indécents, tous ses pouvoirs surnaturels disparurent. En même temps, sa maladie de possession démoniaque du passé réapparut. Son Maître avait dû multiplier ses efforts pour prier Bouddhas et Bodhisattvas de lui pardonner et le sauver ; grâce à quoi, petit à petit, sa maladie disparaissait, et il se rétablissait enfin complètement. Inspirant de cette histoire, Maître An-Từ composait un verset de quatre vers suivants :

« Pratiquer la Voie c'est comme grimper une perche de cent trượng (1 trượng = 4m) »

« La montée est d'autant plus difficile que la descente plus facile. »

« Franchissant le sommet de la perche, s'offrira l'immensité des dix directions. »

« Pourquoi n'en prenons-nous pas garde. »

22. L'inondation à Đông-Tĩnh

Il existe la phrase : « La religion monte d'un décimètre, le diable monte d'un trượng (1 trượng = 4m). ». Pour guérir Quả-Tá, Maître ĐỘ-Luân avait dû affronter plusieurs espèces de démons

aquatiques durant plusieurs semaines avant de les combattre et les obliger de se retirer ; mais le petit garçon avait perdu tous ses pouvoirs surnaturels. Vaincus, les démons aquatiques étaient excessivement furieux, car ils venaient de perdre un futur sympathisant ; aussi, ils décidaient, coûte que coûte, de se venger. Pour cela, ils faisaient monter l'eau, inonder plusieurs endroits mettant en danger d'innombrables vies humaines. Les bateaux naviguant de Thiên-Tân à Thượng-Hải étaient souvent attaqués par ces démons-pirates ; heureusement, à chaque fois, grâce à la protection du Bodhisattva Avalokitésvara, les passagers s'en sont sortis indemnes.

Un jour, accompagné de ses disciples, et en traversant le village Đông-Tĩnh, Maître An-Từ s'arrêtait chez un fidèle pratiquant bouddhiste nommé Quách. Celui-ci était un de ses disciples qui avait pris Refuge au Triple-Joyau avec LUI. Ce village était ainsi appelé parce qu'il était situé sur un terrain bas entouré des quatre côtés, par un mur très haut comme celui d'un puits. Dès qu'IL y arriva, la pluie commença à tomber abondamment, puis une violente tornade traversa le village, entraînant un gigantesque courant d'eau détruisant toutes les digues. En même temps, l'eau des puits dans le village monta tout d'un coup, et inonda plus de huit cents maisons, causant de nombreuses victimes obligées de grimper sur le toit des maisons pour se réfugier.

Devant une catastrophe d'une telle ampleur, tous ceux qui habitaient dans la maison de M. Quách, suivant ses instructions, se mirent à réciter « le Mantra de l'Immense Compassion ». La maison n'était entourée que d'une petite haie vivante d'environ quatre-vingts centimètres de hauteur, mais elle était capable de canaliser le courant d'eau excessivement puissant laissant passer seulement quelques minces filets d'eau. Résultat, la maison n'était inondée que d'un décimètre d'eau. De toute évidence, cette petite haie avait protégé Maître An-Từ et ses disciples. La merveilleuse puissance du « Mantra de l'Immense Compassion » était vraiment inimaginable, capable d'ébranler le Ciel et la Terre. En un instant, la pluie cessait ; l'eau se retirait petit à petit. Bilan, cette inondation a malheureusement causé quelques dizaines de morts. Plusieurs villageois avaient vu un monstre semblable à un buffle aquatique qui s'était débattu sauvagement dans le courant d'eau.

Il est possible que Maître Đô-Luân et ses disciples aient été protégés par les Bouddhas, les Bodhisattvas et les Dragons Célestes. Néanmoins, ce n'était pas la dernière fois que les démons s'en prenaient à LUI. IL les a rencontrés une deuxième fois comme nous l'avons vu sur le bateau menant de Thiên-Tân à HỒ-BẮC.

C'est pourquoi, guérir les malades s'avère parfois très dangereux, car cela pourrait provoquer la colère et la haine des diables et des démons, ce n'est absolument pas une plaisanterie. D'ailleurs, IL disait souvent :

« Etant jeune, on aime bien intervenir chaque fois que se présente l'occasion, puis au moment où les diables nous mettent à l'épreuve, on saurait alors qui serait le meilleur. » (à suivre)

Donner et recevoir

Parfois, vous pensez que la vie est injuste ! Vous donnez beaucoup, mais vous ne recevez pas grande chose. En réalité le problème est si simple. En donnant, vous avez déjà reçu beaucoup plus que ce que vous avez donné. C'est de la satisfaction morale, une joie invisible que vous ne pouvez ni voir, ni toucher.

Vous vous tracassez pourquoi quand les autres souffrent, vous restez à côté d'eux pour les encourager, soulager leurs souffrances. Ensuite, quand ils se sont remis, retrouvant leur bonheur, ils vous oublient.

Mon cher ami ! La vie est un cercle fermé. En réalité, il n'y a aucune injustice à votre égard. Tôt ou tard, vous serez récompensé et vous allez recevoir. L'essentiel est ceci : êtes-vous prêt à ouvrir votre cœur pour recevoir ?

Nés en ce monde, nous nous sommes tous endettés les uns les autres mutuellement. Donner et recevoir représentent seulement une forme d'acquiescement de dettes entre nous. Quand vous donnez ce qu'il y a de meilleur en vous, vous recevrez dans l'âme un sentiment de paix de tranquillité. Vous devriez comprendre que l'acte de donation n'est nullement un calcul. Plus vous calculez, plus vous vous sentez opprimé, affligé, vous donnez mais votre conscience n'est pas tranquille, de toute évidence, vous ne recevrez pas cette joie invisible qui serait votre récompense d'avoir fait un acte de bienveillance.

Tout ce que nous accomplissons mutuellement les uns les autres résulte en réalité, d'un endettement et d'un acquittement de dettes. Parfois, il s'agit d'un endettement et d'un acquittement de dettes concrètes, matérielles, parfois abstraites invisibles. Nous nous connaissons, puis nous nous aimons, puis nous nous détestons. Tout cela n'est que l'application de la loi des « causes à conséquences » qui nous pousse à avoir des relations sentimentales. La cause première c'est l'œuvre du karma, mais pour que l'union se prolonge c'est à nous de décider, et cela repose surtout sur le sacrifice de chacun d'entre nous qui accepte de donner. Mais dans le domaine de l'amour, il ne faut pas s'attendre à recevoir car le cœur ne tolère aucune loi, aucune justice, aucune raison. Ou bien vous recevez le bonheur ou vous subissez les souffrances. Tout est enchaîné dans un cercle fermé.

Ayant bien compris que la vie n'est pas toujours rose et pourtant je vous conseille de vous en accommoder, de donner, toujours donner, car l'acte de donation vous donne une chance de vous aimer vous-même, et vous permet de vous mêler au courant de la vie humaine.

L'espérance de vie d'une personne ressemble à un cours d'eau, mais la vie humaine se fond dans le temps, incessamment coulant, changeant, et renouvelant, et il en sera ainsi éternellement. Tous les cours d'eau se déversent dans la mer, puis la mer reversera, remplira les fleuves. Ainsi circule éternellement la marche. C'est ce qu'on appelle : La vie. La mort n'existera pas car, au point final, existe le commencement d'une nouvelle vie, un nouvel être portant en lui-même le karma de sa vie antérieure.

Le temple est magnifique, mais Bouddha est absent

Tout d'abord, je vous invite à écouter une conversation entre les Méditateurs intitulée : « La porte ».

Un maître envoyait ses disciples dans les quatre coins de la terre pour s'instruire. A la fin de la période d'études, avec la permission du maître, ceux-ci, l'un après l'autre, rentraient à la pagode, excepté un seul.

Le maître était très satisfait de l'instruction ainsi que des expériences acquises par ses disciples. Ils

ont bien tiré des leçons de la vie courante et récolté la quintessence à partir des livres et des Sutras qu'ils avaient appris.

Enfin, le disciple nonchalant finissait par rentrer. Le maître lui demanda : « Tu rentres après tes camarades, tu as, sans doute, beaucoup plus appris, n'est-ce pas ? »

Calmement, le disciple répondit : « Je n'ai rien appris. D'ailleurs, j'ai aussi oublié tout ce que vous m'avez appris ».

Le maître, découragé, mécontent, agacé, hochant la tête, partit.

Un jour, ce disciple « spécial » venait frotter le dos de son maître en train de prendre son bain. En frottant jusqu'à la taille du maître, il tapotait légèrement le dos de ce dernier, et murmurait : « Le temple est magnifique, mais c'est vraiment regrettable, à l'intérieur, on ne voit pas Bouddha ».

A ces propos, le maître s'emporta ; il a bien compris que ces paroles lui ont été adressées, que son disciple voulait insinuer quelque chose le concernant. Le voyant dans cet état, le disciple éclata de rire. Le voyant rire ainsi, la colère du maître monta encore, son visage rougit de plus en plus, puis devint violacé, menaçant qu'il le virerait hors de son monastère s'il continuait à lui manquer de respect.

Un autre jour, pendant que son maître se plongeait dans sa lecture, le même disciple s'approcha et s'assit à ses côtés. Le maître continuait à lire attentivement. Juste à ce moment, une abeille entra par mégarde dans la chambre, elle chercha de toutes ses forces mais en vain le chemin pour s'en sortir. Mais il semblerait que la pauvre ait perdu tout son sens d'orientation. La porte de la chambre était grandement ouverte, mais l'abeille continua à se foncer sur la fenêtre hermétiquement fermée. Et elle continuait toujours à se lancer sur la porte fermée, le gazouillement de ses ailes finissait par devenir de plus en plus agaçant. Soudain, le disciple s'écria : « Dis donc ! Abeille stupide ! Il ne s'agit pas de cette porte ! Arrête de te foncer sur le papier de cette fenêtre ! Regarde derrière toi, la porte ouverte c'est celle-là ! »

Ce n'était pas à l'abeille, mais en réalité, c'était précisément, à son maître, que ces paroles ont été adressées, grâce à quoi, ce dernier trouva enfin « la porte ». Pour la première fois, le maître regarda

fixement son disciple, il réalisa que devant lui, se tenait non plus ce jeune disciple qu'il avait envoyé pour s'instruire. Il a bien compris que son disciple était revenu avec une tête « bien faite », mais pas une tête « bien pleine ».

Aujourd'hui, il réalisa aussi le sens de la phrase prononcée par son disciple : « Le temple est magnifique, mais inutile sans la présence du Bouddha ». Il chercha l'abeille, et se rendit compte qu'elle aussi, a pu trouver la sortie.

Cette histoire reflète bien mon message, un message que je ne cesse de répéter encore et encore. Si on savait s'arrêter, et se réveiller ; alors apparaîtrait La Nature du Bouddha, La Vraie, Identique et Immuable.

Quel bonheur de pouvoir tout lâcher

L'ACCUMULATION

Un homme, ayant ouï dire qu'il existait un célèbre taoïste, se rendit chez lui pour se renseigner au sujet de la religion. Arrivé chez lui, voyant que sa maison était vide, exceptés : un lit, une table, une chaise et un livre ; l'air surpris, il demanda :

- « Pourquoi votre maison est-elle aussi vide ? Sans aucun autre objet ? »

Le taoïste lui reposa la question :

- « Et vous ? Avez-vous des bagages ? »

Il répondit :

- « Monsieur, j'ai une valise. »

Le taoïste lui demanda :

- « Pourquoi avez-vous si peu de bagages ? »

Il répondit :

- « Car, je suis en voyage. C'est pourquoi, j'emporte peu de bagages. »

Le taoïste dit :

- « Moi aussi, je suis un voyageur en ce monde, aussi, je n'emporte pas beaucoup de bagages. »

Souvent, nous oublions complètement que nous ne sommes que des voyageurs à travers ce monde ; pensant qu'on y vit éternellement, alors par cupidité on emmagasine, on accumule beaucoup trop de choses, les femmes accumulent des

vêtements, des bijoux ; les hommes : des machines, des voitures, des télévisions, des ordinateurs.

LE CONFLIT

Quand il y a conflit, nous avons l'habitude de rejeter la faute sur notre adversaire. En voici trois exemples :

1. Celui qui ne croit en aucune religion, pense qu'il a raison à 100%. Aveuglé par son ignorance, son arrogance et son égocentrisme, il se croit toujours être le plus important, tout ce qu'il pense est juste, tout ce qu'il dit est logique ; c'est pourquoi, à la moindre contrariété, il s'emporte, se met en colère et accuse les autres. En voici une histoire vraie aux Etats-Unis.

Une vieille femme entre chez Starbucks et commande une tasse de café. Le café à peine servi, immédiatement, elle prend la tasse et en boit une gorgée et s'en fait brûler la bouche. Elle se met en colère et porte plainte contre la cafétéria pour lui avoir servi du café trop chaud et demande 2 millions de dollars de dédommagement. Bien sûr, elle ne reconnaît pas sa faute, celle de ne pas avoir soufflé sur le café si c'était trop chaud pour le refroidir avant d'en boire. Peut-être, par gourmandise et puis, attirée par la bonne odeur du café, elle se précipite sur la tasse de café, en boit une gorgée et se fait brûler la bouche. Or, autour d'elle tant d'autres clients ont bu du même café, ont-ils été brûlés ? Non seulement, elle ne reconnaît pas sa faute, mais la rejette sur son adversaire et porte plainte contre la cafétéria.

En voici une autre histoire vraie aussi aux États-Unis. Un monsieur apporte un costume complet (veste, pantalon) au pressing pour le faire laver. En récupérant le costume, il s'aperçoit que le pantalon n'est pas le sien, alors il le ramène au pressing et fait une réclamation. Une semaine plus tard, le patron lui donne un autre pantalon, il ne reconnaît toujours pas son pantalon et porte plainte contre la blanchisserie. Le patron lui propose 12.000 dollars de dédommagement, mais il refuse et réclame 54 millions de dollars. Il est naturel que sa plainte ait été rejetée par le juge.

2. Celui qui commence à apprendre et à pratiquer le Bouddhisme, reconnaît que la faute est partagée à 50% et 50% (c'est seulement un chiffre représentatif) ; cela peut être : 40% et

60%; ou 30% et 70%, ou encore : 20% et 80% etc. Quand il y a conflit, ou dispute, il y en a un qui commence. Par exemple, Mr A et Mme B se disputent. Mr A commence, mais si Mme B se tait et s'en va, Mr A ne reste pas là à l'insulter. Résultat, la dispute n'aura pas lieu. Par contre, Si Mr A commence une phrase, Mme B riposte par deux phrases, ensuite Mr A se met en colère et répond avec trois, quatre ou cinq phrases successives, et si Mme B ne s'arrête pas, la dispute s'envenime et finit, peut-être par en venir aux mains. Si l'un des deux s'arrêtait, la dispute n'aurait pas lieu. Après la dispute, les deux se sentiraient blessés dans l'âme et se haïraient. Rentrés chez eux, s'ils comprennent la religion, ils se rendent compte qu'ils étaient aussi fautifs dans cette dispute ; et s'ils l'étaient à 40%, leur colère tomberait à 40% et s'ils l'étaient à 60%, leur colère tomberait à 60%.

3. Celui qui comprend parfaitement le Bouddhisme, reconnaît qu'il est fautif à 100%. Or, dans une dispute si on reconnaissait qu'on était fautif à 100% on accepterait qu'on était gros perdant mais en réalité il n'y a ni gagnant, ni perdant. Si on comprend bien la religion, la religion ici, veut dire la parfaite connaissance de la Loi des Causes à Effets, on saura que : ce n'est pas sans raison qu'on se met à vous insulter. Il est possible que vous ayez dit ou fait quelque chose dans le passé qui puisse le blesser et que vous avez oublié. Et si après mûre réflexion, vous n'avez toujours pas trouvé quelque chose de compromettant de votre part, alors dans votre vie antérieure, ou plusieurs vies passées vous aviez fait quelque chose qui auraient pu lui nuire, aujourd'hui, il vous cherche et vous provoque juste pour se venger.

Reconnaître sa faute est un acte noble, savoir s'excuser et s'en repentir est encore plus honorable, car cela pourrait dissiper et effacer toute haine et toute vengeance.

Une leçon inestimable

Où est la vraie laideur ? Le vrai terrifiant ? Et la vraie beauté ?

Histoire d'un moine Bouddhique à la Pagode du Parfum

Selon les ouï-dire traditionnels à Nam-Thiên-Đệ-Nhất-Động, il existait un moine bouddhique parfaitement accompli. Il connaissait à fond toutes les Doctrines du Bouddha. Parfois, Il méditait durant un mois entier, sans manger, ni boire, ni bouger, réalisant ainsi l'Immense Sagesse du Bouddha.

Parfois, d'une voix retentissante, il récitait le Sutra d' « Avatamsaka » (Kinh Hoa-Nghiêm), le Sutra du « Lotus De La Bonne Foi » (Kinh Pháp-Hoa), et le Sutra de l'« Éveil-Absolu » (Kinh Viên-Giác). Sa voix ressemblait au rugissement du lion, retentissait dans toute la montagne, pour que tout le monde puisse entendre clairement chacune des paroles des Sutras et comprendre toute la compassion du Bouddha.

Dans chacune de ses attitudes : que ce soit en marchant, debout, assise ou couchée, il observait toujours scrupuleusement les préceptes, dans tous ses faits et gestes, il gardait strictement le même et correct comportement. C'était sa façon d'honorer le caractère majestueux du Bouddha.

Des fois, il endossait l'apparence d'un passeur de sampan, transportant des pèlerins venant des quatre coins de la terre, leur racontant parfois de petites histoires drôles du Bouddha dharma, afin de les éveiller. D'autres fois, il apparaissait sous forme d'un petit garçon, fréquentant la place de l'embarcadère. Chaque phrase sortant de sa bouche, était bourrée de connaissances du Bouddhisme, provoquant des éloges des personnes âgées ; les seniors du quartier n'arrêtaient pas de le féliciter. Ne serait-il pas la réincarnation du célèbre Jeune Prodige (Thiền-Tài-Đông-Tử) du passé ?

Parfois, il se transformait en une belle jeune fille, charmante vendant des objets de souvenirs sur la place de l'embarcadère BẾN-ĐỤC. Non seulement, elle était belle et sérieuse mais toujours respectueuse, serviable, en bons termes, joviale avec tout le monde. A un client qui insistait pour négocier, elle se montrait très patiente, à quelqu'un qui manquait d'argent pour s'acheter un objet, elle acceptait, toujours ravie, de vendre ne serait-ce que pour lui donner une chance de se rapprocher du Bouddha, se disait-elle.

A tous ceux qui n'avaient pas d'argent, mais qui aimaient bien les objets de souvenirs comme : les statues de Bouddha, les chapelets, elle leur faisait cadeau et disait, toujours avec un grand sourire de

revenir quand ils auraient de quoi payer. Tout cela ne s'est pas passé inaperçu, les seniors de la région ne cessaient de la féliciter, se disant : « Ne serait-elle pas la réincarnation de Tiêu-Long-Nữ ? »

A une époque, il s'est transformé en un chasseur professionnel tuant des animaux sauvages, préparait des plats délicieux accompagnant de boissons alcoolisées, très appréciés, les étalait sur la place de l'embarcadère pour la vente. Son but c'était pour réformer les chasseurs qui tuaient les animaux, détruisaient les forêts et les montagnes, souillant ainsi la pagode.

Un jour, il était en profonde Méditation, soudain, surgit un homme, saisissant ses épaules il cria :

« Regardez-moi ! Est-ce que je suis laid ? Je souffre terriblement, car on dit que je suis laid »

Il possédait des membres tordus, déformés, squelettiques, la peau ridée, des cheveux crépus, un œil plus gros que l'autre, des oreilles pointues comme celles des chauves-souris, des dents inégales, irrégulières, des lèvres noires, en faisant la moue, on dirait une deuxième langue. Vraiment on dirait un démon Yaksa. Devant la question, le moine, d'un air doux, répondit :

- « Absolument pas, il y en a qui sont mille fois, des milliers de fois plus laids que vous, à côté d'eux, vous ne l'êtes absolument pas du tout »

Devant ces propos, le laid insistait encore, l'air douteux :

- « Dites-moi voir, comment, en quoi sont-ils laids ? »

Lentement, le moine répondit :

- « Ceux qui sont riches, mais qui ne s'occupent pas de leurs parents. Ceux qui s'accrochent aux gens fortunés, s'éloignant des pauvres. Ceux qui sont excessivement riches, mais qui ne veulent sortir un centime pour aider ceux qui sont dans le besoin. Ceux qui critiquent les gens vertueux, méprisent les Trois Joyaux jaloux à l'égard de ceux qui se sacrifient pour sauver les autres ; incapables mais remplis de jalousie.

Ceux qui aiment bien provoquer des disputes, des commérages, des mensonges, inventer des histoires pour diviser. Ceux qui sont doués dans l'art de diffuser des fausses accusations, des diffamations, des calomnies dans le but de critiquer, d'abaisser, d'écraser les autres. Ceux qui aiment la vie luxuriante, les débauches, dédaignant les bonnes

mœurs, détruisant la société. Ceux qui pratiquent des trafics de drogues, de stupéfiants, détruisant toute une jeune génération. Les fainéants, les vauriens qui vivent aux crochets de la société, qui profitent des sueurs et des larmes des honnêtes gens. Voilà, de véritables laids ! La vraie laideur ! A côté d'eux, vous ne l'êtes absolument pas ».

Ayant entendu ces propos, le laid se jeta à genoux devant le moine, se prosterna, et se retira.

A peine son ombre disparue, un homme, l'air effrayant pénétra. Quiconque le voyait, serait mort de frayeur. Il était colossal, géant, son visage bariolé de blanc et de noir comme des boxeurs américains ; des cheveux dressés, hérissés comme des clous pointus. A ses oreilles, pendaient deux boules ferrées en formes d'un huit. A son nez, était accrochée une canine de sanglier. A un de ses yeux, il portait un petit morceau de peau noire, à la façon des pirates borgnes ; au cou, le tatouage d'une chouette. Sur ses épaules, en bandoulière, deux bandes de balles de mitraillettes, comme les redoutables bandits aux frontières mexico-américaines dans les films westerns.

Il était torse nu, sur sa poitrine, on voit le tatouage d'un horrible monstre aquatique, sur ses bras, celui de deux serpents, ses deux mains étaient les gueules des serpents. Chaque fois qu'il levait ses mains, on a l'impression de voir les serpents prêts à mordre quelqu'un. Il ne portait pas de pantalon, mais s'enroulait d'une sorte de haillon en peau de panthère. Sur ses deux cuisses, étaient tatouées deux filles dénudées semblables aux démons ou génies. A sa main gauche, il tenait un crochet ferré, et dans sa main droite, une grenade déjà amorcée, prête à exploser. Il chaussait des bottes mexicaines, au bout desquelles, était fixé un clou à trois bouts pointus ; il lui suffisait de donner un coup de pied à quelqu'un pour lui ouvrir le ventre. Une voix rauque comme celle d'un « Ngru-ma-vuong » (bœuf-roi-démon) capable de provoquer des interruptions de grossesse des femmes enceintes. A sa rencontre, les enfants perdraient connaissance. Il s'avança devant le moine, sortit son crochet et la grenade, et demanda :

- « Est-ce que je suis terrifiant ? »

Devant ces propos menaçants, calmement, le moine répondit :

- « Vous n'avez rien d'effrayant, il existe des milliers d'autres plus terrifiants que vous ».

Extrêmement surpris, le dernier répéta la question :

- « Qu'est-ce qu'ils ont, ces gens-là pour mériter d'être plus effrayants que moi ? Dites-moi ! »

Celui-ci répondit :

- « Ceux-là ? Ils ont un physique très beau, des vêtements chics, élégants, des paroles doucereuses, mais derrière cette belle apparence, se cache une âme diabolique. Ils nourrissent, manigancent des projets, des plans machiavéliques dans le but de nuire aux autres. Voilà de vrais terrifiants !

Des faux pratiquants bouddhiques qui pratiquent les religions hétérodoxes, vénèrent les génies, les diables ; de leur bouche, ne sortent que des paroles vertueuses, persuasives capables de transformer l'auditoire en de jeunes brebis innocentes, de simples esprits qui se laissent facilement manipuler, et mener. Voilà ce sont de véritables effrayants ! Les dirigeants des grosses entreprises qui se disent toujours fidèles, confiants, loyaux mais en réalité, sont extrêmement cupides malhonnêtes, à force d'y croire, des milliers de clients se font plumer, et ruinés. Ceux-là sont vraiment effrayants ! Il y en a d'autres qui, pour amadouer les gens, ne parlent que de la morale, de la vertu, mais en réalité, ils nourrissent le rêve de gouverner toute l'humanité. Voilà ce sont de vrais terrifiants !

Il y en a d'autres qui se cachent derrière des puissances maléfiques, se livrent à des trafics d'esclaves, de femmes, et d'enfants, à la tête des organisations de trafiquants de drogues, de cocaïnes, de stupéfiants, formant des clans, des gangs de mafias, n'épargnant aucun acte cruel, meurtrier. Voilà ce sont des individus vraiment effrayants ! Il y en a d'autres qui se servent de leur plume, de leur auditoire, comme des épées, des armes excessivement tranchantes pour opprimer les solitaires, empoisonner l'opinion publique, déformer la réalité, calomnier, accuser injustement les honnêtes gens. Voilà, ce sont des individus extrêmement effrayants ! A côté de ces crapules, vous n'avez rien d'effrayant ! »

Complètement déçu, ce dernier se retirait.

A peine sorti, en descendant les marches de pierres il croisa une jeune fille. Celle-ci entra et se présenta devant le moine, d'un air orgueilleux et fier, lui posa une question :

- « Je suis la reine de beauté Miss-Univers. Pensez-vous que je suis belle ? »

Doucement, le moine répondit :

- « Non, absolument pas. Il y en a des milliers d'autres plus belles que vous »

Devant de tels propos, la jeune fille, extrêmement contrariée, ouvrant ses grands yeux, répondit d'une voix très agacée :

- « Miss-Univers c'est la femme la plus belle de l'univers. Dites-moi comment sont celles qui sont plus belles que moi ? »

Le moine répondit :

- « Observer une bonne conduite sérieuse c'est la beauté physique. Vivre dans la bonne-entente, l'harmonie et la fidélité dans les relations publiques c'est la beauté morale. Aider une personne à se relever c'est un bel acte. Donner de quoi manger à un affamé, de quoi boire à un assoiffé, de quoi s'habiller à un dénudé, aider un misérable, c'est la beauté du cœur. Prendre soins de ses parents, des personnes seuls, honorer les Sages et les Saints, faire offrandes aux moines, c'est la beauté de l'âme.

Aux personnes en détresse, en danger, exprimer des propos encourageants, consolants, motivants, c'est la beauté de la parole. Pas de mauvaises idées en tête, c'est la beauté de la pensée. Aux personnes d'esprit obscur, aux ignorants, apporter votre aide afin d'ouvrir leur intelligence, leur procurer des connaissances, c'est la beauté de l'esprit. Détruire le voile obscur de l'ignorance, guider les êtres vivants vers le chemin de La Félicité, de La Libération, c'est la Beauté Absolue, que, même le roi Indra-des-Dévas devait féliciter en éparpillant des pétales de fleurs.

Toutes ces beautés méritent d'être félicitées, proclamées par des diplômes, enregistrées dans l'histoire, commémorées sur des stèles, érigées en statues pour qu'on admire, qu'on vénère. Tandis que votre beauté, c'est de la beauté physique, du désir, de la possession, vous poussant, vous tournoyant indéfiniment dans le circuit de la réincarnation, vous plongeant dans de profondes souffrances ; une beauté qui s'épanouit le matin, qui se fane le soir. Il n'y a rien qui mérite d'être félicité, de quoi être fière ».

A ces propos, la reine de beauté Miss-Univers se retirait l'air profondément déçu.

Il paraît qu'après cette conversation, se guidant d'une canne en bambou, suivant le chemin menant à la grotte : Hương-Tích, le moine s'en

allait et disparaissait définitivement. Personne ne l'a plus revu, même si on le souhaitait !

Un seul mot :

« se détacher »

Le sujet que nous allons aborder aujourd'hui, se résume en un seul mot : « Se détacher ». Savez-vous quel est le contraire du mot « se détacher » ? C'est « S'attacher fortement (cố chấp) ». « Cố » veut dire : fortement ; « chấp » veut dire : s'attacher ; et « cố-chấp » veut dire : s'attacher fortement. Le contraire de « s'attacher fortement » c'est : « se détacher ».

A première vue, cela semble très simple, mais après examen minutieux, ce n'est pas aussi simple. Vous verrez que : si tout le monde se plaint, tout le monde souffre, c'est parce qu'on s'attache trop fortement, il n'y a pas d'autre raison. Pour mettre fin à ces souffrances, ces tristesses, que ferions-nous ? Nous devrions nous détacher, tout relâcher pour mettre fin à nos souffrances. C'est si simple ! Si facile ! Il vous suffit d'exécuter selon ces conseils, vous atténuerez vos souffrances en cette société actuelle.

Depuis longtemps, à quoi nous sommes-nous attachés si fortement, si bien qu'aujourd'hui, nous sommes obligés de nous en détacher, nous en libérer.

Pourquoi vous emportez-vous ? Vous chagrinez-vous ? Vous mettez-vous en colère ? Parce que vous êtes contrarié. Ces chagrins, ces colères, faut-il vous en débarrasser sur le champ, ou les garder éternellement ? Il y en a qui disent avec fierté : « Je me suis fâché contre cette personne depuis trente ans, jamais, je ne l'oublierai ». Être fâché durant vingt, trente années, à l'entendre, cela semble courageux, mais, en réalité, c'est de la stupidité, des souffrances. Il n'y a rien de glorieux !

Messieurs dames ! Réfléchissez un peu ! Vivant au milieu des gens, des voisins, de la famille, comment peut-on éviter de se heurter ? On dit souvent ainsi : « la vie de couple ressemble à la vaisselle dans un égouttoir ». En y rangeant les assiettes et les bols, on ne peut jamais éviter de faire du bruit. Comment vos voisins, votre

entourage, vos familles pourraient-ils satisfaire tous vos désirs, si à la moindre contrariété, vous vous fâchez ? Et vous en garderez rancune dans votre cœur. Vous vous fâchez contre une personne, vous en garderez une rancune, vous vous fâchez contre deux personnes, vous en garderez deux rancunes, et si vous vous fâchez contre cent personnes, comment votre cœur peut-il contenir et supporter autant de rancunes ?

Réfléchissez un peu, vous êtes en pleine gaieté, soudain vous pensez à la personne dont vous gardez rancune, est-ce que vous saurez continuer à jouir pleinement de votre joie ? Bien sûr que non, immédiatement, votre visage se rembrunit. Pourquoi, ne trouvons-nous pas le bon sommeil ? A cause des rancœurs. En pensant à celui qui vous a irrité hier, puis à celui d'avant-hier, la colère vous envahit. Résultat, impossible de fermer l'œil ! Votre cœur est rempli de haine. Garder une rancune au milieu de la gaieté, c'est comme si vous mettez un morceau de braise dans vos mains, ou sur votre peau, ou votre chair. Qu'éprouvez-vous ? Brûlé ! Terriblement mal ! Et celui qui garde dans son cœur cent morceaux de braise, à combien mesurent ses souffrances ? Beaucoup ? Ou un peu ? La première souffrance c'est celle du dessèchement physique dû au manque de sommeil, et manque d'appétit. Rongé par la colère noire, comment arrivez-vous à bien manger ? Bien dormir ? Vient ensuite la deuxième souffrance, celle de s'enlaidir. Vous rendez-vous compte comment est votre visage quand vous vous emportez ? Vos yeux rougissent, votre visage change de couleur, du rouge au violacé, plus aucun trait de beauté. Nourrir des centaines de rancœurs dans l'âme finit par vous consommer, vous aigrir, vous enlaidir. Par conséquent, garder dans son cœur des colères durant des dizaines d'années s'avère intelligent ? Ou stupide ?

C'est la raison pour laquelle, un pratiquant bouddhique, face à celui qui le contrarie, se fâche une minute, mais après, devrait s'en débarrasser et partir. A quoi bon se fâcher ? Ce serait stupide ! Garder en soi la colère c'est stupide, nullement intelligent ! A quoi bon rester là à broyer du noir ? Dans le Bouddhisme, il a été dit : « Tăng hận bắt cách tức ». Cela veut dire : un moine bouddhique ne se fâche pas plus d'une nuit. Étant donné qu'on est encore de simples moines profanes, on éprouve encore ces

sentiments : cupidité, haine, et stupidité. Aussi, face à une contrariété nous nous fâchons. Mais rapidement, nous devrions nous en débarrasser, ne pas garder cette haine dans notre cœur.

Les profanes aiment bien garder d'année en année. Ils pensent que c'est une idée intelligente, ne se rendant pas compte qu'ils sont en train de s'attirer des afflictions, des souffrances, aucun intérêt. C'est pourquoi, Bouddha nous enseigne de nous débarrasser de toute haine, toute rancœur. Accumuler tout ne nous apporte que : souffrances non seulement dans le présent, mais encore dans l'avenir.

Dans ses Sutras, Bouddha a dit : avant de se débarrasser de cette enveloppe humaine pour endosser une autre, notre propre karma d'amour et de haine nous suivra, si nous aimons très fort une personne, ou si nous détestons quelqu'un, nous pensons à lui. En repensant à nos souvenirs, n'est-il pas vrai que naturellement nous pensons à ceux que nous aimons et ceux que nous détestons le plus, nous ne les oublions jamais, c'est plus fort que nous. C'est pourquoi, plus nous les gardons profondément dans notre cœur, lors de notre départ, ces karmas nous guideront, nous dirigeront et nous conduiront vers des milieux correspondants.

C'est pourquoi, au moment où nous endossons une nouvelle enveloppe, si nous gardons dans notre cœur trop de haines et de rancœurs, nous serons dirigés vers des familles remplies de haines, de colères, dépourvues de joie, de bonheur (ceux qui se ressemblent, s'assemblent). Dans le présent, nous souffrons, dans l'avenir, nous continuerons à souffrir également. Ceci est très important ! Soyez-y vigilants !

Ne nourrissons pas de haines, ni de vengeances dans notre cœur, débarrassons-nous en toutes ! Laissons passer le passé. Victoire ou défaite, vainqueur ou vaincu ; avoir raison ou avoir tort importent peu ; l'essentiel c'est de mener une vie paisible, sereine et heureuse. C'est ce que nous devrions nous en préoccuper le plus. Donc, si nous voulons vivre dans le bonheur, que devrions-nous faire ? Garder ou se débarrasser ? S'attacher ou se détacher ? Se débarrasser, se détacher, bien sûr. C'est pourquoi, je dis qu'un pratiquant bouddhiste, pour mettre fin à ses souffrances, doit se débarrasser de tout, ne rien garder dans son cœur. Ceci est la deuxième règle.

Troisièmement, ne vous croyez pas toujours avoir raison et que les autres ont tort. Car, en ce monde, rien n'est absolument juste, ni absolument faux. Chaque fois qu'on ouvre la bouche, c'est toujours : « Je pense avoir raison ». Votre interlocuteur dit aussi qu'il a raison. Or, on a raison d'après son point de vue, l'autre aussi a raison d'après ses propres pensées, donc tous les deux ont raison. Allait-on se disputer ? Ou si on optait pour l'égalité ? En ce monde, en général, par peur de perdre la face, ou par fierté, ou par amour-propre, personne n'accepte d'être vaincu. Si on avait raison, forcément l'autre aurait tort, et si l'autre avait raison, alors, forcément on aurait tort. C'est pourquoi, quand l'autre disait qu'il ne pensait pas comme nous, et qu'il avait raison alors on s'emporte et lui aussi. Les deux colères s'affrontent, on se dispute puis finit par en venir aux mains, parfois s'entretuer.

Ainsi, un seul mot « se débarrasser » aurait suffi pour éviter de tel drame et vivre dans la paix, il n'en faudrait pas davantage ! Il suffit de pratiquer un seul mot pour bénéficier toute une vie de bonheur, de gaieté. Pourquoi s'en priver ? Dans le cas contraire, vous auriez toujours un visage désagréable, ridé à force de grimacer, incessamment mécontent de ceci, de cela, de ses enfants de sa femme, de son mari, de cette société, toujours renfrogné durant des dizaines d'années. Quels gâchis ! C'est pourquoi, nous devons nous détacher, nous débarrasser de tout, dans la joie du fond du cœur. Nous n'avons que quelques dizaines d'années à vivre, vivons de telle sorte qu'on soit satisfait, heureux, produisant sans cesse des bénédictions nous permettant d'accéder à la Terre Pure du Bouddha Amitaba. Pour l'instant, ne restez pas là à broyer du noir, à ruminer votre haine, cela ne fait qu'empirer vos souffrances, vous rendre plus malheureux.

J'espère que vous avez bien écouté, bien compris le message du Bouddha, et que vous allez l'appliquer dans vos pratiques afin que nous puissions vivre dans le bonheur et la joie, plus de chagrins, ni de tristesse, et ce, jusqu'à notre dernière heure. Ceci est la réussite d'un bon pratiquant bouddhiste.

LE BONHEUR DE SE DEBARRASSER

En général, on pense qu'on est heureux quand on est en possession de quelque chose, par exemple : une maison, des voitures, une belle femme, des enfants sages, des fortunes, des pouvoirs etc. Tant qu'on ne les a pas en possession, on cherche par tous les moyens pour les avoir. Ensuite, les ayant en mains, on craint de les perdre, ou on s'en lasse et on en désire d'autres. Tant qu'on ne les obtient pas on est malheureux, on souffre. Un pratiquant bouddhiste pense que : « Ne rien posséder » c'est le bonheur. « Ne rien posséder » relève de la Sagesse qui nous éclaire que toute souffrance en ce monde prend source à partir de la cupidité, des désirs. Un pratiquant bouddhique ne veut rien posséder, s'il a en possession d'un objet, il apprend à s'en débarrasser, car toute possession en ce monde signifie attachement.

Néanmoins, pour ceux qui ne possèdent rien, qui ne sont pas encore satisfaits dans leurs désirs, leurs souhaits, toujours assoiffés, préoccupés dans leur poursuite des biens matériels, pour eux, « se débarrasser » c'est un acte extrêmement difficile, car ils ne possèdent rien, alors comment et de quoi peuvent-ils se débarrasser ?

Bouddha Sakyamuni, autrefois, étant encore Prince, avait en sa possession : une femme, un enfant, de l'or, de l'argent, des fortunes, des concubines, toutes les richesses du monde, et pourtant, sans cesse, IL se sentait accablé de chagrins, de soucis, jamais heureux. C'était la raison pour laquelle, IL avait tout quitté, se débarrassait de tout, partait à la recherche de la Vérité, du Vrai Bonheur. Par contre, il existe des pratiquants qui passent leur temps à poursuivre des biens matériels, des richesses, des fortunes, des célébrités, des intérêts personnels, car durant toute leur existence ils n'en ont jamais eus, donc, ils sont toujours insatisfaits toujours assoiffés, jamais heureux. Seulement, quand ils les ont en possession et après de multiples expériences personnelles, ils se rendent compte que tout ce qu'ils obtiennent avec beaucoup de difficultés et de sacrifices ne font que leur apporter des ennuis et souffrances, alors, il est possible qu'à ce moment-là, l'idée de « se débarrasser » leur vienne à l'esprit.

Tout d'abord, pour subsister, on possède un corps, on devrait le nourrir, l'habiller, l'abriter ; on devrait alors travailler pour avoir de quoi manger, s'habiller, louer ou acheter une maison pour

s'abriter contre le soleil et la pluie. Quand ce corps tombe malade, on devrait lui procurer des médicaments, des soins. Si on se marie, et on a des enfants, on devrait travailler davantage pour nourrir sa femme et ses enfants. Toute la journée, on ne cesse de réfléchir, de chercher par tous les moyens pour prendre soins de ce « moi » et de ce que possède ce « moi ».

Le bonheur de « se débarrasser » signifie à peu près : « se contenter de ce qu'on a » cela veut dire : aussi « pas de désir, démuné, mais heureux, satisfait ». Vis-à-vis d'un pratiquant bouddhique extra-mondain, ne rien posséder c'est un véritable bonheur. En disant ainsi, on a l'impression d'aller à l'encontre du courant de la vie humaine, or, un pratiquant bouddhique n'est-il pas précisément celui qui va à l'encontre de la vie courante ?

« Se débarrasser » c'est comme une personne qui marche en portant un lourd fardeau sur ses épaules, et qui, aujourd'hui, dépose cette lourde charge par terre, se sent extrêmement léger et heureux. Un pratiquant bouddhique devrait apprendre à se débarrasser, plus on se débarrasse, plus on se sentirait léger. « Se débarrasser » ne veut pas dire : jeter toute sa fortune, son argent, ses biens matériels qui sont en sa possession.

Tout d'abord « Se débarrasser » c'est se débarrasser de tout désir superflu, toute colère, tout chagrin qui pèsent sur son cœur ; ensuite, extérieurement, se débarrasser de tout attachement, de biens matériels qui nous ligotent. Quoique vivant au milieu des richesses, nous ne devrions pas penser que ces richesses nous appartiennent, ainsi, s'il nous arrivait de les perdre ou que quelqu'un nous les prenne, nous ne nous en affligerions pas, nous nous sentirions plus légers, car nous aurions déposé notre fardeau.

Si on arrive à se débarrasser de tout, au point extrême, lors de notre départ, on aurait déposé toute notre charge, surtout de ce corps formé de quatre éléments, aujourd'hui, vieux, faible et malade. Nous l'avons porté sur nos épaules durant tout le long de notre existence, aujourd'hui, nous nous en sommes débarrassés, ne sommes-nous donc pas plus légers, plus heureux ? C'est la raison pour laquelle, les Méditateurs parfaitement accomplis, à leur mort, partent le cœur léger, plein de joie et de sérénité.

En général, quand on a faim, on veut manger, et pour manger, on réclame ceci cela, et par gourmandise, on en mange trop et on attrape des maux de ventre, on se sent lourd, ballonné, on respire mal. Quand on a soif, et pour boire, on préfère des boissons alcoolisées mauvaises pour la santé on en boit démesurément, ensuite on s'enivre, on vomit. A la longue, de toute évidence, on attrape un cancer ou une hépatite.

Un pratiquant bouddhique est celui qui va à la recherche du vrai bonheur. On l'obtient seulement quand on s'est totalement débarrassé de tout, dépourvu de toute envie. Par conséquent, le vrai Bonheur c'est précisément la libération de la pensée du désir. Donc, pour se libérer, on doit apprendre à se débarrasser. Observons notre conscience, voyons si nous sommes encore attachés, si nous aimons ou détestons encore quelque chose ? Il existe des gens qui arrivent à se débarrasser de leur femme et leurs enfants mais qui s'attachent à la pagode ; qui se débarrassent de leurs fortunes mais qui s'attachent à la célébrité, aux conditions sociales, c'est plus fort qu'eux, se débarrassant de ceci, on s'attache à cela.

Une manière de partager deux pièces d'argent

Le petit Lula était né en Octobre 1945 dans une famille de paysans vivant au Brésil. Issu d'une famille pauvre, à l'âge de 4 ans le petit garçon était obligé d'aller vendre des cacahouètes dans la rue, toujours mal habillé, manquant de nourritures.

Après être entré dans l'École Primaire, sa famille emménageait dans la ville de Rio-de-Janeiro. Après école ; le petit Lula, en compagnie de deux autres gamins du même âge, ensemble, ils allaient cirer des chaussures aux coins des rues, pour gagner un peu d'argent. Les jours où ils ne trouvaient pas de clients, ils jeûnaient.

A douze ans, par un après-midi, un client se présenta. C'était le patron d'une blanchisserie et teinturerie. Les trois garçons se précipitèrent à sa rencontre et le saluèrent. Regardant les trois paires d'yeux suppliants des gamins, ce dernier ne savait que faire ? Lequel choisir ? Finalement, il décida ainsi :

« Celui qui a le plus besoin d'argent, je l'engagerai et je lui paierai deux pièces d'argent ».

Normalement, le cirage d'une paire de chaussures ne coûtait que vingt centimes, deux pièces d'argent représentaient une grosse somme. Les trois paires d'yeux brillèrent. Le plus petit disait :

« Depuis ce matin, je n'ai encore rien mangé, si je ne gagne pas cet argent, de toute la journée, je n'aurai rien à manger, je mourrai de faim ».

Le deuxième disait : « Depuis trois jours, toute ma famille s'est privée de nourritures, en plus, ma mère est malade, je dois acheter des médicaments pour ma mère et des nourritures pour toute ma famille, si je n'obtiens pas ce travail, ce soir je serai battu ».

Quant à Lula, regardant les deux pièces d'argent dans la main du client, il réfléchit un moment, puis dit : « Si vous me donnez ce travail, et si je gagne ces deux pièces d'argent, j'en donnerai un à chacun d'entre eux ».

La proposition de Lula surprit énormément le client autant que ses deux copains. Lula ajouta :

« Ils sont mes plus chers amis ; ils ont déjà jeûné une journée, quant à moi, j'ai pu grignoter quelques grains de cacahouètes cet après-midi, j'ai donc plus de forces qu'eux pour cirer vos chaussures, laissez-moi ce travail, je suis sûr que vous en serez satisfait ».

Le patron l'engagea. Le gamin se mit immédiatement à polir, à lustrer. Après un travail soigneux, les chaussures du client brillèrent. Le patron lui donna deux pièces d'argent. Lula en donna un à chacun de ses deux camarades, comme il avait promis.

Quelque jours plus tard, le patron de la blanchisserie revint chercher le petit Lula et lui proposa de venir, après école, dans sa blanchisserie, apprendre le métier. Le dîner lui sera offert. Le salaire durant l'apprentissage, quoique très bas comparé à celui du cirage des chaussures, était plus que satisfaisant.

Le jeune garçon réalisait alors que : s'il avait la chance de pouvoir changer sa vie, c'était grâce au fait qu'il avait tendu la main pour sauver ceux qui étaient dans le besoin. A partir de ce jour, dans la mesure du possible, Lula était toujours prêt à

voler au secours de ceux qui étaient plus malheureux que lui.

Quelque temps après, Lula quittait l'école pour travailler, en tant qu'ouvrier, dans une entreprise de mécanique. Afin de protéger les classes ouvrières, il s'engageait dans des Confédérations du Travail ; et à 45 ans fondait le Syndicat des Forces Ouvrières.

En 2002, dans sa campagne présidentielle, il proclamait le slogan : « Trois repas pour tous, sans distinction, sans discrimination, dans son pays ». Il a été élu Président du Brésil. En 2006, réélu pour un deuxième mandat de quatre années suivantes. Durant ses huit années de fonction, il a réalisé exactement ce qu'il avait promis. Dans son pays, 93% d'enfants, et 83% d'adultes vivaient décemment, ayant de quoi manger suffisamment à leur faim, et de quoi s'habiller chaudement. Il a réalisé exactement selon son idéal : « Aider les pauvres ».

Le Brésil, sous son gouvernement, n'était plus « le dinosaure » mâchant de l'herbe, mais était devenu « le roi-lion » de l'Amérique, dixième puissance économique mondiale.

Luiz Inácio Lula da Silva : c'était le nom de ce Président sortant du 31-12-2010.

Vous êtes un homme heureux

Le matin, quand vous vous réveillez, vous vous sentez en bonne forme, pas malade, vivre en pleine liberté ... Plutôt qu'allongé dans un lit d'hôpital d'urgences, vous êtes plus heureux que des millions de personnes sur le point de mourir au cours de cette semaine.

En général, on ne tient pas compte de ce qu'on possède ; seulement, après l'avoir perdu, on le regrette, on s'en mord le doigt, mais ce serait trop tard !

Si vous n'avez pas encore affronté les atrocités de la guerre, la solitude, les prisons, les douleurs de la potence, la fuite, la faim, la soif, le vagabondage, la vie sans famille, sans abri, la vie au jour le jour, ... Vous seriez plus heureux que des centaines de millions de gens en ce monde.

Si vous aviez la possibilité de voyager sans difficulté, vous auriez plus de chance que les trois milliards de gens en ce monde.

Si vous aviez de quoi mettre dans votre réfrigérateur, de quoi vous habiller, un endroit pour vous abriter, pour poser votre tête pour dormir, à ne pas vous soucier trop du lendemain ... Vous seriez plus riche que 75% des gens en ce monde.

Si vous aviez un compte en banque, de l'argent dans votre sac, des pièces quelque part dans votre porte-monnaie ... Vous seriez l'un des 8% des fortunés en ce monde.

Si vos parents étaient encore en vie, ou mieux encore, vivaient ensemble, s'aimaient toujours, ensemble, s'occupaient encore de vous, et s'il n'y avait pas de deuil dans la famille, vous seriez vraiment l'homme le plus rarement chanceux en ce monde !

Qu'attendez-vous encore pour exprimer vos sentiments à l'égard de vos parents, vos frères, vos sœurs, vos amis proches ou éloignés. Pourquoi attendez-vous jusqu'à la dernière minute pour aimer vos parents et pour vous en occuper ?

Le bonheur est entre vos mains ! Ne le cherchez pas ailleurs ! Même au Paradis, il n'est pas sûr que vous puissiez revoir vos parents, vos conjoints, vos frères, vos sœurs, vos amis. Même dans dix ans, il vous serait impossible de réaliser cela. De l'eau aura passé sous le pont et le temps ne reviendra jamais !

Si vous pouviez toujours garder la tête haute, un sourire aux lèvres, témoigner de la reconnaissance envers la société, vous seriez un homme heureux, car la plupart des gens l'ont ressenti, mais refusent de l'admettre, encore moins de le manifester. Etant trop cupides, ils se créent leurs propres souffrances !

Si vous pouviez tenir la main de quelqu'un, lui faire un câlin, l'encourager, le motiver par quelque moyen concret ou abstrait ... Vous seriez un homme heureux, car vous auriez pansé sa blessure du cœur, soulagé quelque peu les souffrances de l'humanité !

Tous les jours, en ce moment précis, combien de gens souffrent pour de multiples malheurs, à commencer par les maladies, jusqu'à la guerre, la prison, la famine, des misères, chaque jour, en Afrique, des milliers d'enfants meurent de faim !

Si vous aviez la possibilité de lire cet email, vous seriez plus heureux que deux milliards de gens

sur cette planète, car ils ne peuvent pas lire, ne serait-ce qu'un mot, et vivent encore à l'état sauvage.

Vous êtes l'homme le plus heureux, comblé de bonheurs, seulement, vous ne vous en rendez pas compte ! Ne vous plaignez pas ! Ne réclamez pas trop ! Car personne ne sait ce qui va arriver demain. La loi de la non-permanence s'avère toujours juste ! Ne gaspillez pas le bonheur entre vos mains !!

66 phrases dans l'étude du Bouddha Dharma

Sa Sainteté le Dalai Lama

4. Ouvrez votre cœur, pardonnez votre prochain, même si on vous blessait, pardonnez toujours, ainsi vous obtiendrez le Vrai Bonheur.

5. Quand vous êtes gai, pensez que cette gaieté ne durera pas éternellement, de même, quand vous souffrez, pensez que cette souffrance ne durera pas non plus éternellement.

6. Nos rancœurs d'aujourd'hui, seront nos remords de demain.

7. Vous pouvez vous engager dans l'amour, mais ne vous y attachez pas trop, car la séparation sera inévitable.

8. Ne gaspillez pas votre énergie vitale dans des endroits où vous êtes sûr de récolter plus tard des remords.

9. Quand vous vous êtes vraiment débarrassé de tout, vous mettez fin à vos ennuis.

10. Chaque blessure vous mûrit.

11. Les fous prétentieux peuvent encore être sauvés, mais les complexés, aucun moyen, sont irrécupérables, à moins qu'ils reconnaissent leurs

erreurs, qu'ils se maîtrisent, et acceptent de se corriger.

12. Ne soyez pas constamment mécontent vis-à-vis des autres, vous feriez mieux de tourner votre conscience vers l'intérieur, faire une introspection. Être mécontent envers les autres c'est s'attirer des ennuis, des souffrances.

13. Si, du fond du cœur, vous n'arrivez pas à pardonner, vous ne trouverez jamais la paix dans l'âme.

14. Celui qui ne se préoccupe constamment que de ses propres pensées, ses propres opinions, n'entendra jamais la voix des confidences d'autrui.

15. Il suffit d'une phrase pour anéantir une personne, mais pour construire une personne, il nous faut mille paroles. Alors, Monsieur ! Veuillez donc « utiliser mille paroles pour créer des sentiments humains ».

16. De toute évidence, vous n'avez pas besoin de tourner la tête pour voir la personne qui vous insulte. De même, si vous êtes mordu par un chien enragé, alliez-vous vous retourner, courir après le chien et le mordre pour lui rendre la monnaie de sa pièce ?

17. Ne gaspillez pas votre temps, ne serait-ce qu'une minute, pour penser à celui ou celle que vous détestez.

18. Pour exposer les fausses et injustes accusations qui vous ont été infligées, j'espère que vous sachiez comment vous y prendre : de la compassion, de la générosité, une attitude conciliante. De cette façon, il est possible qu'on vous accepte.

19. Pour un si beau vase, pourquoi le remplir avec de tels poisons ? Pour une âme aussi pure, pourquoi lui infliger de telles afflictions ?

(à suivre)

Ủng hộ Báo Phật Pháp dài hạn, góp phần vào việc truyền bá Phật pháp Je fait un don pour la revue Bouddhadharma

Họ và Tên / Nom et prénom :

Địa chỉ / Adresse :

Điện thoại / Téléphone :

Ủng hộ tùy hỉ :

Votre don :





Chùa/Pagode Kim Quang
 75, Allée Circulaire
 93600 Aulnay Sous Bois-France
 Tel: 01.48.69.01.24 - 06.25.05.03.89
 e-mail: kimquangtu@gmail.com
 website : chuakimquang.com

Phật Pháp/Bouddhadharma 47

- Tờ Phật Pháp/La revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ vào những ngày lễ lớn trong năm/Edition les grandes fêtes dans une année.
- Chủ Nhiệm: Vén. Thích Minh Định-Hằng Lý.
- Những bài dịch tiếng Pháp và đánh máy : Cô Lý Thị Minh Nguyệt.
- Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, cô Giác Vân, cô Diệu Hải, cô Giác Hào, cô Đồng Thu, anh chị Phát, chị Nuôi, cô Liên, Chú Thiện, Chú Giác Đạo, Chú Giác Luân, Chú Giác Thuận, Cô Chú Sứ, Cô Li, Cô Nisha, Cô Vi, Cô Hồng....
- Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng Tuyên Hoá, để chúng ta nghiên cứu, tu học, lợi mình, lợi người.
- Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, là góp phần nhỏ vào việc truyền bá Phật pháp, công đức vô lượng.
- Mọi chi tiết xin liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang
 75, Allée Circulaire
 93600 Aulnay Sous Bois-France
 Tel : 01.48.69.01.24-06.25.05.03.89
 e-mail: kimquangtu@gmail.com
 website: chuakimquang.com

Trong số này/Sommaire

Kinh Hoa Nghiêm giảng giải	3
Kinh Pháp Hoa giảng giải	5
Chú Lăng Nghiêm giảng giải	8
Chú Đại Bi giảng giải	10
Pháp ngữ của H.T Hu Vân	13
Hám Sơn đại sư	15
Giáo huấn của các vị Tổ tịnh độ	18
Cuộc đời H. T Tuyên Hoá	19
Rộng khuyến phát tâm bồ đề	21
Vấn đạo Đạt Ma	23
Phước huệ song tu	25
Thuyết luân hồi	27
Ai làm cho ta khổ	28
Gieo hạt mỗi ngày	31
Âm thực – Thơ	32
Tích chuyện trường lão Sầm Mặc Gia	33
Công đức phóng sinh	33
Kinh Phước Đức	35
Tôi chỉ là một ông Thầy tu	36
Vie et oeuvre prédicante du Vén...	37
Donner et recevoir	39
Le temple magnifique, mais Bouddha...	40
Quel bonheur de pouvoir tout lâcher	41
Une leçon inestimable...	42
Un seul mot se détacher	45
Le bonheur de se débarrasser	46
Une manière de partager 2 pièces d'argent	48
Vous êtes un homme heureux	49

TẾT - GIAO THỪA

☸ **Đón Giao Thừa: Tối Thứ Năm 30/01/2014.**

- 23 h 00 : Tụng Kinh và rước Vía Di Lặc.
- 00 h 00 : Nói về ý nghĩa xuân trong cửa Phật.
- 00 h 15 : Phát lộc và lì xì đầu năm.

☸ **Tết Nguyên Đán : Mừng Một Đền mừng Mười Tết.**

Mùng Một Tết thứ sáu 31/01/2014.

- 09 h 30 : Phát lộc, lì xì đầu năm.
- 10 h 15 : Tụng Kinh Phổ Môn, cầu thế giới hoà bình, chúng sinh an lạc.
- 11 h 00 : Khai thị, chúc Tết đầu năm.
- 11 h 50 : Thọ trai.

Mùng ba Tết chủ nhật 02/02/2014.

- 10 h 00 : Tụng Kinh Phổ Môn cầu an đầu năm.
- 11 h 00 : Khai thị nhân ngày đầu năm mới.
- 11 h 50 : Thọ trai.
- 13 h 30 : **Văn Nghệ mừng xuân Giáp Ngọ**, do các Phật tử Chùa Kim Quang và các anh em nghệ sĩ phát tâm góp phần văn nghệ vui xuân đầu năm.
- 18 h 00 : Hoàn mãn.

Lễ Thượng Nguyên

chủ nhật 23/02/2014, tức ngày 24 tháng Giêng ÂL:

- 09 h 30 : Chư Phật tử tề tựu
- 10 h 00 : Khoá lễ tụng Kinh Dược Sư.
- 11 h 00 : Cúng Phật và tuyên sớ cầu an giải hạn đầu năm.
- 11 h 30 : Thuyết pháp.
- 12 h 15 : Thọ trai.
- 14 h 00 : Thí thực.
- 16 h 00 : Hoàn mãn.